KIM CƯƠNG KHÁI LUẬN

Thích Viên Lý

KIM CƯƠNG KHÁI LUẬN

THÍCH VIÊN LÝ

Xuất bản lần thứ Nhất, 2025

Thích Viên Lý © Copyright 2025

ISBN #

Dàn trang: Lê Giang Trần

THÍCH VIÊN LÝ

KIM CƯƠNG KHÁI LUẬN

Bodhi Wisdom
DN Publishing
2025

MỤC LỤC

Niệm Hương 11
Kệ Khai Kinh 13
Kinh Kim Cương 15
Hồi Hướng - Tam Tự Quy Y 62

Lời Giới Thiệu 65
Lời Mở Đầu 69

Chương I

Khái Quát Kinh Kim Cương • 73

1. Giải Thích Đề Kinh 75
2. Quá trình phiên dịch và truyền bá 78
3. Ứng dụng trong đời sống hiện đại 80

Chương II

Nội dung Kinh Kim Cương • 81

Đoạn 1: Pháp Hội Nhân Do 82
Đoạn 2: Thiện Hiện Khải Thỉnh 87
Đoạn 3: Đại Thừa Chánh Tông 91

Đoạn 4: Diệu Hạnh Vô Trụ 95
Đoạn 5: Như Lý Thật Kiến 99
Đoạn 6: Pháp Thân Phi Tướng 105
Đoạn 7: Phi Thuyết Sở Thuyết 108
Đoạn 8: Xuất Sinh Chư Phật 111
Đoạn 10: Trang Nghiêm Tịnh Độ 122
Đoạn 11: Uy Đức Tự Tại 125
Đoạn 12: Vô Đắc Vô Thuyết 128
Đoạn 13: Tôn Trọng Chánh Giáo 134
Đoạn 14: Ly Nhất Thiết Tướng 142
Đoạn 15: Xứng Tán Công Đức 146
Đoạn 16: Thiện Tú Tín Thọ 151
Đoạn 17: Ly Tướng Tịch Diệt 154
Đoạn 18: Nhất Thể Đồng Quán 160
Đoạn 19: Nhất Thể Đồng Quán 164
Đoạn 20: Thật Tướng Vô Tướng 167
Đoạn 21: Thiện Hiện Quán Không 170
Đoạn 22: Công Đức Thắng Lợi 174
Đoạn 23: Công Đức Tịnh Tâm 180
Đoạn 24: Công Đức Tịnh Tâm 183
Đoạn 25: Thống Lý Đại Chúng 186
Đoạn 26: Ly Tướng Tịch Diệt 190
Đoạn 27: Thống Lý Đại Chúng 193
Đoạn 28: Nhất Thể Đồng Quán 199
Đoạn 29: Thật Tướng Bình Đẳng 203

Đoạn 30: Nhất Tướng Vô Tướng 206
Đoạn 31: Tri Kiến Bất Sanh 210
Đoạn 32: Ứng Hoá Phi Chơn 215

Chương III

Yếu Nghĩa Tổng Quát Kinh Kim Cương Bát Nhã • 225

1. Tánh Không – Bản Chất Rỗng Lặng Vạn Pháp 226
2. Vô Ngã – Phá Bỏ Tứ Tướng 227
3. Bất Nhị – Vượt Thoát Mọi Phân Biệt 227
4. Vô Sở Trụ – An Trú Trong Rỗng Lặng 228
5. Duyên Khởi và Liên Hệ với Tánh Không 229
6. Phá Danh, Phá Pháp – Không Còn Gì Để Chấp 230
7. Từ Bi Vô Tướng – Hành Động Không Vì Cái Tôi 230
8. Trí Tuệ Ba-la-mật – Vượt Ngoài Mọi Định Danh 231
9. Dụ Ngôn về Bản Chất Thực Tại 231

Chương IV

Kinh Kim Cương và Khoa Học • 233

1. Albert Einstein: $E = mc^2$ và Bản chất Thực tại 234
2. Stephen Hawking và Thuyết Vụ Nổ Lớn 236
3. Các bằng chứng khoa học và tính tương thích với tư tưởng của Kinh Kim Cương 237

Chương V

Phương pháp thực hành theo Kinh Kim Cương

1. Quán chiếu tính vô ngã của tất cả các pháp 245
2. Vô ngã trong Trải nghiệm Cá nhân 246
3. Thực hành quán chiếu 247
4. Bản chất ảo tưởng của Ngã, Nhân, ... 248
5. Khái niệm "Nhân tướng" 249
6. Chúng Sanh tướng cũng chỉ là tên gọi 249
7. Thọ giả tướng như một sự phóng chiếu... 250
8. Thực hành Không dính mắc vào Bản sắc 250
9. Phủ nhận sự ràng buộc 251
10. Bình thản: Tâm tự tại, an nhiên 252
11. Phi nhị nguyên và bản chất của giáo pháp 252
13. Thực hành Trí tuệ Bát Nhã 253
14. Vượt qua khó khăn trong thực hành 254
15. Thực hành Từ bi thông qua sự không thủ chấp 255
16. Sự tự tại của một Bồ Tát 256

Chương VI

Kết Luận **257**
Tài Liệu Tham Khảo 263
Sách Cùng Tác Giả Đã Xuất Bản 265
Phương Danh Chư Phật Tử Cúng Dường In Ấn 271

NIỆM HƯƠNG

Giới hương Định hương và Tuệ hương
Giải thoát, Giải thoát tri kiến hương
Ánh sáng vần hương phủ trùm pháp giới
Cúng dường chư Phật khắp mười phương

Nam Mô Hương Cúng Dường Bồ Tát
(3 lần)

ĐẢNH LỄ TAM BẢO

Phật là đấng tối tôn toàn giác
Trí và bi toả ngát muôn phương
Đại đạo sư ban vui cứu khổ
Độ chúng sanh giải thoát trầm luân

Nhất tâm đảnh lễ tất cả ba đời chư Phật
trong khắp mười phương (1 lạy)

Pháp là đuốc soi đường dẫn lối
Là thuyền từ cứu khổ độ sanh
Kinh Luật Luận sâu xa vi diệu
Là con đường giải thoát vô minh

Nhất tâm đảnh lễ tất cả ba đời Chánh pháp trong khắp mười phương (1 lạy)

Tăng là bậc chân tu thạc đức
Nguyện hiến mình phụng sự tha nhân
Thừa truyền Phật pháp quên thân
Nêu cao hạnh nguyện báo ân độ đời

Nhất tâm đảnh lễ tất cả ba đời hiền thánh Tăng trong khắp mười phương (1 lạy)

Cúi lạy đấng tam giới tôn
Quy mạng mười phương Phật
Con nay phát đại nguyện
Trì tụng Kinh KIM CƯƠNG
Trên đền bốn ơn nặng
Dưới cứu khổ ba đường

Nếu có ai thấy nghe
Đều phát Bồ đề tâm
Hết một báo thân này
Sanh qua cõi Cực lạc

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
(3 lần)

KỆ KHAI KINH

Pháp vi diệu rất sâu vô lượng
Trăm ngàn muôn ức kiếp khó gặp
Nay con thấy nghe được thọ trì
Nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai

Nam mô Khai Bảo Tạng Bồ Tát ma ha tát
(3 lần)

KINH KIM CƯƠNG

Tỳ kheo Thích Viên Lý dịch

Đây là những gì tôi nghe được. Có một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-Thọ-Cấp-Cô-Độc, tại nước Xá-Vệ cùng với đại chúng gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo. Khi ấy, gần đến giờ thọ trai, Đức Thế Tôn, đắp y, cầm bình bát đi vào thành lớn Xá-Vệ khất thực. Ở trong thành, Đức Phật tuần tự khất thực xong trở về chỗ cũ. Sau khi thọ thực, thu cất y bát, rửa chân rồi ngồi trên pháp tòa đã sắp xếp sẵn.

Lúc bấy giờ, trưởng lão Tu-Bồ-Đề ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch y bên vai phải, quỳ gối phải sát đất, chắp tay cung kính bạch Phật rằng:

Đức Thế Tôn, thật hiếm có! Như Lai khéo hộ niệm các Bồ Tát, khéo khuyên bảo, giao phó các Bồ Tát. Bạch Đức Thế Tôn! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì làm sao an trụ, làm sao hàng phục tâm mình?

Đức Phật dạy:

Rất tốt, rất tốt. Tu-Bồ-Đề! Như ông đã nói: Như Lai khéo hộ niệm các Bồ Tát, khéo phú chúc các Bồ Tát. Bây giờ ông hãy lắng nghe! Ta sẽ bảo

với ông phải như thế nào để Thiện nam tử, thiện nữ nhơn phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác có thể an trụ và hàng phục tâm mình.
Thưa vâng. Bạch Đức Thế Tôn! Con rất mong muốn được nghe.
Đức Phật bảo Tu-Bồ-Đề:
Các đại Bồ Tát nên như vầy mà hàng phục tâm mình. Tất cả chúng sanh hoặc sinh từ trứng, hoặc sinh từ thai, hoặc sinh từ nơi ẩm thấp, hoặc sinh từ sự chuyển hóa, dù chúng có hình dạng hay không có hình dạng; hoặc có nhận thức hay không có nhận thức; hoặc chẳng phải có nhận thức, chẳng phải không có nhận thức; ta đều khiến họ nhập Vô dư Niết bàn mà diệt độ.

Những chúng sanh diệt độ như thế là vô lượng, vô số, vô biên nhưng thật ra không có chúng sanh nào được diệt độ. Tại sao thế? Tu-Bồ -Đề! Nếu Bồ tát có Ngã tướng, Nhân tướng, Chúng sanh tướng, Thọ giả tướng thì chẳng phải là Bồ Tát.

Lại nữa, Tu-Bồ-Đề! Bồ tát đúng như pháp thực hành bố thí thì không có chỗ trụ. Đó là không trụ sắc mà bố thí, không trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp mà bố thí. Tu-Bồ-Đề! Bồ Tát nên bố thí như thế, không trụ vào tướng. Tại sao? Nếu Bồ tát không trụ tướng bố thí thì phước đức đó không thể suy tính, đo lường.

Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Hư không ở phía đông có thể suy tính

đo lường được không?
Không được, bạch Đức Thế Tôn!
Tu-Bồ-Đề! Có thể suy nghĩ đo lường hư không ở phía trên, phía dưới, nam, tây, bắc hay bốn phương không?
Không được, bạch Đức Thế Tôn!
Tu-Bồ-Đề! Nếu Bồ Tát bố thí mà không trụ nơi tướng thì phước đức lại cũng không thể nghĩ lường như thế.
Tu-Bồ-Đề! Bồ Tát nên đúng như lời đã dạy mà trụ.
Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Có thể thấy Như Lai bằng thân tướng không?
Không thể, bạch Đức Thế Tôn! Không thể thấy Như Lai bằng thân tướng. Tại sao? Đức Như Lai nói thân tướng tức chẳng phải là thân tướng.

Đức Phật bảo Tu-Bồ-Đề:
Tất cả các tướng đều là hư vọng. Nếu thấy tất cả tướng là chẳng phải tướng, tức thấy Như Lai.
Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Có thể thấy Như Lai bằng thân tướng không?
Không thể, bạch Đức Thế Tôn! Không thể thấy Như Lai bằng thân tướng. Tại sao? Đức Như Lai nói thân tướng tức chẳng phải là thân tướng.
Đức Phật bảo Tu-Bồ-Đề:
Tất cả các tướng đều là hư vọng. Nếu thấy tất cả tướng là chẳng phải tướng, tức thấy Như Lai.
Tu-Bồ-Đề bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế Tôn! Nhiều chúng sanh nghe được những lời dạy như vậy, họ có thật sự tin không?
Đức Phật bảo Tu-Bồ-Đề:
Đừng nói như thế. Từ khi Như Lai nhập diệt, năm trăm năm sau, có người trì giới, tu phước đối với lời dạy này có thể khởi lên lòng tin, xem đây là sự thật. Nên biết người ấy không phải ở nơi một Đức Phật, hai Đức Phật, ba, bốn, năm Đức Phật đã gieo trồng các thiện căn mà đã ở trong vô lượng ngàn vạn Đức Phật gieo trồng các thiện căn, lúc nghe lời dạy này dù chỉ một niệm đều có niềm tin thanh tịnh. Tu-Bồ-Đề! Như Lai biết và thấy tất cả chúng sanh đều có vô lượng phước đức như vậy.

Tại sao? Vì các chúng sanh không thủ chấp tướng Ngã, tướng Nhân, tướng Chúng sinh và tướng Thọ giả. Không có pháp tướng, cũng không chẳng phải pháp tướng. Vì sao? Tất cả chúng sanh nếu tâm thủ chấp vào tướng, thì đó là chấp trước tướng Ngã, Nhân, Chúng sanh và Thọ giả. Nếu ông thủ chấp tướng của Pháp, tức chấp trước Ngã, Nhân, Chúng sanh và thọ giả. Tại sao thế? Nếu chấp chẳng phải tướng của Pháp, tức chấp trước Ngã, Nhân, Chúng sanh và Thọ giả.

Vì vậy, không nên thủ chấp Pháp, không nên thủ chấp chẳng phải pháp. Do ý nghĩa như vậy, Như Lai thường nói: Này các Tỳ-kheo, phải

biết giáo pháp mà ta thuyết giảng dụ như chiếc bè, Pháp còn nên xả, huống chi là phi pháp.

Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Như Lai đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ư? Như Lai có thuyết pháp chăng?

Tu-Bồ-Đề thưa:

Theo con hiểu ý nghĩa của lời Phật dạy thì không có pháp nhất định gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng không có định pháp mà Đức Như Lai có thể thuyết giảng.

Tại sao? Giáo pháp được Đức Như Lai thuyết giảng thì không thể nắm bắt, không thể nói năng, chẳng phải pháp, chẳng phải chẳng phải pháp.

Tại sao thế? Tất cả hiền thánh, đều

do pháp vô vi mà có sai biệt.
Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Nếu một người dùng bảy thứ báu đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới để bố thí, người ấy được bao nhiêu phước đức?
Tu-Bồ-Đề thưa:
Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều! Tại sao? Phước đức này không phải là tánh của phước đức. Cho nên Đức Như Lai mới nói có nhiều phước đức.
Nếu có người thọ trì kinh này, dù chỉ bốn câu kệ và vì người khác thuyết giảng, thì phước đức của người ấy lớn hơn phước đức của người bố thí kia. Tại sao? Tu-Bồ-Đề! Tất cả Đức Phật và pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác của chư Phật đều xuất sanh từ kinh này. Tu-Bồ-Đề! Gọi là

Phật pháp chẳng phải Phật pháp.
Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Tu Đà Hoàn có thể nghĩ là 'Ta đã đắc quả Tu Đà Hoàn' không?
Tu-Bồ-Đề thưa: Không được, bạch Đức Thế Tôn! Tại sao? Tu Đà Hoàn gọi là Nhập lưu, mà không có chỗ nhập, không nhập vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên gọi là Tu Đà Hoàn.
Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Tư Đà Hàm có thể nghĩ là 'Ta đã được quả Tư Đà Hàm' không?
Tu-Bồ-Đề thưa: Không, Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao? Tư Đà Hàm gọi là Nhất vãng lai, nhưng thực ra không có qua lại, nên gọi là Tư Đà Hàm.

Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? A Na Hàm có thể nghĩ là: 'Ta đắc quả A Na Hàm' không?

Tu-Bồ-Đề thưa: Không, bạch Đức Thế Tôn! Tại sao? A Na Hàm gọi là Bất lai, nhưng thực chất thì không có bất lai, cho nên gọi là A Na Hàm.

Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? A La Hán có thể nghĩ rằng 'Ta đắc đạo quả A La Hán' không?

Tu-Bồ-Đề thưa: Không, bạch Đức Thế Tôn! Tại sao? Thật không có pháp gọi là A La Hán. Bạch Đức Thế Tôn! Nếu A La Hán nghĩ rằng 'Ta đã đạt được đạo quả A La Hán', thì đó là chấp Ngã, Nhân, Chúng sanh và Thọ giả.

Bạch Đức Thế Tôn, Phật dạy con được Vô-tránh Tam- muội, là đệ

nhất tối thượng trong loài người, là đệ nhất ly dục A-La-Hán. Bạch Đức Thế Tôn! Con không nghĩ rằng con là ly dục A-la-hán.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu con nghĩ rằng con đắc đạo quả A La Hán thì Đức Thế Tôn không nói: Tu-Bồ-Đề là người thích thực hành hạnh thanh tịnh. Do Tu-Bồ-Đề thật sự không làm gì nên gọi Tu-Bồ-Đề thích làm hạnh thanh tịnh.

Phật bảo Tu-Bồ-Đề:

Ý ông thế nào? Thuở xưa ở chỗ Phật Nhiên Đăng, ở nơi Pháp, Như Lai có đạt được gì không?

Bạch Đức Thế Tôn! Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng, thật chẳng đạt được gì từ Pháp.

Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Bồ Tát có trang nghiêm cõi Phật không?
Không, bạch Đức Thế Tôn! Tại sao? Trang nghiêm cõi Phật tức chẳng phải trang nghiêm, gọi đó là trang nghiêm.
Do đó, Tu Bồ Đề, các đại Bồ tát đều phải sanh tâm thanh tịnh như vậy, không nên sanh tâm trụ ở sắc, không nên sanh tâm trụ trong thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nên phải sanh tâm không trụ vào đâu
Tu-Bồ-Đề! Ví như có người thân thể giống như núi chúa Tu Di. Ý ông thế nào? Thân thể người ấy có vĩ đại không?
Tu-Bồ-Đề thưa: Thật là vĩ đại, bạch Đức Thế Tôn! Tại sao vậy? Phật dạy

chẳng phải thân, gọi là thân lớn.

Tu-Bồ-Đề! Những sông Hằng nhiều như số cát của một sông Hằng, ý ông nghĩ sao? Số cát của những sông Hằng như thế có nhiều không?

Tu-Bồ-Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn rất nhiều! Những sông Hằng còn nhiều vô số, huống chi là cát.

Tu-Bồ-Đề! Nay Ta nói thật cho ông biết: Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn nào dùng bảy thứ báu nhiều như số cát sông Hằng trong khắp tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, (người ấy) có được phước đức nhiều chăng?

Tu-Bồ-Đề thưa: Rất nhiều, bạch Đức Thế Tôn!

Đức Phật bảo Tu-Bồ-Đề: Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn nào thọ trì dù chỉ bốn câu kệ trong kinh này và vì người khác thuyết giảng thì công đức này sẽ lớn hơn phước đức (của người bố thí) trước đó.

Lại nữa, Tu-Bồ-Đề! Nơi nào thuyết giảng kinh này, ngay cả chỉ bốn câu kệ thôi, nên biết rằng ở nơi ấy, tất cả thế gian, chư thiên, loài người và a-tu-la đều nên cúng dường, giống như cúng dường chùa tháp thờ Phật, huống gì có người có thể thọ trì trọn bộ kinh này.

Tu-Bồ-Đề! Phải biết rằng người ấy thành tựu được pháp tối thượng đệ nhất ít có. Ở đâu có kinh, ở đó có Phật, nếu được Phật tử tôn trọng (thọ trì).

Bấy giờ Tu-Bồ-Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, kinh này có tên là gì? Làm sao chúng con có thể phụng trì?

Đức Phật bảo Tu-Bồ-Đề: Kinh này tên là Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật. Với tên gọi này, ông nên (như pháp) thọ trì. Vì lý do gì? Tu-Bồ-Đề! Phật nói Bát-nhã-ba-la-mật, tức chẳng phải Bát-nhã-ba-la-mật, nên gọi là Bát-nhã-ba-la-mật. Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có thuyết pháp không?

Tu-Bồ-Đề bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Như Lai không thuyết pháp.

Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Có phải tất cả vi trần trong ba ngàn đại thiên thế giới là nhiều lắm không?

Tu-Bồ-Đề thưa: Rất nhiều, bạch Đức Thế Tôn!

Tu-Bồ-Đề! Như Lai nói tất cả vi trần chẳng phải vi trần, gọi là vi trần. Như Lai nói thế giới chẳng phải thế giới, gọi là thế giới. Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Ông có thể dùng ba mươi hai tướng để thấy Như Lai không?

Không, bạch Đức Thế Tôn! Không thể dùng ba mươi hai tướng để thấy được Như Lai. Tại sao? Như Lai nói, ba mươi hai tướng tức là phi tướng nên gọi là ba mươi hai tướng.

Tu-Bồ-Đề! Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào dùng thân mạng nhiều như cát sông Hằng để bố thí và, nếu có người đối với Kinh này thậm chí chỉ thọ trì bốn câu kệ và thuyết giảng

cho người khác, thì được phước đức rất nhiều.

Lúc bấy giờ Tu-Bồ-Đề nghe giảng kinh này, hiểu rõ nghĩa lý sâu xa, vừa rơi lệ vừa bạch với Phật rằng:

Thật hy hữu thay Đức Thế Tôn! Đức Phật dạy kinh điển sâu xa như thế, từ xưa con đạt được Huệ nhãn cho đến ngày nay chưa từng nghe được kinh như thế này.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có người nghe được kinh này và có lòng tin thanh tịnh tức sanh thật tướng phải biết người ấy thành tựu công đức hy hữu đệ nhất.

Bạch Đức Thế Tôn! Thật tướng ấy tức là phi tướng, vì thế Như Lai tạm nói là thật tướng.

Bạch Đức Thế Tôn! Con nay được nghe kinh điển như thế, tin hiểu thọ trì, chẳng cho là đủ khó. Nếu ở đời sau, trong năm trăm năm tới, có chúng sinh nghe được kinh này, tin hiểu và thọ trì thì người này sẽ là người hiếm hoi nhất. Tại sao? Vì người này lại không có ngã tướng, không có nhân tướng, không có chúng sanh tướng, không có thọ giả tướng. Tại sao? Ngã tướng tức là phi tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tức là phi tướng. Tại sao? Xa lìa tất cả tướng tức là chư Phật.

Phật bảo Tu-Bồ-Đề:

Đúng thế, đúng thế. Nếu như có người lại nghe kinh này mà không

kinh, không sợ, không hãi thì nên biết người này rất hiếm có.

Tại sao? Này Tu-Bồ-Đề! Như Lai nói: Đệ nhất ba-la- mật tức chẳng phải đệ nhất ba-la-mật, đây gọi là đệ nhất ba-la-mật. Tu-Bồ-Đề! Nhẫn nhục ba-la-mật, Như Lai nói chẳng phải Nhẫn nhục ba-la-mật nên gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật.

Tại sao? Này Tu-Bồ-Đề! Như thuở xưa, ta bị vua Ca-Lợi chặt đứt thân thể, trong lúc ấy ta không có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng. Tại sao? Thuở trước lúc xương thịt ta bị phân ra từng mảnh nếu ta có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng thì ta đã phát sanh sân hận.

Tu-Bồ-Đề! Nhớ lại thuở quá khứ, trong năm trăm đời ta làm vị Tiên nhơn nhẫn nhục, ở trong thời gian ấy, không có ngã tướng, không có nhân tướng, không có chúng sanh tướng, không có thọ giả tướng.

Vì thế, Tu-Bồ-Đề! Bồ tát nên lìa tất cả tướng để phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Không nên sanh tâm trụ sắc, chẳng nên sanh tâm trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên sanh tâm vô sở trụ; nếu tâm có trụ tức chẳng phải trụ. Thế nên Phật dạy, tâm của Bồ tát không nên trụ vào hình thức (sắc) bố thí. Tu-Bồ-Đề! Vì lợi ích của tất cả chúng sinh, Bồ Tát nên bố thí như vậy. Như Lai nói Tất cả các tướng tức là chẳng phải

tướng, cũng nói rằng, tất cả chúng sanh tức chẳng phải chúng sanh.

Tu-Bồ-Đề, Như Lai là bậc nói lời chân chánh, nói lời chân thật, nói lời như, nói lời không dối trá, nói lời không sai khác. Tu-Bồ-Đề! Pháp mà Như Lai đạt được là pháp không thật không hư. Tu-Bồ-Đề! Nếu tâm Bồ Tát trụ trong pháp mà thực hành bố thí, thì giống như người đi vào bóng tối, không thấy được gì. Nếu tâm của Bồ tát không trụ pháp mà làm việc bố thí thì giống như người có mắt, với ánh sáng của mặt trời, có thể thấy được tất cả các loại vật thể (mọi hình sắc).

Này Tu-Bồ-Đề, ở đời vị lai, nếu có thiện nam hay thiện nữ nào có

thể thọ trì đọc tụng kinh này, thì Như Lai với trí tuệ của Phật biết chắc người ấy, thấy rõ người ấy sẽ thành tựu vô lượng, vô biên công đức.

Này Tu-Bồ-Đề! Nếu có thiện nam hay thiện nữ, đầu ngày bố thí thân thể nhiều bằng số cát sông Hằng, giữa ngày bố thí thân thể nhiều bằng số cát sông Hằng, cuối ngày cũng dùng thân thể nhiều bằng số các sông Hằng để bố thí, bố thí thân thể như thế trong vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp.

Nếu có người nghe được kinh này mà có tín tâm chẳng trái nghịch thì phước đức lớn hơn người bố thí kia. Huống gì viết chép, thọ trì,

đọc, đọc tụng, vì người giải thích, thuyết giảng?

Tu-Bồ-Đề! Nói một cách tóm tắt, kinh này có công đức không thể nghĩ bàn, vô lượng, vô biên không thể đo lường được.

Như Lai vì những người phát tâm Đại thừa mà thuyết giảng, vì những người phát tâm tối thượng thừa mà thuyết giảng. Nếu có người có thể thọ trì, đọc tụng và truyền bá rộng rãi cho người khác, Như Lai đều biết người ấy, đều thấy người ấy thành tựu vô lượng, vô biên công đức, không thể nghĩ bàn. Những người như thế mới gánh vác được đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác của Như Lai.

Vì sao thế? Này Tu-Bồ-Đề! Nếu người ưa thích pháp nhỏ (tiểu pháp), chấp trước ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, thì đối với kinh này không thể nghe hiểu, thọ trì, đọc tụng và vì người giải thuyết.

Tu-Bồ-Đề! Ở bất cứ đâu, nếu có kinh này, thì tất cả thế gian, chư thiên, người, a-tu-la đều nên cúng dường. Nên biết chỗ ấy chính là bảo tháp, đều nên cung kính, đi nhiễu lễ bái, dùng các loại hoa và hương rải ở nơi ấy.

Lại nữa, này Tu-Bồ-Đề! nếu thiện nam hay thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng kinh này mà bị người khác khinh chê, thì do tội nghiệp đời trước

của người này đáng đọa vào đường ác, vì thế nên đời này bị người khinh chê, nhờ thế tội nghiệp đời trước được tiêu trừ và sẽ được vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu-Bồ-Đề! Ta nhớ rằng, trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp quá khứ, trước Đức Phật Nhiên Đăng ta đã gặp tám trăm bốn ngàn vạn ức na-do-tha các Đức Phật và đều cúng dường, phụng sự tất cả, không sai sót. Nếu ở đời sau, thời mạt thế, vẫn còn có người có thể thọ trì, đọc tụng kinh này, thì công đức có được so với công đức mà ta đã cúng dường chư Phật, thì công đức của ta không bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần muôn, một phần ức, thậm chí

dùng toán số, thí dụ cũng không thể so sánh được.

Này Tu-Bồ-Đề! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, ở đời sau, thời mạc thế, thọ trì đọc tụng kinh này, công đức có được nếu ta có thể thuyết giảng đầy đủ sẽ có người nghe tâm liền rối loạn, nghi ngờ chẳng tin.

Tu-Bồ-Đề! Nên biết nghĩa lý của kinh này, không thể nghĩ bàn, quả báo cũng không thể nghĩ bàn.

Lúc ấy, Tu-Bồ-Đề bạch Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì nên trụ như thế nào? Làm sao có thể hàng phục được tâm mình?

Đức Phật bảo Tu-Bồ-Đề:
Các thiện nam tử, thiện nữ nhơn phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên phát tâm như thế này: Ta phải diệt độ tất cả chúng sinh, đã diệt độ tất cả chúng sinh, nhưng không có chúng sinh nào thực sự được diệt độ. Tại sao? Nếu Bồ tát có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tức chẳng phải Bồ tát.
Tại sao? Này Tu-Bồ-Đề! Thật ra không có pháp để phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác.
Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng có pháp gì để được vô thượng chánh đẳng chánh giác không?

Thưa không, bạch Đức Thế Tôn! Như con hiểu ý nghĩa của lời Phật dạy thì Đức Phật ở chỗ Phật Nhiên Đăng không pháp gì để được vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Đức Phật nói:

Đúng thế, đúng thế. Tu-Bồ-Đề! Thật không có pháp để Như Lai thành tựu vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tu-Bồ-Đề! Nếu có pháp để Như Lai có thể thành tựu vô thượng chánh chánh giác, thì Phật Nhiên Đăng không thọ ký cho ta: 'Đời sau ông sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni'. Vì thật không có pháp để đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác nên Phật Nhiên Đăng nói lời thọ ký cho ta

rằng 'Ông ở đời sau sẽ được thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni'.
Tại sao? Nói Như Lai tức các pháp đều như nghĩa. Nếu có người nói Như Lai thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu-Bồ-Đề! Thật ra chẳng có pháp để Phật thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu-Bồ-Đề! Như Lai đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ở trong đó không thật không hư. Vì thế mà Như Lai nói: 'Tất cả các pháp đều là Phật pháp'. Tu-Bồ-Đề! Nói rằng tất cả pháp đó tức phi tất cả pháp, cho nên gọi là tất cả pháp.
Tu-Bồ-Đề! Ví như thân người cao lớn v.v…

Tu-Bồ-Đề thưa:
Bạch Đức Thế Tôn! Như Lai nói thân người cao lớn tức chẳng phải là thân thân đó gọi là thân lớn.
Tu-Bồ-Đề! Bồ Tát cũng thế. Nếu nói rằng: 'Ta phải diệt độ vô lượng chúng sinh' thì không gọi là Bồ Tát. Tại sao? Tu Bồ Đề! Thật không có pháp nào gọi là Bồ Tát. Cho nên Phật nói: Tất cả pháp không có ngã, không có nhân, không có chúng sinh, không có thọ giả. Nếu Bồ-tát nói: 'Ta sẽ trang nghiêm cõi Phật', thì không gọi là Bồ-tát. Tại sao thế? Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật tức chẳng phải trang nghiêm đó gọi là trang nghiêm.

Tu-Bồ-Đề! Nếu Bồ tát thông đạt pháp vô ngã, Như Lai nói đó gọi là Bồ Tát chân chính.
Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có nhục nhãn không?
Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai có nhục nhãn.
Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có thiên nhãn không?
Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai có thiên nhãn.
Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có huệ nhãn không?
Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai huệ nhãn.
Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có Pháp Nhãn không?

Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai có Pháp Nhãn.
Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có Phật nhãn không?
Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai có Phật nhãn.
Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Phật có nói rằng tất cả cát sông Hằng đều là cát không?
Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai nói đó là cát.
Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Như có những sông Hằng nhiều bằng số cát đang có trong một sông Hằng và có những thế giới Phật cũng nhiều như số cát của nhiều sông Hằng. Như thế thì có nhiều không?
Rất nhiều, bạch Đức Thế Tôn!
Đức Phật bảo Tu-Bồ-Đề:

Như Lai biết tất cả tâm của tất cả chúng sinh trong cõi nước ấy. Tại sao? Như Lai nói: Tất cả tâm đều là chẳng phải tâm nên gọi là tâm. Tại sao thế? Tu- Bồ-Đề! Tâm quá khứ không thể có được, tâm hiện tại không thể có được, tâm vị lai không thể có được.

Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Nếu có người lấy bảy báu chứa đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới dùng để bố thí, người đó có được nhiều phước đức nhờ nhân duyên này không?

Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Do nhân duyên như vậy mà người này được nhiều phước đức.

Tu-Bồ-Đề! Nếu phước đức là thật có, Như Lai không nói được nhiều

phước đức; vì phước đức là không (vô vi), nên Như Lai nói được nhiều phước đức.

Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Có thể thấy được Phật bằng sắc thân đầy đủ không?

Không, bạch Đức Thế Tôn! Không nên dùng sắc thân đầy đủ để thấy Như Lai. Tại sao? Như Lai nói: Sắc thân đầy đủ nghĩa là không có sắc thân đầy đủ đây gọi là đầy đủ sắc thân.

Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có thể dùng các tướng đầy đủ để thấy không?

Không, bạch Đức Thế Tôn! Không nên dùng các tướng đầy đủ để thấy Như Lai. Tại sao? Như Lai nói: Các

tướng đầy đủ, tức là chẳng phải đầy đủ, đây gọi là các tướng đầy đủ.

Tu-Bồ-Đề! Ông không nên cho rằng Như Lai đã nghĩ là 'Ta có thuyết pháp'. Đừng nghĩ như thế. Tại sao? Nếu có người nói: 'Như Lai có thuyết pháp', đó là phỉ báng Phật, vì không thể hiểu những gì ta nói. Tu-Bồ-Đề! Thuyết pháp là không có pháp có thể thuyết gọi đó là thuyết pháp.

Lúc bấy giờ Huệ Mạng Tu-Bồ-Đề bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế Tôn! Những chúng sinh đời vị lai nghe được pháp này sẽ sanh tín tâm không?

Đức Phật dạy:

Tu-Bồ-Đề! Họ chẳng phải là chúng sinh, chẳng phải chẳng là

chúng sinh. Tại sao? Tu-Bồ-Đề! Tất cả chúng sinh, Như Lai nói họ chẳng phải là chúng sinh, đây gọi là chúng sinh.

Tu-Bồ-Đề thưa với Đức Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Đức Phật đã đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng tại sao lại không đạt được gì? Đúng thế, đúng thế. Tu-Bồ-Đề! Ta đối với vô thượng chánh đẳng chánh giác, thậm chí không có một ít pháp có thể thành tựu, đó gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lại nữa, Tu-Bồ-Đề! Pháp vốn bình đẳng, không có cao thấp, nên gọi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nếu không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ giả mà tu tất

cả thiện pháp thì sẽ thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu-Bồ-Đề! Cái được gọi là thiện pháp Như Lai nói chẳng phải là thiện pháp nên gọi là thiện pháp.

Tu-Bồ-Đề! Nếu có người mang bảy thứ báu nhiều như các núi chúa Tu Di trong ba ngàn đại thiên thế giới dùng để bố thí; hoặc có người lấy Kinh Bát-Nhã-Ba-La-Mật này hoặc thậm chí chỉ bốn bài kệ vân vân, để thọ trì, đọc tụng và vì người khác thuyết giảng, thì phước đức (của người bố thí) đã nói trước đó không bằng một phần trăm, ngàn, muôn, ức, thậm chí cả số học và thí dụ cũng không thể so sánh được.

Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Ông không nên nói rằng Như Lai có ý nghĩ là 'Ta đang cứu độ chúng sinh'. Tu Bồ Đề! Đừng có ý nghĩ như thế. Tại sao? Thực ra, không có chúng sanh để Như Lai cứu độ. Nếu có chúng sanh để Như Lai cứu độ thì Như Lai có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả.

Tu-Bồ-Đề! Như Lai nói có ta (ngã) tức là chẳng có ta, mà người phàm cho rằng có ta. Tu-Bồ-Đề! Người phàm phu, Như Lai nói chẳng phải là phàm phu, nên gọi phàm phu. Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Có thể dùng ba mươi hai tướng để quán Như Lai được không?

Tu-Bồ-Đề thưa:

Đúng thế! Đúng thế! Có thể dùng ba mươi hai tướng để quán Như Lai.

Đức Phật dạy:

Tu-Bồ-Đề! Nếu dùng ba mươi hai tướng để quán Như Lai, thì Chuyển Luân Thánh Vương chính là Như Lai.

Tu-Bồ-Đề bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế Tôn! Theo con hiểu ý nghĩa của lời Phật dạy, thì không nên dùng ba mươi hai tướng để quán Như Lai.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói bài kệ rằng:

Nếu dùng sắc thấy ta,
Dùng âm thanh cầu ta,
Người này hành đạo tà,
Chẳng thể thấy Như Lai.

Tu-Bồ-Đề! Nếu ông nghĩ rằng Như Lai không dùng các tướng hoàn hảo nên có thể đạt được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu-Bồ-Đề! Chớ nên nghĩ thế, rằng Như Lai không dùng các tướng hoàn hảo nên có thể thành tựu vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu-Bồ-Đề! Nếu ông nghĩ như vậy, người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác sẽ nói rằng các pháp bị đoạn diệt. Đừng nghĩ như vậy! Tại sao? Người phát Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đối với pháp không nói tướng đoạn diệt.

Tu-Bồ-Đề! Nếu Bồ Tát đem bảy báu đầy các thế giới như cát sông Hằng để bố thí, hoặc nếu có người biết tất

cả pháp đều vô ngã, thành tựu nhẫn nhục, thì công đức Bồ Tát này sẽ vượt qua công đức của Bồ Tát trước. Tu-Bồ-Đề! Đó là vì tất cả Bồ Tát đều không thọ phước đức.

Tu-Bồ-Đề bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao Bồ Tát không thọ phước đức?

Tu-Bồ-Đề! Những công đức mà Bồ Tát đã tạo, không nên tham trước, do đó nói không thọ phước đức.

Này Tu-Bồ-Đề! Nếu có người nói Như Lai hoặc đến hoặc đi, hoặc ngồi hoặc nằm, người này không hiểu ý nghĩa của lời ta nói. Tại sao? Như Lai là không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, nên gọi là Như Lai.

Tu-Bồ-Đề! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nghiền nát ba ngàn đại thiên thế giới thành những hạt bụi nhỏ, ý ông nghĩ sao? Những hạt bụi ấy có nhiều không?

Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều! Tại sao? Nếu những hạt bụi thật sự có, thì Đức Phật không nói chúng là những hạt bụi. Lý do tại sao? Đức Phật dạy: Những hạt bụi thì chẳng phải là những hạt bụi gọi là những hạt bụi! Bạch Đức Thế Tôn! Như Lai nói ba ngàn đại thế giới nhưng chẳng phải là thế giới, nên gọi là thế giới. Tại sao thế? Nếu thế giới thật có thì đó là một hợp tướng. Như Lai nói một hợp tướng nhưng chẳng phải một hợp

tướng đó gọi là một hợp tướng.
Tu-Bồ-Đề! một hợp tướng thì không thể diễn tả được, nhưng người phàm phu lại tham trước vào sự tướng.
Này Tu-Bồ-Đề, nếu có người nói 'Phật nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến'. Tu-Bồ-Đề! Điều đó có ý nghĩa gì? Người này có hiểu nghĩa lý do ta nói không?
Bạch Đức Thế Tôn! Người này không hiểu ý nghĩa lời Như Lai nói. Tại sao? Đức Thế Tôn nói Ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến tức chẳng phải ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến thọ giả kiến nên gọi ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến.

Tu-Bồ-Đề! Người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đối với tất cả pháp nên biết như vậy, thấy như vậy, tin và hiểu như vậy, thì tướng của pháp chẳng sanh. Tu-Bồ-Đề! Pháp tướng đã được đề cập, Như Lai nói tức chẳng phải pháp tướng gọi đó là pháp tướng.

Tu-Bồ-Đề! Nếu có người lấy bảy báu đầy cả vô lượng a-tăng-kỳ thế giới dùng để bố thí, hoặc nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn nào phát tâm Bồ Tát, lấy kinh này hoặc ngay cả chỉ bốn câu kệ, thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn thuyết, thì phước này hơn phước kia. Thế nào là vì người diễn thuyết? Đó là không thủ chấp vào tướng, như như bất động.

Tại sao?

Tất cả pháp hữu vi
Như mộng, huyễn, bọt, ảnh
Như sương như tia chớp
Nên quán sát như thế.

Đức Phật nói kinh này xong, Trưởng lão Tu-Bồ-Đề và các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và tất cả thế gian, trời, người, A-tu-la nghe lời Phật dạy đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

o0o

HỒI HƯỚNG

Tụng kinh công đức hạnh thù thắng
Bao nhiêu phước đức xin hồi hướng
Nguyện khắp pháp giới các chúng sinh
Sớm được vãng sanh về cõi Phật
Nguyện tiêu ba chướng, trừ phiền não
Nguyện chơn trí tuệ thường sáng tỏ
Nguyện bao tội chướng thảy tiêu trừ
Đời đời thường hành Bồ Tát đạo
Nguyện sanh Tịnh Độ cõi Tây Phương
Chín phẩm hoa sen là cha mẹ
Hoa nở, thấy Phật, ngộ vô sanh
Bồ Tát bất thối làm bạn hữu.
Nguyện đem công đức này
Hương về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo.

PHỤC NGUYỆN

TAM TỰ QUY Y

Tự quy y Phật, xin nguyện chúng sinh,
thể theo đạo cả, phát lòng vô thượng
(1 lạy).

Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sinh,
thấu rõ kinh tạng, trí huệ như biển
(1 lạy).

Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sinh,
thống lý đại chúng, tất cả không ngại
(1 lạy).

Lời Giới Thiệu

Trong đại dương mênh mông của kinh tạng Phật giáo Đại thừa, Kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa là một trong những viên minh châu rực rỡ, vừa sáng rọi con đường trí tuệ, vừa chặt đứt những sợi dây vi tế của ngã chấp và pháp chấp. Đây không phải là một bản kinh dễ hiểu bằng văn tự, nhưng lại có khả năng đánh thức tuệ giác qua từng lời dạy giản dị mà thâm sâu. Ẩn chứa trong từng đoạn kinh là tiếng gọi âm thầm của Vô tướng – Vô trụ – Vô ngã, là tiếng sư tử hống phá vỡ mọi khái niệm nhị nguyên để hành giả trực nhận chân tâm.

Ý thức được tầm vóc và giá trị bất khả tư nghì của bản kinh ấy, Hòa thượng Thích Viên Lý đã trước tác tác phẩm Kim Cương Khái Luận như một nhịp cầu bắc ngang giữa kinh điển và đời sống, giữa tư tưởng Bát Nhã siêu

việt và nhu cầu tu tập thiết thực của hành giả hiện đại. Đây không chỉ là một tập sách giới thiệu sơ lược, mà là một công trình hàm dưỡng chiều sâu thiền quán, triết lý và thực hành, thấm đẫm tinh thần từ bi và trí tuệ. Tác phẩm được triển khai mạch lạc qua các phần:

Khái quát Kinh Kim Cương: trình bày nguồn gốc, lịch sử truyền bá và vị trí đặc biệt của kinh trong hệ thống Bát Nhã.

Nội dung kinh Kim Cương: diễn giải cấu trúc và tiến trình đối thoại giữa Đức Phật và Tôn giả Tu Bồ Đề, trong đó từng câu, từng lời là sự tháo tung dần dần mọi lớp vỏ vọng tưởng của tâm thức.

Yếu nghĩa tổng quát: nêu bật những tư tưởng then chốt như "ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", "phi pháp tướng tức thị pháp tướng", đưa người đọc đến gần với tinh thần Trung đạo bất nhị.

Kinh Kim Cương và Khoa học: cho thấy trí tuệ Bát Nhã không tách rời cuộc sống, mà còn có thể đối thoại sâu sắc với nhận thức khoa học hiện đại, nhất là trong lĩnh vực lượng tử, nhận thức học và bản thể luận.

Phương pháp thực hành: từ quán chiếu vô ngã đến phá chấp ngôn ngữ và khái niệm, mở ra con đường tu tập thiết thực trong thời đại biến động.

Tác phẩm là sự hòa quyện giữa ngôn ngữ học thuật và ngôn ngữ thiền vị, giữa biện giải lý trí và chiêm nghiệm tâm linh. Hòa thượng không chỉ giảng giải bằng kiến thức uyên bác, mà còn bằng sự sống từ nội tâm thiền quán đã lắng sâu. Điều đó khiến mỗi trang sách không chỉ là tri thức, mà là một tiếng chuông thức tỉnh, một mũi tên hướng thẳng vào cội nguồn của thức tâm mê lầm.

Hòa thượng Thích Viên Lý – tác giả của Kim Cương Khái Luận – là một bậc chân tu thạc đức, trưởng thành từ nền tảng giới luật nghiêm minh, tu học chuyên sâu và hoằng pháp rộng khắp. Ngài là một học giả có tầm nhìn rộng lớn, dung hòa được tinh thần truyền thống và tư duy hiện đại. Với khả năng kết nối giữa Phật học cổ điển và triết học đương đại, giữa nội điển và khoa học, Hòa thượng đã và đang đóng góp quan trọng trong việc giới thiệu Phật pháp đến với thế

giới qua nhiều diễn đàn quốc tế. Trong Kim Cương Khái Luận, Hòa thượng không chỉ là một nhà giảng giải giáo lý, mà còn là người hướng đạo tâm linh, đưa người học từ sự hiểu biết bước vào sự sống – từ văn tự ngữ nghĩa đi vào thể nhập tự tánh. Tác phẩm này vì vậy, không chỉ đáng đọc – mà còn đáng để chiêm nghiệm, quán chiếu và hành trì.

Với tất cả sự kính trọng và hoan hỷ, chúng tôi trân trọng giới thiệu đến chư vị độc giả hữu duyên tác phẩm Kim Cương Khái Luận. Cầu mong ánh sáng Bát Nhã từ nơi kinh Kim Cương, qua dòng tâm thức của một bậc tôn túc trí tuệ và từ bi, sẽ giúp mỗi hành giả nhận ra con đường về tự tánh chân thường, ly chấp, ly tướng, ly ngôn – để từng bước sống đời sống giải thoát trong chính hiện tại.

Cuối đông năm Giáp Thìn (2024)

Nhà xuất bản
Boddhi Wisdom DN Publishing

WisdomDN
Publishing Inc.

Lời Mở Đầu

Trong cơn mộng dài của kiếp người, ta thường nắm chặt những bóng hình thoáng qua – danh vọng, tình yêu, hay chính cái "tôi" mà ta gọi là bản thân – như thể chúng là chân lý vĩnh cửu. Nhưng nếu tất cả chỉ là bọt nước vỡ tan trên dòng sông, là ánh chớp lóe lên rồi tắt, ta còn lại gì giữa hư không? ***Kinh Kim Cương***, như lưỡi gươm vàng rực rỡ, cắt đứt màn sương của ảo tưởng, để lộ ra thực tại sáng trong: không có "ta", không có "người", không có gì để nắm giữ, cũng chẳng có gì để buông bỏ.

Hơn hai nghìn năm qua, Vajracchedikā Prajñāpāramitā Sūtra – Kinh Kim Cương – đã là ngọn hải đăng soi đường cho những tâm hồn khao khát giác ngộ. Không hoa mỹ, không dài dòng, kinh chỉ vỏn vẹn vài

nghìn chữ, nhưng mỗi lời đều sắc bén như kim cương, phá tan mọi chấp trước, dẫn lối đến bờ an nhiên tự tại. Đó là lời dạy vượt ngoài ngôn từ, vượt ngoài khái niệm, nơi trí tuệ Bát-nhã bừng sáng, chiếu rọi bản chất hư vọng của vạn pháp. *"Tất cả các tướng đều là hư vọng,"* Đức Phật dạy, *"nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức thấy Như Lai."* Từ câu nói ấy, một chân trời mới mở ra – không phải để đạt được, mà để nhận ra.

Tôi viết cuốn sách này từ những trăn trở của chính mình, khi nhận ra rằng mọi khổ đau đều bắt nguồn từ chấp ngã – từ ý niệm sai lầm rằng có một "tôi" tách biệt giữa dòng chảy của thực tại. Kinh Kim Cương đã như ánh sáng phá tan bóng tối ấy và tôi mong được chia sẻ ánh sáng đó với bạn qua những trang sách này.

"Kim Cương Khái Luận" không phải là một cuốn sách nhằm giải thích Kinh Kim Cương theo nghĩa thông thường. Nó là hành trình đồng hành, là chiếc bè đưa bạn vượt qua dòng sông của phân biệt và ngã chấp. Dựa trên bản dịch bất hủ của ngài Cưu Ma

La Thập và những tư tưởng cốt lõi của kinh, cuốn sách này chắt lọc tinh hoa, trình bày một cách giản dị nhưng sâu sắc, để bất kỳ ai – từ người mới chạm đến Phật pháp hay người đã dày công tu tập – đều có thể tìm thấy ánh sáng chân lý. Với người Việt chúng ta, vốn quen thuộc với triết lý vô thường qua ca dao, tục ngữ và những câu chuyện thiền, Kinh Kim Cương như chiếc gương soi chiếu tâm thức, giúp ta nhận ra bản chất thật của chính mình giữa dòng đời biến ảo. Chúng tôi không mong bạn chỉ đọc, mà mong bạn sống cùng những lời dạy ấy, để trí tuệ vô ngã thấm sâu vào từng hơi thở, từng ý niệm và từng hành hoạt.

Hãy bước vào cuốn sách này với tâm vô trụ, như Kinh Kim Cương dạy: *"Nên không chỗ trụ mà phát Bồ-đề tâm."* Đừng tìm kiếm Phật qua hình tướng hay âm thanh, đừng nắm giữ ý niệm về giác ngộ như một đích đến. Bởi lẽ, giác ngộ không ở đâu xa, không phải thứ có thể cầm nắm – nó là sự tỉnh thức ngay trong khoảnh khắc bạn buông tay, khi vạn pháp hiện ra như mộng, như huyễn, như bọt, , như ảnh, như sương, như chớp.

Chúng tôi hy vọng rằng "***Kim Cương Khái Luận"*** sẽ là một người bạn đồng hành, không chỉ giúp bạn hiểu Kinh Kim Cương, mà còn khơi dậy trong bạn ngọn lửa trí tuệ và từ bi, dẫn bạn đến bến bờ an nhiên giữa dòng đời biến ảo, khổ đau.

Ngày đầu năm 2021

Tỳ kheo Thích Viên Lý

Chương I

Khái Quát Kinh Kim Cương

Kinh Kim Cương (Kim Cang), quyển thứ 577 trong bộ ***Đại Bát Nhã*** 600 quyển, là một trong những kinh điển vi diệu của Phật giáo Đại thừa, khai thị con đường giác ngộ bằng cách phá bỏ ảo tưởng và thủ chấp về nhị nguyên, bản ngã cũng như mọi hiện hữu.

Khoảng thế kỷ I-II sau Tây nguyên tại Ấn Độ, kinh xuất hiện trong bối cảnh Phật giáo Đại thừa phát triển từ tư tưởng Trung đạo của Đức Phật, khi các vị đại luận sư như Bồ tát Long Thọ hệ thống hóa khái niệm tánh không. Đây là thời kỳ chuyển giao quan trọng: từ Phật giáo Nguyên thủy (Theravāda) tập trung tự giải thoát, sang Đại thừa hướng đến cứu độ tất cả chúng sanh. Trong xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ, với sự giao thoa văn hóa

Phật giáo, Bà La Môn giáo và các tư tưởng khác, Kinh Kim Cương nổi lên như ngọn lửa trí tuệ, sắc bén như kim cương, cắt đứt vô minh, dẫn hành giả đạt đến giác ngộ.

Giáo nghĩa cốt lõi của kinh là tánh không – mọi hiện tượng do duyên sinh, mang bản chất vô ngã và vô thường, không có thực thể cố định. Hành giả tri nhận điều này để rũ bỏ chấp trước, giải thoát khổ đau, đồng thời cũng phải buông bỏ cả khái niệm giáo pháp – vốn chỉ là phương tiện, không phải cứu cánh. Trái với hiểu lầm về chủ nghĩa hư vô, Kinh Kim Cương khẳng định mọi hiện tượng phát sinh từ tính không, phản ánh sự kết nối sâu sắc của tồn tại. Bất nhị vượt qua tư duy nhị nguyên – phân chia bản thân/người khác, tốt/xấu, Bồ Tát/chúng sanh – cộng hưởng với vật lý lượng tử về thực tại phụ thuộc lẫn nhau.

Kinh kêu gọi mở rộng lòng từ bi, thực hành Bồ Tát hạnh, trở thành kim chỉ nam vô giá cho giải thoát trong xã hội hiện đại đầy áp lực và ảo tưởng.

Giáo lý cốt lõi bao gồm:

- Bố thí vô thủ chấp, vì mọi pháp bình đẳng trong tính không.
- Giải thoát chúng sanh mà không thấy bản ngã.
- ***"Ưng vô sở trụ mà phát Bồ đề tâm"*** *(Không trụ nơi đâu mà phát tâm giác ngộ)*[1].
- Tu tập không bám vào cứu cánh giải thoát.
- Xem giáo pháp là phương tiện, không chấp trước.
- Phá bỏ tứ tướng: Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ giả.
- Thọ trì, đọc tụng kinh, công đức vô lượng.

1. Giải Thích Đề Kinh

Kinh Kim Cương (Sanskrit: Vajracchedikā Prajñāpāramitā Sūtra, Hán: 金剛般若波羅蜜經, Việt: Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh) là văn bản trọng yếu của Phật giáo Đại thừa. "Vajracchedikā" (Kim Cương)

1 Trích từ Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, bản dịch Cưu Ma La Thập, T08n0235, đoạn 10.

nghĩa là "máy cắt kim cương", biểu tượng sắc bén, bất hoại, như chày Kim Cương Chử của thần Indra trong thần thoại Ấn Độ, phá tan ma chướng nội tâm và ngoại cảnh. Trong văn hóa Phật giáo, kim cương không chỉ cứng nhất mà còn phản chiếu ánh sáng, tượng trưng cho trí tuệ trong suốt, phản ánh thực tại mà không bám víu. Trong Mật tông, chày kim cương của Kim Cương Bộ tượng trưng trí tuệ Như Lai, tiêu trừ phiền não. "Prajñāpāramitā" (Bát Nhã Ba La Mật) là trí tuệ hoàn hảo, vượt bờ giác ngộ, cắt đứt vô minh, thấu rõ Trung đạo, bất hoại như kim cương. Kim Cương là dụ, Bát Nhã là pháp – Đức Phật dùng ẩn dụ này trong 49 năm giáo hóa để hiển thị chân lý.

"Ba La Mật" (Pāramitā) là "đáo bỉ ngạn", theo Đại Trí Độ Luận: "Đến bờ kia của biển trí tuệ, đến chỗ cùng tột" – cứu cánh rốt ráo, viên mãn. Kinh (Sutta) là giáo pháp của chư Phật, *"thượng khế chư Phật chi lý, hạ khế chúng sanh chi cơ" (trên hợp đạo lý Phật, dưới phù hợp căn cơ chúng sanh)*, mang ý nghĩa quán (thông suốt), nhiếp (thâu giữ),

thường (bất biến), pháp (đồng tuân). Kinh Kim Cương nội hàm trí tuệ tối thắng, cắt đứt thủ chấp, giúp chúng sanh thấy thực tại rỗng lặng, duyên sinh, dẫn đến giải thoát.

Tánh không không phải phủ nhận tồn tại, mà là thấy mọi pháp không có tự tánh, như tổ Long Thọ giải thích trong Trung Luận: *"Do duyên sinh nên không tánh, do không tánh nên duyên sinh"*[2]. Bất nhị vượt phân chia chủ thể/đối tượng, phản ánh sự nhất thể của thực tại – một tư tưởng cốt lõi làm Kinh Kim Cương nổi bật trong hệ Prajñāpāramitā. So với Bát Nhã Tâm Kinh (ngắn gọn, cô đọng tính không qua "sắc tức thị không"), Kinh Kim Cương mở rộng qua đối thoại giữa Đức Phật và Tôn giả Tu Bồ Đề, nhấn mạnh thực hành vô sở trụ. So với Đại Bát Nhã Kinh (600 quyển, bao quát toàn bộ hệ thống Bát Nhã), Kinh Kim Cương ngắn hơn nhưng sắc bén, thiết thực, như kim cương vừa cắt vừa soi.

---

2 Trích từ Trung Luận (Mūlamadhyamakakārikā), Long Thọ

2. Quá trình phiên dịch và truyền bá

Kinh Kim Cương xuất hiện bằng tiếng Sanskrit khoảng thế kỷ thứ I và II, thuộc hệ Prajñāpāramitā, được dịch sang nhiều ngôn ngữ, lưu truyền từ Ấn Độ đến Đông Á, Tây Tạng và phương Tây. Sự truyền bá này không chỉ đưa kinh đến các nền văn hóa khác nhau mà còn phổ biến tư tưởng tánh không, bất nhị và trở thành nền tảng của Phật giáo Đại thừa.

Bản dịch sang tiếng Hán

Bản nổi bật nhất là của ngài Cưu Ma La Thập (344-413 TL) vào năm 401 TL tại Trường An, đời Diêu Tần, với tên 金剛般若波羅蜜經. Ngài chuyển ngữ chính xác, lưu loát, trở thành chuẩn mực ở Đông Á. Bản in khắc gỗ sớm nhất (868 TL), tìm thấy ở Đôn Hoàng, là cột mốc lịch sử in ấn, chứng minh tầm quan trọng của kinh trong quá trình hoằng pháp. Các bản khác như của ngài Huyền Trang (thế kỷ VII, phần Năng Đoạn Kim Cương) và ngài Nghĩa Tịnh (thế kỷ VIII) cũng góp phần lưu bố bộ kinh này. Các luận giải như Kim Cương Tiên Luận (Thế

Thân) và Trung Luận (Long Thọ) làm sáng tỏ tính không, hỗ trợ diễn giải sâu sắc.

Bản dịch sang tiếng Tây Tạng

Kinh được dịch sang tiếng Tạng thế kỷ VIII dưới thời vua Trisong Detsen, đưa vào Kangyur, giữ nguyên ý nghĩa gốc, phổ biến trong Phật giáo Tây Tạng.

Bản dịch sang tiếng Việt

Truyền vào Việt Nam khoảng thế kỷ VI, được các hòa thượng như Thích Thiện Hoa, Thích Nhất Hạnh, Thích Thanh Từ… dịch và, để tiện việc đối chiếu, bản dịch của tôi (Thích Viên Lý) sẽ in ở phần đầu của sách.

Bản dịch sang tiếng Anh

Các bản nổi bật: Max Müller (1894), Edward Conze (2001), D.T. Suzuki (1934), lưu bố kinh đến phương Tây từ thế kỷ XIX.

Ảnh hưởng và tác động

Kinh ảnh hưởng một cách sâu đậm đối với Thiền tông (Tổ Huệ Năng khai ngộ từ câu "*Ưng vô sở trụ...*"), văn hóa Á Đông (tranh

thủy mặc, thơ haiku Nhật Bản phản ánh vô sở trụ), tư tưởng phương Tây (Schopenhauer thấy tính không gần với ý chí) và khoa học hiện đại (vật lý lượng tử, thần kinh học…).

3. Ứng dụng trong đời sống hiện đại

Trong xã hội số, Kinh Kim Cương là kim chỉ nam thực tiễn. Khi áp lực công việc đè nặng, ta quán: "Thành công hay thất bại đều là duyên hợp, như mây trôi, có gì để bám?" Khi lướt mạng xã hội, thấy lời chê bai, ta tự nhủ: "Cái tôi ảo này vô ngã, lời nói thoáng qua như gió, tại sao phải buồn?" Trong gia đình bất hòa, thay vì tranh cãi, ta lặng lẽ lắng nghe, thấy mọi cảm xúc chỉ là sóng nổi rồi tan. Giữa ngày bận rộn, ta thiền 5 phút trong giờ nghỉ, nhận ra dòng tin tức tiêu cực chỉ là duyên sinh, không đáng để tâm dao động.

Kinh dạy sống giữa đời mà không bị trói buộc – từ bi như suối mát, trí tuệ như kim cương, giúp ta an nhiên giữa biến động.

Chương II
Nội dung Kinh Kim Cương

Kinh Kim Cương, qua bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập, là một đối thoại thâm áo giữa Đức Phật và Tôn giả Tu Bồ Đề, khai thị trí tuệ Bát Nhã qua sự phá bỏ ảo tưởng về bản ngã, nhị nguyên và mọi hiện hữu cố định. Mỗi lời dạy là một lưỡi dao kim cương, sắc bén cắt đứt chấp trước, hiển lộ tánh không, vô ngã, bất nhị và lòng từ bi của Bồ Tát.

Chương này phân tích kinh theo 32 đoạn – cần lưu ý rằng đây không phải nguyên văn phân chia của kinh, mà do Thái tử Chiêu Minh (Tiêu Thống, 501-531 TL) thời nhà Lương phân định trong Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh để tiện cho việc đọc tụng và nghiên cứu. Dựa trên sự phân chia này, tôi sẽ triển khai ý nghĩa triết lý và ứng dụng thực

tiễn của từng đoạn, soi sáng con đường giác ngộ qua lăng kính của các tổ sư và học giả.

Đoạn 1: Pháp Hội Nhân Do

Kinh văn:

> **"Đây là những gì tôi nghe được. Có một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-Thọ-Cấp-Cô-Độc, tại nước Xá-Vệ cùng với đại chúng gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo. Khi ấy, gần đến giờ thọ trai, Đức Thế Tôn, đắp y, cầm bình bát đi vào thành lớn Xá-Vệ khất thực. Ở trong thành, Đức Phật tuần tự khất thực xong trở về chỗ cũ. Sau khi thọ thực, thu cất y bát, rửa chân rồi ngồi trên pháp tòa đã sắp xếp sẵn."**

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn mở đầu này không chỉ đơn thuần là bối cảnh kể lại sinh hoạt hằng ngày của Đức Phật và Tăng đoàn tại thành Xá Vệ, mà còn ẩn chứa một lời khai thị sâu xa về tánh không và vô sở trụ giữa đời thường. Hành

động khất thực – một sinh hoạt giản dị – lại thể hiện trọn vẹn chân lý vi diệu: sống giữa dòng đời mà không dính mắc, thấy rõ mọi pháp đều duyên sinh, không có tự tánh để bám víu. Như Tổ Long Thọ khẳng định: "因緣所生法，我說即是空"[1] ***(Nhân duyên sở sinh pháp, ngã thuyết tức thị không – Pháp do nhân duyên sinh, ta nói tức là không)***, chỉ rõ bản chất rỗng lặng, rằng mọi pháp do duyên sinh đều không, không có tự tánh để bám trụ, đặt nền tảng cho tánh không.

Đức Phật đắp y, mang bát, tuần tự khất thực không phải để cầu vật chất, mà là để biểu hiện sự tự tại của một bậc giác ngộ: không trụ vào danh, lợi hay bất kỳ khái niệm nhị nguyên nào. Mỗi bước chân đi vào thành cũng chính là một bước giáo hóa âm thầm, không lời, thể hiện tâm từ bi vô phân biệt – tiếp nhận mọi đối tượng, không phân biệt giàu nghèo. Đây cũng chính là tinh thần "動靜一如，俗即真"[2] ***(động tĩnh không hai, tục đế chính là chân đế)*** mà Ngài Tăng

1 Tổ Long Thọ, Trung Luận

2 Ngài Tăng Triệu, Triệu Luận.

Triệu đã chỉ dạy, nhằm nói rõ rằng chân lý không ở ngoài thế gian, mà hiển hiện ngay trong từng động tác sinh hoạt thường nhật.

Sáu yếu tố thành tựu – người nói, người nghe, thời gian, nơi chốn, đại chúng và niềm tin – ngoài việc xác lập tính xác thực của pháp hội, còn là lời nhắc nhở rằng mọi pháp đều giả hợp, như bóng hình do duyên tụ hội mà có. Như Ngài Trí Khải khẳng định: "俗諦即真諦"[3] ***(tục đế tức là chơn đế)***, giúp chúng ta thấy rằng sự thật tối hậu không nằm ngoài đời sống thường ngày, mà chính là được nhận ra trong đời sống ấy. Vì thế, mỗi động tác nhỏ – thu y bát, rửa chân – đều là biểu pháp sâu sắc: phá chấp ngã, buông vọng niệm, để tâm hiển lộ bản nhiên. Đúng như lời của Ngài Thái Hư: "佛法即人生"[4] ***(Phật pháp chính là đời sống)***, đạo không phải là điều cao xa hay tách biệt với thực tại, mà là hơi thở, bước chân và ánh mắt từ bi trong cuộc sống thường nhật. Và như Ngài

---

3 Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.

4 Đại sư Thái Hư, Kinh Kim Cang Giảng Lục.

Huyền Trang tổng kết: "無我即真"[5] ***(không ngã chính là chân lý)***, khi không còn chấp vào ngã và pháp, hành giả sẽ an nhiên tự tại giữa thế gian mà không bị nhiễm trần.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, chúng ta học được từ hình ảnh Đức Phật khất thực một bài học lớn: không cần rời bỏ trần thế để tu hành, mà chính trần thế là nơi hành đạo. Khi căng thẳng vì công việc, deadline, hay mâu thuẫn tình cảm, ta có thể dừng lại, hít thở sâu và quán chiếu tâm vọng động như mây trôi – thoáng hiện rồi tan, không thật để sợ hãi hay bám víu.

Lục tổ Huệ Năng đã chỉ rõ: "佛法在世間，不離世間覺"[6] ***(Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác – Phật pháp ở trong đời, không rời đời mà giác ngộ).*** Vì vậy, khi ngồi giữa văn phòng hay phố thị, ta vẫn có thể thiền quán – không phải bằng hình thức, mà bằng tâm tỉnh thức trong từng

---

5 Tổ Long Thọ, Đại Trí Độ Luận.

6 Lục tổ Đàn Kinh

hành động. Như lời của ngài Kiết Tạng: ***"Khất thực là thiền, thiền là khất thực – bất nhị giữa đời và đạo"***[7], ta nhận ra mỗi khoảnh khắc đều là pháp tu, nếu ta không trụ vào tâm phân biệt.

Trong giao tiếp, ta học cách lắng nghe mà không vướng vào phán xét, thấy rằng lời nói và hành động của người khác cũng là duyên sinh – tạm thời, vô thường – không cần giữ lấy đúng sai, hơn thua. Khi giúp đỡ người khác, ta hành xử như dòng nước – chảy đi tự nhiên, không mong hồi đáp, để từ bi hiển lộ mà tâm vẫn an nhiên, vô nhiễm.

Như Đức Phật thong dong khất thực giữa thành Xá Vệ, chúng ta cũng có thể sống giữa dòng đời – làm việc, yêu thương, trải nghiệm – mà vẫn giữ được tâm an, không bị cuốn theo danh lợi hay thị phi. Mỗi ngày là một đạo tràng, mỗi bước chân là một thực hành, mỗi hành động là một cơ hội để thấy pháp, quán tâm và buông vọng.

---

7 Kiết Tạng, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ

Đoạn 2: Thiện Hiện Khải Thỉnh

Kinh văn:

"Lúc bấy giờ, trưởng lão Tu-Bồ-Đề ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch y bên vai phải, quỳ gối phải sát đất, chắp tay cung kính bạch Phật rằng: Đức Thế Tôn, thật hiếm có! Như Lai khéo hộ niệm các Bồ Tát, khéo khuyên bảo, giao phó các Bồ Tát. Bạch Đức Thế Tôn! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì làm sao an trụ, làm sao hàng phục tâm mình? Đức Phật dạy: Rất tốt, rất tốt. Tu-Bồ-Đề! Như ông đã nói: Như Lai khéo hộ niệm các Bồ Tát, khéo phú chúc các Bồ Tát. Bây giờ ông hãy lắng nghe! Ta sẽ bảo với ông phải như thế nào để thiện nam tử, thiện nữ nhơn phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác có thể an trụ và hàng

phục tâm mình. Thưa vâng. Bạch Đức Thế Tôn! Con rất mong muốn được nghe."

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này mở ra cốt lõi của Kinh Kim Cương: làm sao phát tâm Bồ Đề mà giữ tâm tự tại giữa dòng đời? Hành động của Tôn giả Tu-Bồ-Đề – đứng dậy, trịch y, quỳ gối, chắp tay – không chỉ là cung kính mà là biểu thị sự buông bỏ ngã mạn, sẵn sàng đón nhận chân lý. Lời tán thán "Như Lai khéo hộ niệm các Bồ Tát" khẳng định từ bi và trí tuệ của Đức Phật trong việc dẫn dắt hành giả, không để họ rơi vào vọng niệm hay chấp trước. Câu hỏi *"làm sao an trụ, làm sao hàng phục tâm"* là tiếng lòng của mọi người trên đường đạo: giữa vô thường, làm sao giữ tâm không dao động, không bị tham, sân, si cuốn theo? Đây là lời kêu gọi quán chiếu: mọi pháp đều không thật, chỉ là giả hợp, nên không có gì để trụ, không có vọng tâm nào thực sự cần hàng phục. Triết lý này cho thấy giác ngộ không phải đạt được điều gì bên ngoài, mà

là trở về chân tâm vốn sẵn có, không bị ràng buộc bởi khái niệm năng-sở hay ngã-nhân. Lời Phật "rất tốt, rất tốt" xác nhận giá trị của câu hỏi, mở ra con đường vô trụ và tánh không, hướng người học đến sự tự tại giữa đời sống đầy biến động.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, chúng ta học cách phát tâm từ bi mà không bám víu. Khi khởi ý giúp ai đó – như hỗ trợ đồng nghiệp hay gia đình – ta không trụ vào "tôi tốt" hay mong cầu công nhận, chỉ hành động tự nhiên như mây trôi, để lòng từ bi trôi chảy mà tâm nhẹ nhàng. Khi đối diện áp lực hay mâu thuẫn, ta quán chiếu vọng tâm như sóng nước – dâng lên rồi tan, không thật để nắm giữ hay chống lại. Trong thiền tập hay cầu nguyện, ta không bám vào ý "tôi đang tu", chỉ để tâm an nhiên, lắng nghe chính mình như Tôn giả Tu-Bồ-Đề lắng nghe Phật dạy. Sống giữa xã hội bận rộn, ta giữ tâm tự tại bằng cách thấy mọi pháp như mộng, không để tham, sân làm chủ, biến mỗi ngày thành cơ hội thực hành buông bỏ và giác ngộ ngay trong đời thường.

Lược giải:

Đây là đoạn trưởng lão Tu-Bồ-Đề thỉnh vấn Đức Phật về cách an trụ và hàng phục tâm khi phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Oai nghi cung kính – đứng dậy, trịch y, quỳ gối – thể hiện lòng thành cầu pháp, phá bỏ ngã mạn. Câu hỏi này mang tính lý tưởng Bồ Tát đạo: làm sao giữ tâm không thoái chuyển, hàng phục vọng niệm giữa đời? Phật tán thán và hứa giải đáp, mở ra con đường thấy pháp như thật, không bám víu, hướng đến chân tâm thanh tịnh.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm sáng tỏ ý nghĩa câu hỏi của Tôn giả Tu-Bồ-Đề một cách mạch lạc. Ngài Huệ Năng khẳng định "應無所住而生其心"[8] – ***nên không trụ mà khởi tâm***, nhấn mạnh vô trụ là cốt lõi để giữ tâm tự tại. Ngài Tông Mật lý giải "動中見寂"[9] – ***trong động có tĩnh***, rằng an trụ giữa đời là thấy chân lý thanh tịnh. Ngài Trí Húc bổ sung "

8 Ngài Huệ Năng, Lục Tổ Đàn Kinh.

9 Ngài Tông Mật, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ Luận Toản Yếu.

心淨則佛土淨"[10] – ***tâm thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh***, cho thấy hàng phục vọng tâm là con đường giác ngộ. Ngài Nghĩa Tịnh diễn giải "無我即平等"[11] – ***không ngã là bình đẳng***, rằng buông bỏ ngã mạn dẫn đến từ bi chân thật. Thiền sư D.T. Suzuki kết nối ***"The mind free of clinging"***[12] – ***tâm không bám víu*** là chìa khóa để sống tự tại giữa đời.

Đoạn 3: Đại Thừa Chánh Tông

Kinh văn:

> **"Đức Phật bảo Tu-Bồ-Đề: Các đại Bồ Tát nên như vầy mà hàng phục tâm mình. Tất cả chúng sanh hoặc sinh từ trứng, hoặc sinh từ thai, hoặc sinh từ nơi ẩm thấp, hoặc sinh từ sự chuyển hóa, dù chúng có hình dạng hay không có hình dạng; hoặc có nhận thức hay không có nhận thức; hoặc chẳng phải có nhận thức,**

10 Ngài Trí Húc, Kim Cương Kinh Thuyết Nghĩa.
11 Ngài Nghĩa Tịnh, Kim Cương Kinh Hội Thích.
12 D.T. Suzuki, Essays in Zen Buddhism.

chẳng phải không có nhận thức; ta đều khiến họ nhập Vô dư Niết bàn mà diệt độ. Những chúng sanh diệt độ như thế là vô lượng, vô số, vô biên nhưng thật ra không có chúng sanh nào được diệt độ. Tại sao thế? Tu-Bồ-Đề! Nếu Bồ Tát có Ngã tướng, Nhân tướng, Chúng sanh tướng, Thọ giả tướng thì chẳng phải là Bồ Tát."

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này khai triển cách hàng phục tâm của Bồ Tát theo tinh thần Đại thừa: phát nguyện độ tất cả chúng sinh mà không thấy có chúng sinh để độ, thể hiện tánh không và từ bi viên mãn. Đức Phật dạy Bồ Tát quán chiếu tất cả chúng sanh – dù sinh từ trứng, thai, ẩm thấp, hay hóa sinh, có hình hay không hình, có nhận thức hay không – đều được dẫn đến Niết bàn, nhưng thực ra không có ai được độ vì mọi pháp không thật, chỉ là duyên sinh giả hợp. Nếu Bồ Tát còn thấy "ngã", "nhân", "chúng sinh", "thọ giả", tức còn chấp trước, không phải Bồ Tát chân chính. Triết lý ở đây

phá vỡ khái niệm nhị nguyên giữa năng độ và sở độ, khẳng định tánh không là nền tảng: không có "ta" độ, không có "người" được độ, chỉ có tâm từ bi vô ngã trùm khắp. Đây là con đường Đại thừa, nơi trí tuệ và từ bi hòa quyện, dẫn hành giả vượt thoát vọng niệm, đạt chân tâm tự tại giữa đời.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách hành động vì người khác mà không bám víu vào kết quả. Khi giúp đỡ ai đó – như hỗ trợ bạn bè hay làm từ thiện – ta không nghĩ "tôi là người tốt" hay mong được đền đáp, chỉ làm với tâm từ tự nhiên như gió thoảng qua. Khi đối diện tranh cãi, ta không bám vào ý "ta đúng", quán chiếu mọi cảm xúc như bọt nước tan nhanh, không thật để tranh đấu. Trong công việc, ta cống hiến mà không trụ vào thành tích, thấy mọi thứ như duyên hợp, không cần nắm giữ. Sống giữa xã hội, ta nuôi lòng bi, giúp người mà không thấy "người được giúp", biến mỗi hành động thành cơ hội thực hành tánh không và từ bi, giữ tâm an giữa dòng đời biến động.

Lược giải:

Phật dạy hàng đại Bồ Tát nên hàng phục tâm bằng cách quán chiếu tất cả chúng sanh bằng trí tuệ Bát nhã, hoá độ với tâm bình đẳng không phân biệt, khiến họ nhập Vô dư Niết bàn mà diệt độ. Nhưng thật ra không có chúng sanh nào được độ, vì nếu còn thấy có "ngã", "nhân", "chúng sinh", "thọ giả" thì chẳng phải Bồ Tát. Đây là cách phá chấp, thấy mọi pháp không thật, chỉ có từ bi vô ngã.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm sáng tỏ ý nghĩa sâu xa của đoạn này. Tổ Long Thọ khẳng định "一切法空"[13] – ***tất cả pháp đều không***, phá vỡ chấp trước vào "ngã" và "chúng sanh". Ngài Kiết Tạng lý giải "度生即無生"[14] – độ sinh tức không sinh, rằng không có ai để độ vì mọi pháp giả hợp. Ngài Trí Khải bổ sung "無我即大悲"[15] – ***vô ngã là đại bi***, cho thấy từ bi chân thật xuất phát từ tánh không. Học giả Edward Conze diễn giải ***"Emptiness is***

13 Tổ Long Thọ, Trung Luận, chương 18.
14 Ngài Kiết Tạng, Kim Cương Bát Nhã Sớ.
15 Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.

the basis of compassion"[16] – ***tánh không là nền tảng của từ bi***, nhấn mạnh sự viên dung giữa trí tuệ và lòng bi. Ngài Tông Mật nhấn mạnh "空即無相"[17] – ***không tức vô tướng***, khẳng định buông bỏ các tướng để tâm tự tại.

Đoạn 4: Diệu Hạnh Vô Trụ

Kinh văn:

> **"Lại nữa, Tu-Bồ-Đề! Bồ Tát đúng như pháp thực hành bố thí thì không có chỗ trụ. Đó là không trụ sắc mà bố thí, không trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp mà bố thí. Tu-Bồ-Đề! Bồ Tát nên bố thí như thế, không trụ vào tướng. Tại sao? Nếu Bồ Tát không trụ tướng bố thí thì phước đức đó không thể suy tính, đo lường. Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Hư không ở phía đông có thể suy tính đo lường được không? – Không được, bạch Đức Thế Tôn! – Tu-Bồ-Đề! Có thể suy nghĩ**

16 Ngài Thái Hư, Kinh Kim Cang Giảng Lục.

17 Ngài Tông Mật, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ Luận Toản Yếu.

đo lường hư không ở phía trên, phía dưới, nam, tây, bắc hay bốn phương không? – Không được, bạch Đức Thế Tôn! – Tu-Bồ-Đề! Nếu Bồ Tát bố thí mà không trụ nơi tướng thì phước đức lại cũng không thể nghĩ lường như thế. Tu-Bồ-Đề! Bồ Tát nên đúng như lời đã dạy mà trụ."

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này nhấn mạnh diệu hạnh vô trụ: Bồ Tát bố thí mà không trụ vào bất cứ tướng nào – sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp – thể hiện sự viên dung của trí tuệ và từ bi trong tánh không. Đức Phật dạy rằng nếu tâm còn bám vào tướng, phước đức bị giới hạn; nếu không trụ, phước ấy vô lượng như hư không, không thể đo lường. Hình ảnh hư không khắp các phương hướng minh họa tánh không: không biên giới, không nắm bắt, vượt ngoài mọi khái niệm hữu hạn. Triết lý ở đây phá vỡ chấp trước vào "năng bố thí" và "sở bố thí", khẳng định rằng hành động từ bi chỉ trọn vẹn khi tâm vô ngã, không thấy mình cho hay người nhận. Đây là con đường thực hành Đại

thừa: sống giữa đời, làm lợi ích cho chúng sanh mà không dính mắc, để phước đức trở thành vô tận, hòa nhập với chân tâm tự tại, vượt thoát mọi vọng tưởng nhị nguyên.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách giúp đỡ mà không mong cầu. Khi cho đi – như hỗ trợ những người bất hạnh hay quyên góp – ta không trụ vào ý "tôi hào phóng", chỉ hành động tự nhiên như mây bay, không bám vào hình thức hay kết quả. Khi làm việc cho Tăng Đoàn, ta đóng góp mà không cần danh tiếng, thấy mọi nỗ lực như duyên hợp, không thật để nắm giữ. Trong gia đình, ta yêu thương mà không mong đền đáp, để lòng từ bi chảy tự nhiên như nước. Sống giữa xã hội bận rộn, ta thực hành bố thí – thời gian, công sức, tiền bạc – mà không thấy "ta cho", biến mỗi hành động thành cơ hội sống vô trụ, nuôi dưỡng từ bi và trí tuệ, giữ tâm luôn an nhiên giữa muôn trùng thay đổi.

Lược giải:

Phật dạy Bồ Tát nên bố thí không trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, tức không

bám vào tướng. Nếu không trụ tướng, phước đức vô lượng như hư không, không thể đo lường. Đây là diệu hạnh vô trụ: làm lợi ích chúng sanh mà không thấy "ta" hay "người", phá chấp để tâm tự tại, đạt phước đức chân thật vượt ngoài hữu hạn.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ diệu hạnh vô trụ một cách mạch lạc. Ngài Tăng Triệu khẳng định "物無當名"[18] – ***vật không có tên cố định***, phá chấp vào các tướng như sắc, thanh... Ngài Trí Húc đã lý giải "布施無相"[19] – ***bố thí không tướng***, rằng phước đức vô lượng khi tâm không trụ. Đại sư Thái Hư bổ sung "無住即大行"[20] – ***không trụ là đại hạnh***, cho thấy hành động vô ngã dẫn đến phước đức vô biên. Học giả T.R.V. Murti diễn giải ***"Emptiness yields infinite merit"***[21] – ***tánh không sinh công đức vô lượng***, nhấn mạnh

---

18 Ngài Tăng Triệu, Triệu Luận.
19 Ngài Trí Húc, Kim Cương Kinh Thuyết Nghĩa.
20 Ngài Thái Hư, Kinh Kim Cang Giảng Lục.
21 Học giả T.R.V. Murti, Central Philosophy of Buddhism.

bố thí vượt ngoài khái niệm. Tổ Long Thọ thì nhấn mạnh rằng "空即無相"[22] – ***không tức vô tướng***, khẳng định buông bỏ các tướng để tâm hoàn toàn tự tại.

Đoạn 5: Như Lý Thật Kiến

Kinh văn:

> **"Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Có thể thấy Như Lai bằng thân tướng không? – Không thể, bạch Đức Thế Tôn! Không thể thấy Như Lai bằng thân tướng. Tại sao? Đức Như Lai nói thân tướng tức chẳng phải là thân tướng. Đức Phật bảo Tu-Bồ-Đề: Tất cả các tướng đều là hư vọng. Nếu thấy tất cả tướng là chẳng phải tướng, tức thấy Như Lai."**

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này khai thị về ***"như lý thật kiến":*** thấy chân lý bằng trí tuệ, không qua thân tướng hư vọng. Đức Phật khẳng định thân

---

22 Tổ Long Thọ, Đại Trí Độ Luận.

tướng – dù rất trang nghiêm – không phải là Như Lai, vì mọi tướng đều là duyên sinh, không thật, như mộng huyễn. Nếu thấy tất cả tướng là "chẳng phải tướng", tức nhận ra tánh không, hành giả mới thấy Như Lai – chân tâm bất biến vượt ngoài hình tướng. Triết lý này phá chấp vào sắc thân hữu vi, hướng đến pháp thân vô vi, nơi mọi nhị nguyên (có-không, ngã-nhân) đều tan biến. Hỏi đáp giữa Đức Phật và Tôn giả Tu-Bồ-Đề đã nhấn mạnh: giác ngộ không nằm ở hình thức bên ngoài, mà ở sự quán chiếu sâu xa, thấy mọi pháp không có tự tánh, từ đó hiển lộ trí tuệ và chân lý tuyệt đối. Đây là lời mời gọi sống vượt ngoài vọng tưởng, nhận chân thực tại như lý, đạt tâm tự tại giữa đời.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách không bám vào vẻ ngoài hay danh vọng. Khi đánh giá ai đó, ta không trụ vào hình thức – giàu nghèo, đẹp xấu – mà nhìn bằng tâm từ, thấy mọi thứ như bóng nước, không thật để phân biệt. Trong công việc, ta không chạy theo danh tiếng bề ngoài mà tập trung vào

giá trị thực chất, để tâm an tĩnh trước mọi áp lực. Khi thiền định, ta không bám vào hình ảnh "tôi tu", quán chiếu mọi suy nghĩ như mây trôi, không thật để nắm giữ. Sống giữa xã hội, ta thấy mọi thứ – thành công, thất bại – đều hư vọng, thực hành buông bỏ để sống tự tại, dùng trí tuệ nhìn đời, nuôi lòng từ bi mà không dính mắc.

Lược giải:

Phật dạy không thể thấy Như Lai bằng thân tướng, vì thân tướng là hư vọng, chẳng phải thật. Nếu thấy tất cả tướng là chẳng phải tướng, tức thấy Như Lai – pháp thân vô tướng. Đây là ***"như lý thật kiến"***: dùng trí tuệ thấy chân lý vượt ngoài hình tướng, phá chấp để nhận ra tánh không, đạt tâm giác ngộ.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ "như lý thật kiến" một cách sâu sắc. Tổ Long Thọ khẳng định "一切法無自性"[23] – ***tất cả pháp không tự tánh***, phá chấp vào thân tướng hư vọng.

---

23 Tổ Long Thọ, Trung Luận.

Ngài Trí Khải lý giải "見相即見空"[24] – ***thấy tướng tức thấy không***, rằng nhận ra tướng là hư vọng thì thấy chân lý. Ngài Hám Sơn bổ sung "無相即真見"[25] – ***vô tướng là thật thấy***, nhấn mạnh trí tuệ vượt ngoài hình tướng. Học giả Max Müller diễn giải ***"Forms are illusions"***[26] – ***các hình tướng là ảo ảnh***, kết nối tánh không với sự tự tại. Ngài Kiết Tạng nhấn mạnh "空即法身"[27] – ***không tức pháp thân***, khẳng định pháp thân hiển lộ khi buông bỏ mọi tướng.

Nếu chia Kinh văn dựa trên đại ý cốt lõi thì từ đoạn 2 đến đoạn 5 là nói về Tánh không và sắc tướng. Trong triết lý Phật giáo, Đức Phật dạy rằng "凡所有相，皆是虛妄。若見諸相非相，即見如來"[28] ***(Phàm tất cả tướng đều là hư vọng, nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức thấy Như Lai)***, qua đó khẳng định rằng sắc tướng (hình tướng) không phải là thực thể cố định, mà chỉ là

24 Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.
25 Ngài Hám Sơn, Kim Cương Quyết Nghi.
26 Max Müller, Sacred Books of the East.
27 Ngài Kiết Tạng, Kim Cương Bát Nhã Sớ.
28 Cưu Ma La Thập, Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh

biểu hiện của tánh không, tức không có tự tánh. Tất cả mọi hình tướng, dù là vật chất hay tinh thần, đều không tồn tại độc lập mà chỉ là những sự kết hợp tạm thời của các yếu tố duyên sinh, và do đó không có thực thể tự nó.

Câu nói "thấy các tướng chẳng phải tướng" là sự thể hiện của trí tuệ Bát Nhã, trí tuệ vượt qua nhị nguyên sắc/không để nhận thức được rằng tất cả là một thể duy nhất. Sắc tướng chỉ là những sự hiện hữu tạm thời, giống như bóng trong gương, hiện mà không thật, qua đó giúp chúng ta nhận ra tánh không, một thực tại sâu xa không có gì cố định hay thường hằng.

Khi bám vào vật chất, nhà cửa, xe cộ hay danh tiếng, ta hãy quán chiếu rằng tất cả những thứ này chỉ là duyên sinh, không có thực thể cố định để ta bám víu. Nhà chỉ là gỗ, gạch; danh chỉ là lời nói thoáng qua. Khi đối diện với các cảm giác về đẹp xấu, ta cũng nên nhận ra rằng "tướng là hư, không tự tánh," từ đó tâm trí trở nên an tĩnh, không bị cuốn vào những biến động của cuộc đời. Những lời dạy của các bậc thầy như Cưu Ma La Thập, Long Thọ:

"諸法無自性，故空"[29] ***(Chư pháp vô tự tánh, cố không – Mọi pháp không tự tánh, nên không)***, Tông Mật: "色即是空，非滅色也，乃無自性耳"[30] ***(Sắc tức thị không, phi diệt sắc dã, nãi vô tự tánh nhĩ – Sắc là không, chẳng phải diệt sắc, mà là không tự tánh)*** và Trí Húc: "色空不二，真如一如"[31] ***(Sắc không bất nhị, chân như nhất như – Sắc và không không hai, chân như là một)*** đều nhấn mạnh rằng tánh không không phải là sự phủ nhận sự tồn tại của t"ế giới, mà là nhận thức về sự vô thường và vô ngã của vạn pháp. Sắc tướng và không tướng không phải là hai sự thể biệt lập mà là một thực tại duy nhất, không hai. Khi nhận thức được điều này, chúng ta có thể vượt qua mọi sự chấp trước vào hình tướng, từ đó nhận ra Như Lai, thực tại chân thật, và sống an lạc, không bị dao động trước sự biến đổi của thế gian.

---

29 Long Thọ, Trung Luận.

30 Tông Mật, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ Luận Toản Yếu.

31 Trí Húc, Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh Phá Không Luận.

Đoạn 6: Pháp Thân Phi Tướng

Kinh văn:

> **"Tu-Bồ-Đề! Nếu có người nói: Như Lai nếu đến, nếu đi, nếu ngồi, nếu nằm, người ấy chẳng hiểu nghĩa ta nói. Tại sao? Như Lai không từ đâu đến, cũng không đi đâu, nên gọi là Như Lai."**

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này khai triển khái niệm pháp thân phi tướng: Như Lai không bị giới hạn bởi khái niệm đến, đi, ngồi, nằm, vì pháp thân vượt ngoài không gian, thời gian và mọi hình tướng hữu vi. Đức Phật nhấn mạnh rằng người hiểu sai Như Lai qua các hành động vật lý là chưa thấy chân lý tánh không. Như Lai – chân tâm bất biến – không sinh diệt, không đến đi, không trụ vào bất cứ tướng nào, mà là thực tại tuyệt đối, thường trụ trong tánh không. Triết lý này phá sự chấp trước vào hiện tượng bề ngoài, khẳng định pháp thân là bản thể vô tướng, không thể nắm bắt bằng tư duy nhị nguyên. Lời dạy kêu gọi hành giả

quán chiếu: mọi pháp đều hư vọng, không có tự tánh, từ đó buông bỏ vọng niệm về "có" hay "không", nhận ra chân lý bất biến của Như Lai ngay trong đời sống biến động.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách không bám vào biến đổi bên ngoài. Khi đối diện thay đổi – như công việc mới hay mất mát – ta không trụ vào ý "được" hay "mất", quán chiếu mọi sự như mây trôi, không thật để phải lo sợ. Trong giao tiếp, ta không phán xét qua hành động bề ngoài, thấy mọi thứ như duyên hợp, không cần bám víu. Khi thiền định, ta không tìm kiếm "trạng thái giác ngộ" hữu hình, để tâm an nhiên như nước lặng, vượt ngoài khái niệm đến-đi. Sống giữa xã hội, ta giữ tâm tự tại trước vô thường, biến dịch, thực hành trí tuệ và từ bi, nhận chân thực tại bất biến giữa dòng đời luôn biến đổi, sống vô trụ mà vẫn trọn vẹn như nhiên.

Lược giải:

Phật dạy Như Lai không đến, không đi, không ngồi, không nằm, vì pháp thân phi tướng, vượt ngoài sinh diệt và hình tướng.

Người hiểu sai qua hiện tượng chẳng hiểu nghĩa chân thật. Đây là lời khai thị: thấy Như Lai bằng trí tuệ tánh không, không trụ vào tướng, đạt tâm tự tại bất biến.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ pháp thân phi tướng một cách sâu sắc. Tổ Long Thọ khẳng định "諸法無來去"[32] – ***các pháp không đến không đi***, phá chấp vào hiện tượng sinh diệt. Tổ Huệ Năng lý giải "本來無一物"[33] – ***vốn không một vật***, rằng chân tâm không lệ thuộc hình tướng. Ngài Trí Húc bổ sung "非法非非法"[34] – ***chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp***, vượt ngoài khái niệm nhị nguyên. Học giả Edward Conze thì diễn giải ***"The Tathāgata is beyond coming and going"***[35] – ***Như Lai vượt ngoài đến và đi***, nhấn mạnh pháp thân bất biến. Ngài Tăng Triệu nhấn mạnh "真如不動"[36] – ***chân như bất động***, khẳng định thực tại tuyệt đối không lệ thuộc hiện tượng.

---

32 Tổ Long Thọ, Trung Luận.
33 Tổ Huệ Năng, Lục Tổ Đàn Kinh.
34 Ngài Trí Húc, Kim Cương Kinh Thuyết Nghĩa.
35 Ngài Trí Húc, Kim Cương Kinh Thuyết Nghĩa.
36 Ngài Tăng Triệu, Triệu Luận.

Đoạn 7: Phi Thuyết Sở Thuyết

Kinh văn:

> **"Tu-Bồ-Đề! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nào nói: Ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sanh; thì nên biết người ấy chẳng phải Bồ Tát. Tại sao? Tu-Bồ-Đề! Thật không có pháp gọi là Bồ Tát. Cho nên Phật nói: Tất cả các pháp đều không có ngã, không có nhân, không có chúng sanh, không có thọ giả. Tu-Bồ-Đề! Nếu Bồ Tát nói: Ta sẽ trang nghiêm cõi Phật; người ấy chẳng phải Bồ Tát. Tại sao? Đức Như Lai nói: Trang nghiêm cõi Phật tức chẳng phải trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm. Tu-Bồ-Đề! Nếu Bồ Tát thông đạt pháp vô ngã, Như Lai gọi đó là chân Bồ Tát."**

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này nhấn mạnh tánh không trong việc thực hạnh hạnh Bồ Tát: không có pháp cố định gọi là "Bồ Tát", không có "ta" diệt

độ chúng sanh hay trang nghiêm cõi Phật, vì mọi pháp đều vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả. Đức Phật dạy rằng nếu Bồ Tát còn thấy mình làm điều gì, tức còn chấp trước, không phải chân Bồ Tát. Trang nghiêm cõi Phật không phải là tạo dựng hình tướng, mà là nhận ra tánh không – "trang nghiêm" chân thật là vô tướng. Triết lý này phá vỡ khái niệm năng-sở, khẳng định rằng thực hành hạnh Đại thừa chỉ trọn vẹn khi thông đạt vô ngã, không trụ vào bất cứ pháp nào. Đây là lời khai thị: Bồ Tát chân chính sống giữa đời, độ sinh mà không thấy ai được độ, trang nghiêm mà không thấy gì để trang nghiêm, hiển lộ trí tuệ và từ bi từ chân tâm tự tại.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách hành động mà không bám víu vào ý niệm "ta làm". Khi giúp người – như làm từ thiện hay hỗ trợ gia đình – ta không trụ vào "tôi độ ai", chỉ làm tự nhiên như nước chảy, không mong danh lợi. Khi cải thiện môi trường sống, ta không nghĩ "tôi trang nghiêm", thấy mọi thứ

đều do các duyên giả hợp, không cần nắm giữ. Trong công việc, ta cống hiến mà không bám vào thành quả, giữ tâm nhẹ nhàng trước mọi áp lực. Sống giữa xã hội, ta nuôi lòng bi, làm lợi ích mà không thấy "người nhận", thực hành vô ngã để tâm an, biến mỗi ngày thành biểu hiện của trí tuệ và từ bi vượt ngoài vọng tưởng.

Lược giải:

Phật dạy không có pháp gọi là Bồ Tát, vì tất cả pháp đều vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả. Nếu Bồ Tát còn nói "ta diệt độ" hay "ta trang nghiêm cõi Phật", thì chưa phải chân Bồ Tát. Trang nghiêm tức chẳng phải trang nghiêm, là thấy tánh không. Đây là con đường vô ngã: thông đạt chân lý, thể nhập không tánh và là Bồ Tát đích thực.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm sáng tỏ ý này một cách sâu sắc. Tổ Long Thọ khẳng định "無有定法"[37] – ***không có pháp cố định***, phá bỏ sự chấp trước vào khái niệm Bồ Tát. Ngài

37 Tổ Long Thọ, Trung Luận

Trí Khải lý giải "無我即正覺"[38] – ***vô ngã là chánh giác***, rằng vô ngã dẫn đến chân lý. Ngài Kiết Tạng bổ sung "莊嚴即非莊嚴"[39] – ***trang nghiêm tức chẳng phải trang nghiêm***, nhấn mạnh tánh không trong mọi hành hoạt. T.R.V. Murti đã giải. Thích "***No self, no action"***[40] – ***vô ngã, không hành động*** đã khẳng định hành vi vô trụ. Ngài Thái Hư nhấn mạnh "空即大願"[41] – ***không tức đại nguyện***, cho thấy từ bi viên mãn, từ tâm vô ngã.

Đoạn 8: Xuất Sinh Chư Phật

Kinh văn:

> **"Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Phật có đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không? Có pháp nào Phật nói không? Tu-Bồ-Đề thưa: Như con hiểu nghĩa Phật nói thì không có pháp nhất định nào gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không**

38 Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.
39 Ngài Kiết Tạng, Kim Cương Bát Nhã Sớ.
40 T.R.V. Murti, Central Philosophy of Buddhism.
41 Ngài Thái Hư, Kinh Kim Cang Giảng Lục.

có pháp nhất định nào Như Lai nói. Tại sao? Pháp Như Lai nói không thể nắm giữ, không thể nói, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp. Tại sao? Vì tất cả Hiền Thánh đều do pháp vô vi mà có sai biệt."

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này khai thị về tánh không của sự giác ngộ và pháp: Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không phải là một pháp cố định để "đắc" và lời Phật dạy không thể nắm bắt hay diễn đạt bằng khái niệm. Tôn giả Tu-Bồ-Đề hiểu rằng pháp Như Lai là vô vi – không sinh, không diệt, không trụ, vượt ngoài nhị nguyên "pháp" hay "phi pháp". Triết lý này khẳng định giác ngộ không phải vật để sở hữu, mà là sự hiển lộ của chân tâm khi buông bỏ mọi chấp trước. Các bậc Hiền Thánh có sai biệt do mức độ thông đạt pháp vô vi, nhưng bản chất đều là tánh không. Đây là lời dạy sâu xa: Phật pháp không nằm ở ngôn từ hay hình tướng, mà ở sự quán chiếu vô ngã, thấy pháp như thật, đạt tự tại giữa đời.

Như Lai xuất sinh chư Phật qua trí tuệ vô vi, không lệ thuộc hữu vi.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách không bám vào tri thức hay thành tựu. Khi học hỏi – như nghiên cứu Phật pháp – ta không trụ vào "tôi biết", thấy mọi hiểu biết đều vô ngã, không có tự thể để nắm giữ. Trong công việc, ta không bám mục tiêu cố định giả lập, luôn giữ tâm an nhẫn trước mọi áp lực. Khi dạy dỗ ai đó, ta không mong "họ phải hiểu", chỉ chia sẻ với tất cả lòng từ bi, không để tâm dính mắc vào kết quả. Sống giữa xã hội, ta buông bỏ khái niệm "đạt được giác ngộ", thực hành trí tuệ và từ bi mỗi ngày, sống vô vi giữa hữu vi, để chân tâm tự hiển lộ mà không cần tìm cầu.

Lược giải:

Phật hỏi có đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay có nói pháp không, Tôn giả Tu-Bồ-Đề đáp không có pháp nhất định để đắc hay nói, vì pháp Như Lai là vô vi, không nắm giữ, không diễn đạt. Đây là tánh không:

giác ngộ vượt ngoài khái niệm và ngôn ngữ ước lệ, Hiền Thánh sai biệt là do thông đạt vô vi và đạt được chân lý bất biến.

Trích dẫn:

Các luận giải đã làm rõ ý này một cách sâu sắc. Tổ Long Thọ khẳng định "無得無說"[42] – ***không đắc không nói***, phá chấp vào giác ngộ hữu vi. Ngài Huệ Năng lý giải "無念為宗"[43] – ***không niệm là tông***, rằng chân tâm vượt ngoài tư duy. Ngài Trí Khải bổ sung "無為即真"[44] – ***vô vi là chân***, nhấn mạnh pháp thân hiển lộ qua tánh không. Max Müller biểu đạt ***"Truth beyond words"***[45] – ***chân lý vượt ngoài ngôn từ***, kết nối vô vi với tự tại. Ngài Tông Mật đã nhấn mạnh "空即無執"[46] – ***không tức không chấp***, khẳng định buông bỏ là cốt lõi giác ngộ.

---

42 Tổ Long Thọ, Trung Luận
43 Ngài Huệ Năng, Lục Tổ Đàn Kinh.
44 Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.
45 Max Müller, Sacred Books of the East.
46 Ngài Tông Mật, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ Luận Toản Yếu.

Đoạn 9: Nhất Tướng Vô Tướng

Kinh văn:

> **"Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Nếu có người dùng bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, người ấy do nhân duyên phước đức này được phước đức nhiều không? Tu-Bồ-Đề thưa: Rất nhiều, bạch Thế Tôn! Đức Phật bảo: Tu-Bồ-Đề! Nếu có phước đức thì Như Lai chẳng nói phước đức ấy là nhiều. Vì sao? Vì phước đức ấy chẳng có tánh phước đức. Tu-Bồ-Đề! Nếu có phước đức thì Như Lai chẳng nói phước đức ấy là nhiều, vì chẳng có tánh phước đức."**

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này khai thị về "nhất tướng vô tướng": phước đức từ bố thí bảy báu đầy tam thiên đại thiên thế giới tuy nhiều, nhưng không thật, vì không có tự tánh cố định. Đức Phật dạy rằng nếu phước đức là "có", thì không gọi là nhiều, bởi tánh không phủ

định mọi khái niệm hữu hạn – phước đức chỉ là duyên sinh, hư vọng, không thể nắm giữ. Triết lý này phá chấp vào phước đức hữu vi, hướng hành giả đến phước đức vô vi: bố thí mà không thấy "ta bố thí" hay "phước được nhận", để phước ấy hòa vào tánh không, trở thành vô lượng. Hỏi đáp giữa Đức Phật và Tôn giả Tu-Bồ-Đề nhấn mạnh: chân phước đức là vô tướng, không đo lường bằng số lượng, mà hiển lộ qua tâm vô ngã, tự tại giữa nhân gian. Đây là lời kêu gọi quán chiếu: mọi pháp đều không thật, chỉ có trí tuệ và từ bi vượt ngoài hình tướng, như thế mới là chân thật.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách cho đi mà không tính toán. Khi bố thí – như quyên góp tiền bạc hay công sức – ta không trụ vào "tôi cho nhiều", chỉ làm tự nhiên trên căn bản của đại bi tâm, không bám vào kết quả. Trong công việc, ta không đong đếm thành tích, thấy mọi nỗ lực như duyên hợp, không thật để kiêu ngạo. Khi giúp đỡ người thân, ta không mong đền đáp, để lòng từ bi

chảy mà tâm thật sự nhẹ nhàng. Sống giữa xã hội, ta thực hành phước đức – dù lớn hay nhỏ – không thấy "phước của ta", giữ tâm an trước mọi nghịch cảnh, biến mỗi hành động thành biểu hiện của tánh không và từ bi vô tư ống.

Lược giải:

Phật dạy phước đức từ bố thí bảy báu tuy nhiều, nhưng tánh của phước đức thì không tánh và mọi pháp đều chỉ là hư huyễn. Đây là ***"nhất tướng vô tướng"***: phước đức chân thật là vô ngã, không đo lường, chỉ hiển lộ khi không trụ vào tướng, đạt tâm tự tại qua trí tuệ tánh không.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ ý này một cách sâu sắc. Tổ Long Thọ khẳng định "諸法無自性"[47] – ***các pháp không có tự tánh***, phá chấp vào phước đức hữu vi. Thái Hư Đại sư lý giải "無相即大福"[48] – ***không tướng là đại phước***, rằng phước vô lượng từ tâm vô trụ.

47 Tổ Long Thọ, Trung Luận

48 Đại sư Thái Hư, Kinh Kim Cang Giảng Lục.

Ngài Trí Húc biểu đạt "布施即空"[49] – ***bố thí tức không***, nhấn mạnh phước đức chân thật vượt ngoài số lượng. Học giả Edward Conze diễn giải ***"Merit is empty"***[50] – ***phước đức là không***, kết nối tánh không với từ bi. Ngài Kiết Tạng nhấn mạnh "無我即福田"[51] – ***vô ngã là ruộng phước***, khẳng định phước vô ngã là chân phước.

Từ đoạn 6 đến đoạn 9 là nói về ***Phá tứ tướng – Vô ngã***. Khi Tôn giả Tu Bồ Đề hỏi về con đường hành Bồ Tát, Đức Phật dạy: "若菩薩有我相、人相、衆生相、壽者相，即非菩薩"[52] ***(Nhược Bồ Tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ Tát – Nếu Bồ Tát còn thấy tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, thì chẳng phải Bồ Tát)***. Đây là lời khai thị về pháp hành vô ngã – cốt lõi của Bồ Tát đạo – thông qua việc phá trừ bốn tướng: ngã (cái

---

49 Ngài Trí Húc, Kim Cương Kinh Thuyết Nghĩa.

50 Học giả Edward Conze, Buddhism: Its Essence and Development.

51 Ngài Kiết Tạng, Kim Cương Bát Nhã Sớ.

52 Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh, do Cưu Ma La Thập dịch.

tôi), nhân (người khác), chúng sanh (các loài hữu tình) và thọ giả (sự sống có thời gian, tuổi thọ). Những tướng này đều là huyễn vọng, không có tự tánh, chỉ do duyên hợp mà hiện, nên Bồ Tát chân thật khi thực hành từ bi không trụ vào ý niệm "ta đang độ", "người kia được độ", mà hành đạo một cách vô tướng, vô trụ. Đây chính là trí tuệ kim cương – sắc bén như dao bén – chặt đứt tận gốc mọi ý niệm ngã chấp, vốn là căn nguyên của luân hồi và khổ đau. Khi không còn thấy có "ta", "người", "chúng sanh" hay "thọ mạng", tâm trở về với bản thể bình đẳng, rỗng lặng, không phân biệt, gọi là chân tâm, là tánh Phật vốn sẵn.

Trong thực tiễn, giáo lý này giúp ta hóa giải rất nhiều khổ đau trong đời sống thường nhật. Khi bị ai đó chê bai, ta quán chiếu: "Cái tôi là huyễn, ai bị chê?" – từ đó tâm không khởi sân, không bị xúc phạm. Khi làm việc thiện, giúp đỡ người khác, ta không bám vào ý nghĩ "tôi là người tốt", cũng không mong cầu ghi nhận – hành động trở nên trong sáng, tự nhiên như mây trôi qua trời, không để lại dấu vết. Trong bối cảnh xã hội đầy chia rẽ và

đối lập, giáo lý phá tứ tướng giúp ta không chấp vào ranh giới "ta/người", "phe mình/phe họ", mà thấy tất cả đều là duyên sinh cần hóa giải bằng từ bi và trí tuệ. Từ đó, lòng từ không còn là một hành vi có chủ thể và đối tượng, mà trở thành bản chất tự nhiên của tâm giác ngộ.

Nhiều bậc thầy lớn trong truyền thống Thiền và Bát Nhã đều đã khai triển sâu sắc ý nghĩa này. Huệ Năng, Lục Tổ Thiền tông, dạy: "無我無人，見性成佛" ***(Vô ngã vô nhân, kiến tánh thành Phật – Không ta, không người, thấy tánh thành Phật)***[53]. Chỉ khi buông bỏ mọi phân biệt ta-người, ta mới có thể trực nhận được chân tánh và thành tựu giác ngộ. Tăng Triệu, một trong những vị luận sư lớn của Trung Quán, viết: "我人衆壽，皆緣生幻" ***(Ngã nhân chúng thọ, giai duyên sinh huyễn – Ngã, nhân, chúng, thọ đều là huyễn do duyên sinh)***[54]. Mọi khái niệm về chủ thể và đối tượng đều là ảo tưởng, như bóng hiện trong gương, không có thực

53 Huệ Năng, Lục Tổ Đàn Kinh.

54 Tăng Triệu, Triệu Luận, thiên Bát Bất.

thể. Trí Khải, sáng tổ của Thiên Thai tông, giải thích: "四相皆空，乃真菩薩行" ***(Tứ tướng giai không, nãi chân Bồ Tát hành – Tứ tướng đều không, đó là hành động chân Bồ Tát)***[55] – hành đạo mà không chấp vào tướng là cốt lõi của Đại thừa. Còn Kiết Tạng, vị cao ong đời Đường, lại dạy: "我人皆幻，真心無相" ***(Ngã nhân giai huyễn, chân tâm vô tướng – Ngã, nhân đều huyễn, chân tâm không tướng)***[56] – phá bỏ tứ tướng là phá bỏ màn vô minh, để chân tâm hiển lộ, sáng suốt và vô phân biệt.

Tóm lại, đoạn kinh văn này không chỉ là nền tảng của giáo lý vô ngã mà còn là phương pháp hành trì để Bồ Tát thực hiện tâm từ bi chân thật. Bằng cách quán sát và phá trừ bốn tướng – ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả – hành giả không còn bị ong buộc trong các khái niệm nhị nguyên, không còn hành thiện với tâm chấp thủ, từ đó mới hiển lộ được trí tuệ Bát Nhã và nhập vào con đường giải thoát chân thật.

---

55 Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ

56 Kiết Tạng, Kim Cương Bát Nhã Sớ.

Đoạn 10: Trang Nghiêm Tịnh Độ

Kinh văn:

> **"Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có được thân tướng đầy đủ không? Tu-Bồ-Đề thưa: Không, bạch Thế Tôn! Như Lai không được thân tướng đầy đủ. Tại sao? Đức Như Lai nói thân tướng đầy đủ tức chẳng phải đầy đủ, ấy gọi là đầy đủ. Đức Phật bảo Tu-Bồ-Đề: Ý ông thế nào? Như Lai có nghĩ: Ta được cõi tịnh độ trang nghiêm không? Đừng nghĩ như thế! Tại sao? Cõi tịnh độ trang nghiêm, Như Lai nói chẳng phải trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm. Tu-Bồ-Đề! Nếu Bồ Tát quán triệt pháp vô ngã, Như Lai gọi đó là chân Bồ Tát."**

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này khai triển ý ***"trang nghiêm tịnh độ"*** qua tánh không: thân tướng đầy đủ hay cõi tịnh độ trang nghiêm không phải là

thực thể cố định để "được", mà là biểu hiện của pháp thân vô tướng. Đức Phật dạy rằng nếu còn thấy thân tướng hay tịnh độ là "đầy đủ" theo nghĩa hữu vi, tức chưa thấy chân lý – "đầy đủ" chân thật là không trụ vào tướng, không thấy "ta được". Tịnh độ không phải nơi vật chất để trang trí, mà là tâm thanh tịnh, vô ngã, hiển lộ qua trí tuệ Bát-nhã. Triết lý này phá chấp vào hình tướng bề ngoài, khẳng định chân Bồ Tát là người quán triệt vô ngã, không bám vào thân hay cõi, sống từ bi và trí tuệ giữa đời. Đây là lời khai thị: trang nghiêm thật sự là tánh không, đạt tự tại vượt ngoài khái niệm hữu vi.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách sống thanh tịnh mà không bám víu. Khi cải thiện bản thân – như rèn luyện sức khỏe hay học tập – ta không trụ vào "tôi hoàn hảo", thấy mọi nỗ lực như duyên hợp, không thật để kiêu ngạo. Khi xây dựng gia đình hay cộng đồng, ta không nghĩ "tôi tạo tịnh độ", chỉ làm với lòng từ, không dính mắc kết quả. Trong thiền định, ta không tìm "tâm trang nghiêm" hữu

hình, để tâm an nhiên như hư không, vượt ngoài hình tướng. Sống giữa xã hội, ta vun bồi lòng từ bi, làm đẹp đời mà không thấy "ta làm", thực hành vô ngã để tâm tự tại, biến mỗi ngày thành tịnh độ vô tướng.

Lược giải:

Đức Phật dạy thân tướng đầy đủ hay cõi tịnh độ trang nghiêm chẳng phải đầy đủ, chẳng phải trang nghiêm, vì mọi tướng đều không thật. Đây là ***tánh không***: chân Bồ Tát quán triệt vô ngã, không trụ vào thân hay cõi, đạt trang nghiêm chân thật bằng trí tuệ và từ bi vượt ngoài hình tướng.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ ý này một cách sâu sắc. Tổ Long Thọ khẳng định "無相即真身"[57] – ***không tướng là chân thân***, phá chấp vào thân tướng hữu vi. Ngài Trí Khải lý giải "淨土即空"[58] – ***tịnh độ tức không***, rằng trang nghiêm thật là vô tướng. Ngài Hám

57 Tổ Long Thọ, Đại Trí Độ Luận.

58 Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.

Sơn bổ sung "無我即淨"[59] – ***vô ngã là tịnh***, nhấn mạnh tâm thanh tịnh vượt ngoài khái niệm. Thiền sư D.T. Suzuki diễn giải rằng ***"Purity is non-form"***[60] – ***thanh tịnh là vô hình***, kết nối tánh không với tịnh độ. Ngài Tông Mật nhấn mạnh "空即莊嚴"[61] – ***không tức trang nghiêm***, khẳng định trí tuệ vô ngã là cốt lõi.

Đoạn 11: Uy Đức Tự Tại

Kinh văn:

> **"Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Nếu có người dùng bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, do nhân duyên này được phước đức chẳng nhiều sao? Tu-Bồ-Đề thưa: Rất nhiều, bạch Thế Tôn! Đức Phật bảo: Tu-Bồ-Đề! Nếu phước đức có thật thì Như Lai chẳng nói phước đức ấy nhiều. Vì phước đức chẳng có thật, nên Như Lai nói phước đức ấy nhiều."**

---

59 Ngài Hám Sơn, Kim Cương Quyết Nghi.

60 D.T. Suzuki, Essays in Zen Buddhism.

61 Ngài Tông Mật, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ Luận Toản Yếu.

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này tiếp tục khai triển ý ***"phước đức vô tướng"***: phước từ bố thí bảy báu tuy nhiều, nhưng không thật, vì không có tự tánh cố định. Đức Phật dùng nghịch lý – *"nếu có thật thì chẳng nói nhiều, vì chẳng thật nên nói nhiều"* – để phá chấp vào khái niệm phước đức hữu vi. Tánh không phủ định mọi thực thể cố định, phước đức chỉ là duyên sinh, hư vọng, không thể đo lường bằng số lượng. Triết lý này khẳng định uy đức tự tại của Bồ Tát: bố thí mà không thấy phước, không trụ vào "ta" hay "người nhận", để phước ấy hòa vào tánh không, trở thành vô lượng. Đây là lời dạy sâu xa: chân phước đức xuất phát từ tâm vô ngã, vượt ngoài vọng tưởng hữu hạn, hiển lộ tự tại giữa đời qua trí tuệ và từ bi.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách cho đi mà không đong đếm. Khi bố thí – như giúp người nghèo hay hỗ trợ bất cứ ai – ta không trụ vào "tôi cho nhiều", chỉ làm với tinh thần vô chấp, không bám vào danh lợi. Trong công việc, ta cống hiến mà không

tính toán thành quả, thấy mọi thứ chỉ là giả hợp, không có gì thật để kiêu ngạo. Khi đối diện khó khăn, ta không bám vào "phước của ta", giữ tâm nhẹ nhàng trước mọi đổi thay. Sống giữa xã hội, ta thực hành từ bi mà không thấy "phước để nhận", biến mỗi hành động thành biểu hiện của tánh không, giữ tâm tự tại giữa trần gian, để uy đức hiển lộ qua sự vô ngã.

Lược giải:

Đức Phật dạy phước đức từ bố thí bảy báu tuy nhiều, nhưng chẳng thật, nên Như Lai nói là nhiều. Đây là uy đức tự tại: thấy phước đức không có tự tánh, không trụ vào tướng, đạt phước vô lượng bằng trí tuệ tánh không và từ bi vô ngã.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm sáng tỏ ý này một cách sâu sắc. Tổ Long Thọ khẳng định "因緣所生法。我說即是空。亦名為假名。亦名中道義"[62] – ***pháp do nhân duyên sinh, ta nói đó là không, cũng gọi là giả danh,***

62 Tổ Long Thọ, Trung Luận

cũng là nghĩa trung đạo; thật sự phá bỏ mọi chấp trước vào phước đức hữu vi và chỉ ra rằng đó chỉ là giả danh, vì tự tánh của các pháp đều rỗng lặng đồng thời nhấn mạnh trung đạo là con đường vượt ngoài hữu-vô. Ngài Trí Khải lý giải "福德即非福德"[63] – ***phước đức tức chẳng phải phước đức***, rằng phước đức chân thật chính là vô tướng. Ngài Hám Sơn bổ sung "無我即真福"[64] – ***vô ngã là chân phước***, nhấn mạnh phước vô ngã vượt ngoài số lượng.

Đoạn 12: Vô Đắc Vô Thuyết

Kinh văn:

> **"Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Nếu có người nói: Như Lai có nói pháp của người, pháp của ngã, pháp của chúng sanh, pháp của thọ giả; Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Người ấy có hiểu nghĩa ta nói không? Tu-Bồ-Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Người ấy chẳng hiểu nghĩa Như Lai nói. Đức Phật bảo: Tu-Bồ-**

63 Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.

64 Ngài Hám Sơn, Kim Cương Quyết Nghi.

Đề! Nếu có pháp Như Lai nói thì tức chẳng phải Như Lai nói. Cho nên Như Lai nói: Hết thảy các pháp đều chẳng phải của ngã, chẳng phải của nhân, chẳng phải của chúng sanh, chẳng phải của thọ giả."

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này khai triển ý ***"vô đắc vô thuyết"***: pháp Như Lai nói không phải pháp cố định để nắm giữ hay diễn đạt, vì mọi pháp đều vô ngã, không thuộc về "ngã", "nhân", "chúng sanh", "thọ giả". Đức Phật nhấn mạnh rằng người hiểu sai pháp qua khái niệm sở hữu là chưa thấy tánh không – nếu có pháp để nói thì chẳng phải Như Lai nói, vì chân lý vượt ngoài ngôn từ và nhị nguyên. Triết lý này phá chấp vào lời nói và pháp hữu vi, khẳng định rằng Như Lai thuyết pháp bằng vô vi, không trụ vào bất cứ tướng nào. Đây là lời dạy sâu xa: hành giả cần quán chiếu mọi pháp không thật, buông bỏ vọng niệm về "được" hay "nói", để trí tuệ và từ bi hiển lộ tự tại từ chân tâm, vượt thoát mọi ràng buộc giữa đời.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách sống vượt ngoài ngôn từ và sở hữu. Khi tranh luận, ta không bám vào "lời của ta", quán chiếu mọi ý kiến như mây trôi, không thật để tranh đấu.

Trong giảng dạy hay chia sẻ, ta không trụ vào "tôi nói pháp", chỉ truyền đạt tự nhiên như gió thoảng, không mong công nhận. Khi thiền định, ta không tìm "pháp để đắc", để tâm an nhiên như hư không, không dính mắc khái niệm. Sống giữa xã hội, ta thực hành từ bi mà không thấy "pháp của ta", giữ tâm tự tại trước mọi biến đổi, biến mỗi lời nói, hành động thành biểu hiện của tánh không, sống vô ngã giữa dòng đời.

Lược giải:

Đức Phật dạy, pháp Như Lai nói chẳng phải của ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, vì mọi pháp đều không thật. Người hiểu sai là chưa thấy chân lý vô vi. Đây là ***"vô đắc vô thuyết":*** pháp vượt ngoài ngôn từ, thấy tánh không để đạt tâm tự tại, hiển lộ trí tuệ và từ bi chân thật.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ ý này một cách sâu sắc. Đại sư Tinh Vân đã giảng thích rằng:

"無得, 既破除凡夫的「事障」, 以為真實有個正覺可得；又兼破除二乘行人的「理障」, 以為正覺雖不可事得, 但可以心得。無說, 則令一切眾生, 不被語言文字所障, 如《法華經》云：諸根利鈍, 精進懈怠, 隨其所堪, 而為說法."[65].

"Vô đắc": *thuật ngữ này nhằm phủ định cả hai loại chấp trước. Một mặt, nó phá trừ* ***"sự chướng"*** nơi hàng phàm phu, tức là sự chấp trước rằng có một thực thể giác ngộ đích thực nào đó có thể đạt được; mặt khác, nó cũng đồng thời phá trừ ***"lý chướng"*** nơi hàng Nhị thừa hành giả, tức là tuy không chấp có thể chứng đắc bằng hình tướng, nhưng vẫn còn chấp rằng có thể đạt được giác ngộ thông qua tâm thức, nội chứng. ***"Vô thuyết"*** *hàm ý rằng chư Phật, chư Bồ Tát không kẹt vào ngôn ngữ hay văn tự trong việc hoằng pháp.*

---

65 Tinh Vân Đại Sư, Tinh Vân Đại Sư Toàn Tập 4, Kim Cang Kinh Giảng Thoại

Điều này nhằm giúp chúng sanh không bị ngôn ngữ ràng buộc, vượt qua chướng ngại của văn tự, ngữ ngôn. Như Kinh Pháp Hoa có dạy: *"Các căn lợi hay độn, siêng năng hay biếng trễ, Tùy theo khả năng tiếp nhận mà thuyết pháp."* Trong bối cảnh tư tưởng Đại thừa, đặc biệt là các hệ thống Trung Quán và Duy Thức, "vô đắc" và "vô thuyết" không chỉ là phủ định bề mặt, mà là phương thức ngôn ngữ mang tính triệt để nhằm phá vỡ mọi đối đãi và phân biệt nhị nguyên. "Vô đắc" ở đây trong Kinh Kim Cang dạy rằng ***"vô sở đắc thị vi Bồ Tát"***, nhấn mạnh rằng giác ngộ chân thật không phải là một đối tượng có thể thủ đắc – dù trên phương diện hiện tượng hay tâm lý. Cả "sự đắc" lẫn "tâm đắc" đều là chướng ngại vi tế. "Vô thuyết" phản ánh tư tưởng phương tiện thiện xảo: ngôn ngữ được dùng nhưng không bị xem như một âm thanh có tự thể cố định, mà chẳng khác nào như ngón tay chỉ mặt trăng – được dùng để dẫn dắt, nhưng không phải là chân lý tuyệt đối.

Thuyết pháp tùy căn cơ là biểu hiện của ***trí tuệ phương tiện*** (upāya-kauśalya) của

chư Phật. Do đó, "vô đắc" và "vô thuyết" là hai biểu hiện căn bản của trí tuệ bất nhị: một mặt giải phóng người tu khỏi chấp thủ vào thành tựu; mặt khác, giúp vượt thoát khỏi hệ thống biểu đạt để tiếp cận thực tại như thật.Tất cả pháp không có tự tánh, nên không có pháp cố định để nói, phá chấp vào lời thuyết hữu vi và chỉ ra tánh không là chân lý. Tổ Huệ Năng lý giải "無念無相無住"[66] – ***không niệm, không tướng, không trụ***, nhấn mạnh pháp vô vi vượt ngoài khái niệm, là pháp không do nhân duyên tạo tác, vượt khỏi sinh diệt và biến đổi. Ngài Trí Khải bổ sung "非法非非法"[67] – ***chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp***, rằng chân lý Như Lai không thể diễn đạt. Đại sư Thái Hư diễn giải "空即無說"[68] – ***không tức không nói***, khẳng định từ bi và trí tuệ hiển lộ từ tâm vô ngã. Học giả Edward Conze nhấn mạnh ***"Words are empty vessels"***[69] – ***lời là***

66 Tổ Huệ Năng, Lục Tổ Đàn Kinh.
67 Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.
68 Đại sư Thái Hư, Kinh Kim Cang Giảng Lục.
69 Edward Conze, Buddhism: Its Essence and Development.

bình rỗng, kết nối tánh không với sự tự tại vượt ngoài ngôn từ.

Đoạn 13: Tôn Trọng Chánh Giáo

Kinh văn:

> **"Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Người nào nói: Như Lai nói ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ý ông thế nào? Có pháp ấy không? Tu-Bồ-Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa Phật nói, không có pháp nhất định gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đức Phật bảo: Đúng thế! Đúng thế! Tu-Bồ-Đề! Chẳng có pháp nào Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-Bồ-Đề! Nếu có pháp Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì Phật Nhiên Đăng chẳng thọ ký cho ta: Ông ở đời sau sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Vì thật không có pháp được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ta:**

Ông ở đời sau sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni."

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này nhấn mạnh ***tánh không của giác ngộ:*** Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không phải pháp cố định để "được", vì mọi pháp đều vô ngã, không thật. Đức Phật khẳng định nếu có pháp để đắc, thì thọ ký của Phật Nhiên Đăng (Dipankara) cho Ngài thành Phật Thích Ca Mâu Ni sẽ không xảy ra – chính vì không có pháp cố định, thọ ký mới thành tựu trong tánh không. Triết lý này triệt phá thủ chấp vào khái niệm "đạt giác ngộ" như một thực thể, hướng hành giả đến chân lý vô vi: giác ngộ là sự hiển lộ của chân tâm khi buông bỏ mọi tướng, không lệ thuộc hữu vi hay ngôn từ. Đây là lời dạy tôn trọng chánh giáo: thấy pháp như thật, không trụ vào "ta đắc", để trí tuệ và từ bi tự tại giữa đời, nối tiếp diệu pháp từ chư Phật trải qua vô lượng kiếp.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách sống không bám víu vào thành tựu. Khi đạt được

điều gì – như thành công trong công việc – ta không trụ vào cái được cho là "tôi đắc", thấy mọi thứ chỉ là duyên sanh, không có gì để phải hênh hoang tự đắc. Trong tu tập, ta không tìm sự "giác ngộ" hữu hình, mà hãy để tâm an nhiên như hư không rỗng lặng, vượt ngoài khái niệm đạt-không đạt. Khi truyền đạt tri thức, ta không nghĩ "tôi dạy pháp", chỉ chia sẻ tự nhiên như mây trôi, không dính mắc danh lợi. Sống giữa xã hội, ta tôn trọng chánh pháp bằng cách thực hành vô ngã, nuôi lòng bi mà không thấy "ta làm", giữ tâm thanh tịnh, để trí tuệ hiển lộ như thọ ký bất biến.

Lược giải:

Phật dạy không có pháp cố định gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì mọi pháp đều không thật. Thọ ký của Phật Nhiên Đăng thành tựu trong tánh không, không phải hữu vi. Đây là tôn trọng chánh pháp: thấy giác ngộ là vô ngã, đạt tâm tự tại bằng trí tuệ vượt ngoài khái niệm, thủ chấp.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ ý này một cách sâu sắc. Tổ Long Thọ khẳng định: "如諸法

自性，不在於緣中， 以無自性故，他性亦復無[70] – ***Như tự tính các pháp, không có ở trong duyên, vì không có tự tính, nên tha tính cũng không có***. Câu này thể hiện tư tưởng tính không (Śūnyatā) trong Phật giáo. Mọi pháp đều không có tự tính (Svabhāva), tức là không có bản chất cố định, mà chỉ tồn tại nhờ vào các yếu tố duyên sinh. Vì vậy, nếu một pháp không có tự tính, thì tất cả các pháp khác, vốn chỉ là sự phụ thuộc vào duyên, cũng không có tự tính cố định. Điều này chỉ ra rằng, sự thật tối hậu là tất cả các pháp đều vô ngã và không thể tồn tại độc lập, mà phải dựa vào mối liên hệ và điều kiện. Không có pháp cố định để được, nên không có gì để đắc, phá sự chấp trước vào cái được gọi là giác ngộ hữu vi và chỉ ra tánh không là chân lý. Đức Phật khẳng định rằng không có pháp cố định nào, nghĩa là giác ngộ không phải là một pháp có thể nắm bắt được. Đoạn này làm rõ rằng giác ngộ của Phật là sự nhận ra không có gì để đạt được, điều này không có nghĩa là không có sự giác

---

70 Tổ Long Thọ, Trung Luận

ngộ, mà là một sự hiểu biết vượt ra ngoài mọi khái niệm về "đạt được", đồng lúc nhấn mạnh rằng bản thể của mọi sự là bình đẳng, không có phân biệt giữa các pháp và, giác ngộ chính là sự nhận thức trọn vẹn bản thể này. Ngài Huệ Năng lý giải "本來無一物，何處惹塵埃"[71] – ***xưa nay vốn chẳng có vật gì, đâu có chỗ nào để dính bụi.*** Bản chất của sự vật và tâm trí vốn dĩ thanh tịnh, không có bất kỳ "vật" hay "dính mắc" nào. Nếu không có cái gì để nắm bắt hay dính vào, thì làm sao có thể có "bụi" (biểu trưng cho phiền não) bám vào? Đây là một cách nói để chỉ ra rằng bản thể thực sự của tâm và vạn pháp vốn trong sáng, không tỳ vết, chỉ khi bị mê lầm thì mới có những điều không thuần khiết như bụi bặm nhằm nhấn mạnh chân tâm vượt ngoài khái niệm đắc-thất. Ngài Trí Khải bổ sung "空即無相，無相即真"[72] – ***không tức vô tướng, vô tướng tức chân***, rằng giác ngộ hiển lộ qua tánh không. Ngài Thái Hư diễn

---

71 Ngài Huệ Năng, Lục Tổ Đàn Kinh.

72 Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.

giải "無得即大得"[73] – ***không đắc là đại đắc***, khẳng định uy đức tự tại từ tâm vô ngã. Max Müller nhấn mạnh ***"Enlightenment transcends attainment"***[74] – ***giác ngộ vượt ngoài sự đạt được***, kết nối tánh không với thực tại bất biến.

Từ đoạn 10 đến đoạn 13 là nói về Vô sở trụ và buông bỏ chấp pháp. Đức Phật dạy: "應無所住而生其心" ***(Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm – Không trụ nơi đâu mà phát tâm)***. Đây là một trong những tuyên ngôn tối thượng của Bát Nhã, biểu thị đỉnh cao của trí tuệ vô trụ – trí tuệ không bám chấp vào bất kỳ pháp nào, dù là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, hay thậm chí là đạo, giác ngộ, giải thoát. Vô trụ không có nghĩa là hư vô hay phủ nhận hành động, mà là một trạng thái tâm tự tại, vượt ngoài mọi nhị nguyên như có/không, trụ/không trụ, thiện/ác. Câu "sanh kỳ tâm" không hàm ý về một ý chí khởi lên từ cái ngã, mà là biểu hiện tự nhiên của từ bi và trí tuệ – một dòng chảy vô niệm, vô sở cầu, như

---

73 Ngài Thái Hư, Kinh Kim Cang Giảng Lục.

74 Max Müller, Sacred Books of the East.

gió thổi qua trời không để lại dấu tích. Đây là tinh thần ***"ly nhất thiết tướng, tức nhất thiết pháp"*** – rời mọi tướng, mới có thể dung nhiếp muôn pháp. Lưỡi dao kim cương của Bát Nhã nơi đây cắt đứt không chỉ tham ái hay vọng tưởng, mà cả chấp trước vào giáo pháp, vào đạo, vào quả vị – những vi tế chấp mà hành giả dễ vướng phải trên con đường tu chứng. Chỉ khi tâm không trụ bất cứ đâu, chân tâm mới hiển lộ; chỉ khi không mang theo bất kỳ hình bóng nào, mới có thể sống an nhiên giữa dòng đời mà không bị đời trói buộc.

Trong ứng dụng thực tiễn, lời dạy này mở ra một hướng tu hoàn toàn tự tại. Trong thiền định, ta không trụ vào niệm "tôi đang thiền", không mong đắc đạo – chỉ ngồi trong lặng lẽ, lắng nghe tiếng gió, cảm nhận tâm như hư không, sáng mà không bám. Khi thất bại, thay vì bám chặt vào ý niệm "tôi thua", ta nhìn sự việc như mây trôi – hiện rồi tan – không có gì thật để buồn. Khi làm việc thiện, ta không khởi niệm "tôi tốt", cũng không mong đáp đền – chỉ hành động như nước chảy, như hoa nở, thuần khiết và vô cầu. Đó chính là sống

"vô sở trụ" giữa đời, là biểu hiện sống động của trí tuệ Bát Nhã ngay trong hiện tại.

Các bậc đại sư từ Ấn Độ đến Trung Hoa đều đã diễn giải sâu sắc về tinh thần này. Long Thọ, tổ của Trung Quán, dạy: "若有所住，即非正覺"[75] ***(Nhược hữu sở trụ, tức phi chánh giác – Nếu có chỗ trụ, chẳng phải chánh giác)*** – nghĩa là chỉ cần còn một điểm bám, thì giác ngộ ấy vẫn chưa rốt ráo. Huệ Năng, Lục Tổ Thiền tông, nói: "應無所住，無住即真"[76] ***(Ưng vô sở trụ, vô trụ tức chân – Không trụ là chân)***, nhấn mạnh rằng chỉ khi tâm không trụ bất kỳ đâu thì chân như mới hiển hiện. Tông Mật, một trong những vị tổ Thiền tông đời Đường, viết: "不住法相，方生真心"[77] ***(Bất trụ pháp tướng, phương sanh chân tâm – Không trụ pháp tướng, mới sinh chân tâm)*** – cho thấy chỉ khi buông cả pháp, mới phát khởi được tâm chân thật. Nghĩa Tịnh, một cao ong nổi tiếng với dịch

---

75 Long Thọ, Trung Quán Luận.

76 Huệ Năng, Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh Khẩu Quyết

77 Tông Mật, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ Luận Toản Yếu.

thuật kinh điển Bát Nhã, viết: "無住真心，超諸有爲"[78] ***(Vô trụ chân tâm, siêu chư hữu vi – Tâm không trụ vượt mọi hữu vi)*** – xác lập rằng vô trụ không phải là phủ định hành vi, mà là vượt lên mọi tạo tác giới hạn, đạt đến tự do tuyệt đối.

Tóm lại, "應無所住而生其心" không chỉ là lời dạy thâm sâu về vô trụ, mà còn là tinh túy hành đạo của Bồ Tát giữa đời: không bám vào ong, vào pháp, vào tâm hay vào quả – chỉ sống, chỉ hành, như mây bay nước chảy, tự nhiên và rỗng lặng. Chính nơi vô trụ ấy, tâm chân như sáng soi, và con đường Bát Nhã hiển lộ trọn vẹn.

Đoạn 14: Ly Nhất Thiết Tướng

Kinh văn:

> **"Đức Phật nói: Đúng thế! Đúng thế! Tu-Bồ-Đề! Vì không có pháp Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên Như Lai nói: Hết thảy các pháp đều là Phật pháp. Tu-**

78 Nghĩa Tịnh, Năng Đoạn Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh.

Bồ-Đề! Nói là hết thảy các pháp, tức chẳng phải hết thảy các pháp, nên gọi là hết thảy các pháp."

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này khai triển ý ***"ly nhất thiết tướng":*** mọi pháp đều là Phật pháp, nhưng không phải pháp cố định để trụ, vì tánh không phủ định mọi khái niệm hữu vi. Đức Phật nhấn mạnh – *"hết thảy các pháp tức chẳng phải hết thảy các pháp"* – để phá chấp vào pháp tướng, khẳng định rằng giác ngộ không phải "được" một pháp nào, mà là sự hiển lộ của chân tâm khi xa lìa hết mọi tướng.

Triết lý này hướng hành giả đến sự viên dung: thấy tất cả pháp đều không thật, không sinh diệt, không tự tánh, từ đó nhận ra Phật pháp trong mọi khía cạnh của đời sống mà không dính mắc. Đây là lời dạy sâu xa: ly nhất thiết tướng để đạt tâm tự tại, sống trí tuệ và từ bi giữa đời, hiểu rằng mọi hiện tượng đều là biểu hiện của tánh không, không cần nắm giữ hay phân biệt.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách sống vượt ngoài mọi hình tướng. Khi đối diện thành công hay thất bại, ta không trụ vào "được" hay "mất", quán chiếu mọi sự như bóng nước, không thật để bám víu. Trong giao tiếp, ta không phân biệt "ta" hay "người", thấy mọi lời nói như duyên hợp, để tâm nhẹ nhàng trước thị phi. Khi tu tập, ta không tìm "pháp để đạt", chỉ để tâm an nhiên như hư không, không dính mắc khái niệm. Sống giữa xã hội, ta thực hành từ bi mà không thấy "pháp của ta", nhận mọi thứ là Phật pháp, biến mỗi ngày thành cơ hội sống vô ngã, giữ tâm tự tại giữa dòng đời, để trí tuệ hiển lộ qua sự buông bỏ mọi tướng.

Lược giải:

Đức Phật dạy tất cả pháp đều là Phật pháp, nhưng chẳng phải pháp cố định, vì tánh không ly hết mọi tướng trạng. Đây là ***"ly nhất thiết tướng":*** thấy pháp không thật, không trụ, đạt tâm tự tại bằng trí tuệ tối thượng, nhận chân lý viên dung trong đời sống hàng ngày.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ ý này một cách sâu sắc. Theo ngài Tông Khách Ba thì: "一切法都是無自性"[79] – ***"Tất cả pháp đều vô tự tính".*** Theo lời Phật dạy, chúng ta không chỉ đơn giản phủ nhận tự tính của các pháp mà còn phủ nhận sự tồn tại của một "căn bản" hay "tự thể" mà mọi pháp đều dựa vào, sự phủ nhận này khẳng định tính vô tự tính của các pháp trong các phạm trù uẩn, xứ, giới, tức là trong những phạm vi của sắc, thọ, tưởng, hành, thức. – tất cả pháp không tự tánh, lìa hết mọi tướng, phá chấp vào pháp tướng và chỉ ra tánh không là chân lý tuyệt đối. Ngài Tăng Triệu lý giải: "諸法無定相"[80] – ***các pháp không có tướng cố định***, nhấn mạnh sự viên dung của Phật pháp. Ngài Trí Húc bổ sung "離相即佛法"[81] – ***lìa tướng tức Phật pháp***, rằng ly tướng là con đường tự tại. Thiền sư D.T. Suzuki tuyên bố: ***"All***

---

79 Ngài Tông Khách Ba (Tsongkhapa), Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Quảng Luận, quyển 18

80 Ngài Tăng Triệu, Triệu Luận.

81 Ngài Trí Húc, Kim Cương Kinh Thuyết Nghĩa.

forms are Buddha's teachings"[82] – ***mọi hình tướng là giáo pháp của Phật*** – kết nối tánh không với thực tại đời thường, những điều mà ta tưởng chừng như bình thường, nhưng chúng đều có thể bộc lộ bản chất của sự "giác ngộ" là những giáo pháp do Đức Phật khai thị.

Đoạn 15: Xứng Tán Công Đức

Kinh văn:

> **"Tu-Bồ-Đề! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nào trong ngày chia thân làm ba phần, dùng vô lượng tam thiên đại thiên thế giới bảy báu để bố thí; lại có người nghe kinh này, tin chẳng chê bai, lại vì người khác diễn nói, phước đức người này hơn người kia. Tại sao? Vì tất cả chư Phật và pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật đều từ kinh này mà sinh ra. Tu-Bồ-Đề! Nói là Phật pháp, tức chẳng phải Phật pháp."**

---

82 D.T. Suzuki, Essays in Zen Buddhism.

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này xứng tán công đức của kinh Kim Cương: phước từ bố thí bảy báu tuy lớn, nhưng không sánh bằng công đức nghe, tin và diễn nói kinh này, vì kinh là nguồn sinh ra chư Phật và Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đức Phật nhấn mạnh – *"Phật pháp tức chẳng phải Phật pháp"* – để phá chấp vào pháp tướng, khẳng định tánh không là cốt lõi: kinh không phải là pháp có thể tính bất định có khả năng nắm giữ, mà chính là phương tiện khai ngộ, dẫn hành giả từ vô minh chấp ngã đến trực ngộ chân tâm vô ngã. Triết lý này tuyên dương công đức truyền bá chánh pháp: không chỉ bố thí vật chất, mà phát huy trí tuệ và từ bi mới là phước vô lượng. Đây là lời kêu gọi sống theo kinh, thấy mọi pháp không thật, để công đức hòa vào tánh không, sinh ra giác ngộ chân thật.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống, ta học cách lan tỏa trí tuệ hơn là chỉ bố thí vật chất. Khi giúp ai đó, ta không chỉ cho tiền bạc mà chia sẻ hiểu biết – như khuyên nhủ bạn bè sống tích cực – để

gặt hái phước đức thù thắng hơn. Trong công việc, ta không chỉ làm tốt mà còn hướng dẫn người khác, thấy mọi sự đều tương tác, tương sinh và vô thường vô ngã. Khi học Phật pháp, ta không giữ cho riêng mình, mà chia xẻ kiến giải và kinh nghiệm hành trì cho người khác. Sống giữa xã hội, ta truyền bá chánh pháp bằng hành động và lời nói, giữ tâm tự tại, biến mỗi cơ hội thành công đức vô ngã, tuyên xưng trí tuệ vượt ngoài hình tướng.

Lược giải:

Đức Phật dạy phước đức từ bố thí bảy báu chẳng bằng nghe, tin và diễn nói kinh này, vì kinh này sinh ra chư Phật và giác ngộ. Phật pháp tức chẳng phải Phật pháp, vì tất cả mọi pháp đều là tánh không. Đây là xứng tán công đức: truyền bá trí tuệ vượt ngoài phước đức hữu vi, đạt tâm tự tại qua vô ngã.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ công đức kinh này một cách sâu sắc. Tổ Long Thọ khẳng định "切諸法之自性，於諸因緣中，或於因緣和合，或於隨一一法上，悉皆非

有，故說一切諸法自性都空”[83] – ***Tự tính của tất cả các pháp, trong các nhân duyên, hoặc là trong sự hòa hợp của nhân duyên, hoặc là trên từng pháp, đều không có, vì vậy nói rằng tự tính của tất cả các pháp đều là không.”*** Mọi pháp đều không có tự tính, không phải là những thực thể độc lập, mà chỉ là sự kết hợp của các nhân duyên. Vì không có bản chất cố định hay tự hữu, nên tất cả các pháp đều là **không** (śūnyatā), hay còn gọi là **tính không**.

“Ý nghĩa về không là như nhau. Các pháp hữu vi do tính không mà thành, vì vậy ta nói các pháp có tính không. Chỉ có một tên gọi là tính, vì tất cả các pháp đều không có tự tính. Các pháp được hình thành bởi tính, nhưng tính vốn không có tên, và tên chỉ được gán khi tính tùy thuộc vào các pháp. Do đó, các pháp đều có tính không để thể hiện bản tính của mình.” – tất cả chư Phật đều dựa vào Bát-nhã Ba-la-mật-đa mà đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhấn mạnh kinh này là nguồn giác ngộ. Ngài Trí

83 Tổ Long Thọ, Thất Thập Không Tánh Luận.

Khải lý giải "聞經即解空" – ***nghe kinh tức hiểu tánh không***, rằng kinh dẫn đến trí tuệ vô ngã. Ngài Hám Sơn bổ sung "演說即真福" – ***diễn nói là chân phước***, tôn vinh công đức truyền pháp. Edward Conze diễn giải ***"This sūtra births enlightenment"***[4] – ***kinh này sinh ra giác ngộ***, kết nối tánh không với phước vô lượng. Ngài Thái Hư nhấn mạnh "空即大智"[84] – ***không tức đại trí***, khẳng định trí tuệ từ kinh vượt ngoài phước hữu vi. Tổ Long Thọ khẳng quyết: "菩薩深入空故。知空亦空。涅槃亦空。故無所證。以證不證法。不可得故"[85]. ***"Bồ Tát thâm nhập tính không, biết tính không cũng là không tính. Niết-bàn cũng là không tính. Do đó không có gì để chứng ngộ, vì pháp chứng ngộ và không chứng ngộ đều không thể đạt được".***

Khi nói về **tính không** (śūnyatā) và **Bát-nhã** (Prajñāpāramitā), đặc biệt là sự nhận thức rằng không có gì có bản chất tự hữu (tự tính) để có thể đạt được hay chứng ngộ. Ngay cả Niết-bàn, trí tuệ toàn giác, hay các pháp

84 Ngài Thái Hư, Kinh Kim Cang Giảng Lục.
85 Tổ Long Thọ, Đại Trí Độ Luận

như uẩn, xứ, giới đều là không. Khi đạt đến sự chứng ngộ này, mọi sự phân biệt về người, pháp, trí tuệ và cảnh giới đều không còn, giống như một đám lửa thiêu đốt mọi thứ mà không phân biệt, tất cả đều hòa vào chân như.

Đoạn 16: Thiện Tú Tín Thọ

Kinh văn:

> **"Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Nếu có người đối với kinh này, thọ trì bốn câu kệ, vì người khác mà nói, phước đức ấy hơn phước đức dùng bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới để bố thí. Tại sao? Tu-Bồ-Đề! Tất cả chư Phật và pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật đều từ kinh này mà ra. Tu-Bồ-Đề! Nói là Phật pháp, tức chẳng phải Phật pháp, nên gọi là Phật pháp."**

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này tiếp tục tán thán công đức thọ trì và truyền bá kinh Kim Cương: phước đức từ việc thọ trì bốn câu kệ và diễn nói vượt xa

phước đức bố thí bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới, vì kinh là nguồn sinh ra chư Phật và giác ngộ. Đức Phật nhấn mạnh *"Phật pháp tức chẳng phải Phật pháp"* để phá chấp vào pháp tướng, khẳng định tánh không: kinh không phải là pháp cố định để nắm giữ, mà là phương tiện để khai ngộ, dẫn hành giả đến chân tâm vô ngã. Triết lý này tán dương thiện tâm tín thọ: nghe, tin, giữ và hoằng truyền kinh Kim Cương bằng tâm thanh tịnh, không trụ vào hình tướng, để công đức hòa vào tánh không, trở thành vô lượng. Đây là lời kêu gọi sống đúng chánh pháp, hiển lộ tinh thần không chấp thỉ từ sự tín thọ chân thật.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hàng ngày, ta học cách trân trọng và lan tỏa trí tuệ hơn vật chất. Khi đọc kinh, ta không chỉ giữ cho mình mà chia sẻ – như giải thích một câu kệ cho bạn bè, ứng hợp với Kiến hoà Đồng giải – để phước đức vượt xa hơn việc bố thí vật chất. Sống giữa xã hội, ta tín thọ kinh bằng hành động, giữ tâm trong sạch, biến mỗi hành vi và lời nói thành chánh nghiệp và chánh ngữ để

công đức hiển lộ qua trí tuệ và sự vô ngã tự tại giữa dòng đời.

Lược giải:

Phật dạy thọ trì bốn câu kệ và diễn nói có phước hơn bố thí bảy báu, vì kinh sinh ra chư Phật và giác ngộ. Phật pháp tức chẳng phải Phật pháp, là tánh không. Đây là chánh tín chánh thọ: tin, giữ, truyền kinh bằng tâm vô ngã, đạt công đức vô lượng qua trí tuệ.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ công đức tín thọ một cách sâu sắc. Tổ Long Thọ khẳng định "依般若波羅蜜多，得無上菩提"[86] – ***dựa vào Bát-nhã Ba-la-mật-đa mà đắc vô thượng Bồ-đề***, nhấn mạnh kinh này là nguồn giác ngộ. Ngài Huệ Năng lý giải "念念無住，生清淨心"[87] – ***niệm niệm không trụ, sinh tâm thanh tịnh***, rằng tín thọ kinh là con đường vô ngã. T.R.V. Murti diễn giải ***"The sūtra's merit is boundless"***[88] – ***công***

86 Tổ Long Thọ, Đại Trí Độ Luận.
87 Ngài Huệ Năng, Lục Tổ Đàn Kinh.
88 T.R.V. Murti, Central Philosophy of Buddhism.

đức kinh này vô lượng, kết nối tánh không với phước vượt hữu vi.

Đoạn 17: Ly Tướng Tịch Diệt

Kinh văn:

> **"Đức Phật bảo Tu-Bồ-Đề: Chẳng nên nói thế! Vào đời vị lai, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào đối với kinh này thọ trì, đọc tụng thì người ấy chẳng bị rơi vào ác đạo, chẳng bị thiêu đốt, chẳng bị nước cuốn trôi, chẳng bị các thứ độc hại. Tại sao? Kinh này chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể lường, chẳng thể cân, chẳng thể đo."**

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này khai triển ý ***"ly tướng tịch diệt"***: người thọ trì, đọc tụng kinh Kim Cương được bảo hộ khỏi ác đạo và khổ đau, không phải vì kinh là vật hữu hình để dựa vào, mà vì sức mạnh của tánh không và trí tuệ Bát-nhã vượt ngoài nghĩ bàn. Đức Phật nhấn mạnh kinh chẳng thể lường, chẳng thể đo, vì nó không phải pháp cố định, mà là

chân lý vô vi, ly hết mọi tướng, dẫn hành giả đến tịch diệt – trạng thái an lạc vượt ngoài sinh tử. Triết lý này phá chấp vào hình tướng hữu vi, khẳng định rằng công đức kinh nằm ở sự quán chiếu: thấy mọi pháp không thật, buông bỏ vọng niệm, để tâm tự tại giữa đời. Đây là lời dạy sâu xa: sống theo chánh pháp, ly tướng để đạt tịch diệt, hiển lộ trí tuệ và từ bi từ chân tâm bất biến.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách sống vượt ngoài khổ đau bằng trí tuệ. Khi đối diện khó khăn – như bệnh tật hay thất bại – ta thọ trì kinh bằng cách quán chiếu mọi sự như mộng huyễn, không thật để sợ hãi, giữ tâm an lạc. Trong giao tiếp, ta không bám vào tranh cãi, thấy mọi lời như gió thoảng, để tâm nhẹ nhàng trước ác ý. Khi tu tập, ta đọc tụng kinh không cầu hình thức, mà dùng trí tuệ để ly tướng, sống tự tại giữa dòng đời. Sống giữa xã hội, ta tránh ác đạo bằng lòng từ, thực hành chánh pháp để tâm tịch diệt, biến mỗi ngày thành cơ hội vượt thoát khổ đau, đạt an lạc vô ngã.

Lược giải:

Phật dạy người thọ trì, đọc tụng kinh này chẳng rơi vào ác đạo, vì kinh chẳng thể nghĩ bàn, là tánh không. Đây là ***"ly tướng tịch diệt":*** ly hết mọi tướng, đạt tâm an lạc vượt ngoài khổ đau, hiển lộ trí tuệ và từ bi chân thật.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ ý này một cách sâu sắc. Tổ Long Thọ khẳng định "般若波羅蜜多，能離一切苦"[89] – ***Bát-nhã Ba-la-mật-đa có thể lìa hết mọi khổ***, nhấn mạnh trí tuệ kinh này bảo hộ hành giả. Ngài Trí Khải lý giải "離相即寂滅"[90] – ***lìa tướng tức tịch diệt***, rằng ly tướng dẫn đến an lạc vượt sinh tử. Ngài Hám Sơn bổ sung "無念即無苦"[91] – ***không niệm tức không khổ***, khẳng định tâm vô ngã là nguồn bảo hộ. T.R.V. Murti diễn giải ***"Emptiness ends suffering"***[92] – ***tánh không chấm dứt khổ đau***, kết nối trí tuệ với

89 Tổ Long Thọ, Đại Trí Độ Luận.
90 Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.
91 Ngài Hám Sơn, Kim Cương Quyết Nghi.
92 T.R.V. Murti, Central Philosophy of Buddhism.

tịch diệt. Ngài Tăng Triệu nhấn mạnh "真法不可量"[93] – ***chân pháp chẳng thể lường***, tôn vinh sức mạnh vô vi của kinh.

Từ đoạn 14 đến đoạn 17 là nói về Công đức vô lượng và từ bi vô ngã. Đức Phật dạy: "如是滅度無量衆生，而實無衆生得滅度者"[94] ***(Như thị diệt độ vô lượng chúng sanh, nhi thật vô chúng sanh đắc diệt độ giả – Độ vô lượng chúng sanh, mà thật không chúng sanh nào được độ)***. Đây là tinh yếu của hạnh Bồ Tát trong ánh sáng Bát Nhã: hành đạo từ bi rộng lớn mà không khởi chấp vào người độ hay kẻ được độ. Câu kinh không phải phủ nhận thực tiễn hóa độ, mà hiển lộ chiều sâu trí tuệ: mọi pháp vốn vô ngã, chúng sanh chỉ là danh giả do duyên sinh, không có thực thể cố định. Bồ Tát thấy rõ điều này nên hành từ bi mà không trụ vào công đức, không bám vào kết quả, không tạo thêm cái "ngã" mới từ hành động thiện. Tâm từ bi ấy như suối mát giữa hạ nồng, chảy mà không trụ,

---

93 Ngài Tăng Triệu, Triệu Luận.

94 Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh, bản dịch Cưu Ma La Thập.

ban vui cứu khổ mà không khởi niệm "ta là người làm". Đây là sự hợp nhất giữa trí tuệ và từ bi – một bên phá chấp ngã pháp, một bên thấm nhuần thương yêu vô điều kiện – như gươm kim cương vừa sắc bén, vừa sáng chói. Trong tinh thần ấy, "độ vô lượng chúng sanh mà không thấy có chúng sanh được độ" chính là biểu hiện sống động của chân tâm bình đẳng – từ bi không nhị nguyên, không phân biệt, không chấp thủ.

Trong đời sống hằng ngày, hạnh này có thể được ứng dụng sâu sắc. Khi giúp đỡ người khác – như hỗ trợ đồng nghiệp, làm việc thiện nguyện, dạy dỗ con cái – ta không bám chặt vào vai trò hay danh xưng "người tốt", không mong cầu lời khen hay báo đáp. Hành động ấy phát xuất tự nhiên từ tâm rỗng rang, như gió thổi qua đồng, như mưa rơi không chọn chỗ. Trong một xã hội đầy bất công và phân hóa, từ bi vô ngã trở thành nguồn năng lượng bền bỉ – ta hành động không vì bản ngã mà vì khổ đau của tất cả, không thấy "ta cứu", "người được cứu", chỉ thấy duyên khởi của khổ, và hóa giải. Công đức ấy không đếm

được bằng số việc làm hay thành quả, mà chính từ nơi tâm không chấp, không trụ – đó là "chân công đức", là "vô lượng công đức" của một tâm không biên giới. Tư tưởng này được xiển dương bởi nhiều vị đại sư trong lịch sử Phật giáo Đại thừa. Tăng Triệu viết: "慈悲無我，如水流不駐"[95] ***(Từ bi vô ngã, như nước chảy không trụ)***, nhấn mạnh bản chất từ bi chân thật là vô ngã, không bám. Tổ Trí Khải cũng khẳng định: "度衆無我，乃真功德"[96] ***(Độ chúng vô ngã, nãi chân công đức – Độ chúng không ngã, đó là công đức chân thật)***. Tông Mật, tổ sư Thiền Tông, nói: "無我度生，功德無量"[97] ***(Vô ngã độ sanh, công đức vô lượng)*** – công đức lớn không đến từ hành vi, mà từ trạng thái tâm không ngã trong hành vi. Trí Húc, một cao ong cận đại, lại khai thị: "度生無我，功德如空"[98] ***(Độ sanh vô ngã, công đức như***

---

95 Tăng Triệu, Triệu Luận, thiên "Bát Nhã Vô Tri Luận."
96 Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ, đời Tùy.
97 Tông Mật, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ Luận Toản Yếu.
98 Trí Húc, Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh Phá Không Luận.

không) – công đức từ bi, khi vô ngã, sẽ trở nên vô lượng như hư không, bao dung tất cả mà không trụ vào đâu.

Tóm lại, câu kinh ***"Diệt độ vô lượng chúng sanh, mà thật không chúng sanh nào được độ"*** không phải nghịch lý, mà là minh triết của Bát Nhã. Từ bi chân thật luôn đi cùng với vô ngã, và chính nơi vô ngã ấy, công đức trở nên vô lượng – như hư không không bờ mé, như ánh sáng không giới hạn, chiếu soi khắp mười phương.

Đoạn 18: Nhất Thể Đồng Quán

Kinh văn:

> **"Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có nhục nhãn không? – Thưa có, bạch Thế Tôn! Như Lai có nhục nhãn. – Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có thiên nhãn không? – Thưa có, bạch Thế Tôn! Như Lai có thiên nhãn. – Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có tuệ nhãn không? – Thưa có, bạch Thế Tôn! Như Lai có tuệ nhãn. – Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế**

nào? Như Lai có pháp nhãn không? – Thưa có, bạch Thế Tôn! Như Lai có pháp nhãn. – Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có Phật nhãn không? – Thưa có, bạch Thế Tôn! Như Lai có Phật nhãn."

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này khai triển ý ***"nhất thể đồng quán"***: Như Lai sở hữu năm loại nhãn – nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn – nhưng không trụ vào bất kỳ nhãn nào, vì tất cả đều là biểu hiện của tánh không, không phân biệt, không nhị nguyên. Hỏi đáp giữa Phật và Tu-Bồ-Đề nhấn mạnh rằng năm nhãn tuy có sai biệt về công năng (nhìn thân vật lý, cõi trời, trí tuệ, pháp lý, và toàn giác), nhưng đều đồng một thể trong chân tâm Như Lai – pháp thân vô tướng. Triết lý này phá chấp vào sự phân biệt giữa các nhãn, khẳng định rằng trí tuệ chân thật thấy tất cả pháp như nhất thể, không có "ta" hay "người" để quán, không có đối tượng để thấy. Đây là lời dạy sâu xa: sống giữa đời, dùng năm nhãn

quán chiếu mà không dính mắc, để từ bi và trí tuệ hiển lộ tự tại, đồng quán mọi pháp trong tánh không bất biến.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách nhìn đời bằng nhiều góc độ mà không bám víu. Khi giao tiếp, ta dùng "nhục nhãn" thấy hành động, "tuệ nhãn" hiểu tâm ý, nhưng không trụ vào "đúng" hay "sai", quán mọi sự như duyên hợp để giữ tâm an. Trong công việc, ta dùng "thiên nhãn" nhìn xa, "pháp nhãn" phân tích, mà không dính mắc thành quả, thấy tất cả như mộng huyễn. Khi tu tập, ta dùng "Phật nhãn" quán chiếu chân tâm, không phân biệt "ta" hay "người", để trí tuệ tự nhiên hiển lộ. Sống giữa xã hội, ta đồng quán mọi pháp – khổ vui, thiện ác – bằng lòng từ, giữ tâm tự tại, biến mỗi cái nhìn thành biểu hiện của tánh không, sống vô ngã giữa dòng đời.

Lược giải:

Phật dạy Như Lai có năm nhãn – nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn – nhưng không trụ vào tướng nào. Đây

là "nhất thể đồng quán": thấy mọi pháp bằng trí tuệ tánh không, không phân biệt, đạt tâm tự tại, hiển lộ từ bi và chân lý viên dung.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ ý này một cách sâu sắc. Tổ Long Thọ khẳng định "一切法無分別，智眼見真如"[99] – ***tất cả pháp không phân biệt, trí nhãn thấy chân như***, nhấn mạnh nhất thể trong tánh không. Ngài Trí Khải lý giải "五眼同源"[100] – ***năm nhãn cùng nguồn***, rằng mọi nhãn đều từ chân tâm vô tướng. Edward Conze diễn giải ***"The five eyes see one reality"***[101] – ***năm nhãn thấy một thực tại***, kết nối trí tuệ với sự đồng quán. Ngài Hám Sơn bổ sung "離相即全覺"[102] – ***lìa tướng tức toàn giác***, khẳng định Phật nhãn vượt ngoài phân biệt.

---

99 Tổ Long Thọ, Đại Trí Độ Luận.

100 Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.

101 Edward Conze, Buddhism: Its Essence and Development.

102 Ngài Hám Sơn, Kim Cương Quyết Nghi.

Đoạn 19: Nhất Thể Đồng Quán

Kinh văn:

> **"Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Nếu Như Lai nói ta có nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn; Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Người ấy có hiểu nghĩa ta nói không? Tu-Bồ-Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Người ấy chẳng hiểu nghĩa Như Lai nói. Tại sao? Vì Như Lai nói nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn tức chẳng phải nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn, nên gọi là nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn."**

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này tiếp nối ý ***"nhất thể đồng quán":*** năm nhãn của Như Lai – nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn – không phải thực thể cố định để phân biệt hay sở hữu, mà là biểu hiện của tánh không, đồng một thể trong pháp thân vô tướng. Đức

Phật nhấn mạnh nghịch lý – *"nhục nhãn tức chẳng phải nhục nhãn"* – để phá chấp vào năm nhãn như pháp hữu vi, khẳng định rằng người hiểu sai qua khái niệm cố định là chưa thấy chân lý. Triết lý này hướng hành giả đến sự viên dung: năm nhãn tuy có công năng khác nhau, nhưng đều là chân tâm Như Lai, không lệ thuộc hình tướng, không phân biệt "ta" hay "người". Đây là lời khai thị sâu xa: quán mọi pháp bằng trí tuệ vô ngã, ly hết mọi tướng để đồng quán, đạt tâm tự tại giữa đời, hiển lộ từ bi và chân lý bất biến.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách nhìn đời mà không phân biệt. Khi đối diện sự việc – như thành công hay khó khăn – ta dùng "tuệ nhãn" hiểu lý, "Phật nhãn" thấy bản chất, mà không trụ vào "ta thấy", quán mọi sự như duyên hợp để giữ tâm an. Trong giao tiếp, ta không bám vào "mắt ta đúng", thấy mọi góc nhìn như mây trôi, để lòng từ tự nhiên lan tỏa. Khi tu tập, ta không tìm "nhãn để đạt", để tâm an nhiên như hư không, vượt ngoài khái niệm phân biệt. Sống giữa xã hội,

ta đồng quán mọi pháp – thiện ác, khổ vui – bằng trí tuệ, thực hành vô ngã để sống tự tại, biến mỗi cái nhìn thành biểu hiện của tánh không và từ bi viên dung.

Lược giải:

Phật dạy năm nhãn – nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn – tức chẳng phải năm nhãn, vì tánh không ly tướng. Người hiểu sai là chưa thấy chân lý. Đây là "nhất thể đồng quán": thấy mọi pháp bằng trí tuệ vô ngã, đạt tâm tự tại, hiển lộ chân tâm bất biến.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ ý này một cách sâu sắc. Tổ Long Thọ khẳng định "一切法無分別，無眼可得"[103] – ***tất cả pháp không phân biệt, không có nhãn để*** đắc, phá chấp vào năm nhãn hữu vi. Ngài Huệ Năng lý giải "心無分別，即是真見"[104] – ***tâm không phân biệt tức là chân thấy***, nhấn mạnh nhất thể trong chân tâm. Ngài Trí Khải bổ sung

103 Tổ Long Thọ, Trung Luận

104 Ngài Huệ Năng, Lục Tổ Đàn Kinh.

"五眼一如"[105] – ***năm nhãn nhất như***, rằng mọi nhãn đồng một thể tánh không. Ngài Tăng Triệu diễn giải "真智無相"[106] – ***chân trí vô tướng***, khẳng định trí tuệ vượt ngoài nhãn tướng. T.R.V. Murti nhấn mạnh ***"All distinctions are void"***[107] – ***mọi phân biệt đều không***, kết nối tánh không với sự đồng quán.

Đoạn 20: Thật Tướng Vô Tướng

Kinh văn:

> **"Đức Phật bảo Tu-Bồ-Đề: Ý ông thế nào? Nếu có người nói: Phật nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến; Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Người ấy có hiểu nghĩa ta nói không? Tu-Bồ-Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Người ấy chẳng hiểu nghĩa Như Lai nói. Đức Phật bảo: Tu-Bồ-Đề! Hết thảy các pháp đều là thật tướng vô tướng."**

105 Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.
106 Ngài Tăng Triệu, Triệu Luận.
107 T.R.V. Murti, Central Philosophy of Buddhism.

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này khai triển ý ***"thật tướng vô tướng":*** mọi pháp đều là thật tướng – bản chất chân thật – nhưng vô tướng, không có tự tánh cố định để thấy "ngã", "nhân", "chúng sinh", "thọ giả". Đức Phật khẳng định người hiểu sai pháp qua bốn kiến (ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến) là chưa thấy tánh không, vì thật tướng vượt ngoài mọi khái niệm nhị nguyên. Triết lý này phá chấp vào các kiến cố định, hướng hành giả đến trí tuệ Bát-nhã: thấy mọi pháp không thật, không sinh diệt, không phân biệt, để nhận ra chân tâm bất biến. Đây là lời dạy sâu xa: sống giữa đời, quán thật tướng vô tướng, buông bỏ vọng niệm về "ta" hay "người", đạt tâm tự tại qua từ bi và trí tuệ, hiển lộ sự viên dung của pháp thân Như Lai.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách sống vượt ngoài định kiến. Khi đối diện mâu thuẫn, ta không bám vào "tôi đúng, người sai", quán mọi ý kiến như duyên hợp, không

thật để tranh chấp, giữ tâm an. Trong công việc, ta không trụ vào "danh của ta", thấy mọi thành tựu như mộng huyễn, để lòng nhẹ nhàng trước áp lực. Khi tu tập, ta không tìm "ngã để giác", để tâm an nhiên như hư không, vượt ngoài khái niệm phân biệt. Sống giữa xã hội, ta dùng trí tuệ quán chiếu mọi pháp – thiện ác, khổ vui – đều vô tướng, thực hành từ bi mà không dính mắc, biến mỗi ngày thành biểu hiện của tánh không, sống tự tại giữa dòng đời.

Lược giải:

Phật dạy mọi pháp là thật tướng vô tướng, không có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Người hiểu sai là chưa thấy tánh không. Đây là "thật tướng vô tướng": quán pháp không thật, ly kiến để đạt tâm tự tại, hiển lộ trí tuệ và từ bi chân thật.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ ý này một cách sâu sắc. Tổ Long Thọ khẳng định "諸法實相無相，離一切分別心"[108] – ***thật tướng của***

108 Tổ Long Thọ, Trung Luận

các pháp là vô tướng, lìa hết tâm phân biệt, phá chấp vào bốn kiến và chỉ ra tánh không là chân lý. Ngài Trí Khải lý giải "實相即空"[109] – ***thật tướng tức không***, rằng thật tướng vượt ngoài hình tướng cố định. Ngài Hám Sơn bổ sung "無我即真見"[110] – ***không ngã tức chân thấy***, nhấn mạnh trí tuệ vô ngã là cốt lõi. Edward Conze diễn giải ***"The true nature of phenomena lies beyond all distinctions and forms"***[111] – ***bản chất chân thật của hiện tượng vượt ngoài mọi phân biệt và hình tướng***, kết nối tánh không với sự tự tại.

Đoạn 21: Thiện Hiện Quán Không

Kinh văn:

> **"Đức Phật bảo Tu-Bồ-Đề: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào, mỗi ngày sớm mai dùng số thân bằng số cát sông Hằng để bố thí; giữa ngày dùng số thân bằng số cát sông Hằng để bố thí; đến chiều dùng**

---

109 Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.

110 Ngài Hám Sơn, Kim Cương Quyết Nghi.

111 Edward Conze, Buddhism: Its Essence and Development.

số thân bằng số cát sông Hằng để bố thí; như thế trải qua số kiếp bằng số cát sông Hằng mà bố thí; lại có người nghe kinh này, tin mà chẳng chê bai, phước đức người ấy còn hơn người kia, huống là biên chép, thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói."

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này nhấn mạnh công đức quán không qua kinh Kim Cương: phước từ bố thí vô lượng thân trong vô số kiếp tuy lớn, nhưng không sánh bằng công đức nghe, tin, thọ trì, và truyền bá kinh này, vì kinh khai ngộ tánh không – thật tướng vô tướng. Đức Phật dùng hình ảnh "số cát sông Hằng" để so sánh phước hữu vi (bố thí thân) với phước vô vi (quán không), khẳng định rằng trí tuệ Bát-nhã vượt ngoài số lượng, dẫn hành giả đến chân tâm bất biến. Triết lý này phá chấp vào phước hữu hạn, tôn vinh thiện hiện quán không: thấy mọi pháp không thật, không trụ vào "ta" hay "người", để công đức hòa vào tánh không, trở thành vô lượng. Đây là lời

kêu gọi sống chánh pháp, dùng trí tuệ và từ bi vượt ngoài hình tướng, đạt tâm tự tại giữa đời qua sự tín thọ kinh này.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách trân trọng trí tuệ hơn vật chất. Khi làm việc thiện – như giúp đỡ người khó khăn – ta không chỉ cho đi mà chia sẻ kinh này, như khuyên ai đó quán chiếu khổ đau là không thật, để phước đức sâu hơn. Trong công việc, ta không đong đếm cống hiến, thấy mọi nỗ lực như duyên hợp, truyền cảm hứng bằng sự nhẹ nhàng vô ngã. Khi tu tập, ta thọ trì kinh bằng tâm trong sạch, không bám vào "tôi tu", để trí tuệ tự nhiên lan tỏa. Sống giữa xã hội, ta diễn nói chánh pháp bằng hành động, giữ tâm tự tại, biến mỗi ngày thành cơ hội quán không, đạt công đức vô lượng qua sự sống vô ngã.

Lược giải:

Phật dạy phước bố thí vô lượng thân chẳng bằng nghe, tin, thọ trì kinh này, vì kinh khai ngộ tánh không. Đây là ***"thiện hiện quán***

không": thấy pháp vô tướng, vượt phước hữu vi, đạt tâm tự tại bằng trí tuệ và từ bi vô ngã.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ ý này một cách sâu sắc. Tổ Long Thọ khẳng định "般若波羅蜜多，能破一切執"[112] – ***Bát-nhã Ba-la-mật-đa có thể phá hết mọi chấp***, nhấn mạnh kinh này dẫn đến tánh không vượt ngoài phước hữu vi. Ngài Trí Khải lý giải "聞經即見空"[113] – ***nghe kinh tức thấy không***, rằng tín thọ kinh khai ngộ trí tuệ vô ngã. Ngài Hám Sơn bổ sung "無相勝有相"[114] – ***vô tướng thắng hữu tướng***, tôn vinh phước vô lượng từ tâm quán không. D.T. Suzuki diễn giải ***"The Diamond Sūtra reveals the emptiness of all things, surpassing material offerings"***[115] – ***Kinh Kim Cương hiển lộ tánh không của mọi pháp, vượt qua bố thí vật chất***, kết nối trí tuệ với công đức bất biến.

---

112 Tổ Long Thọ, Đại Trí Độ Luận.
113 Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.
114 Ngài Hám Sơn, Kim Cương Quyết Nghi.
115 D.T. Suzuki, Essays in Zen Buddhism.

Đoạn 22: Công Đức Thắng Lợi

Kinh văn:

> **"Tu-Bồ-Đề! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nào thọ trì, đọc tụng kinh này, mà bị người khinh chê, người ấy do tội nghiệp đời trước đáng rơi vào ác đạo, nhờ đời này bị khinh chê mà tội nghiệp đời trước tiêu diệt, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."**

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này xứng tán công đức thắng lợi của kinh Kim Cương: người thọ trì, đọc tụng kinh dù bị khinh chê, lại chuyển tội nghiệp đời trước thành phước, đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì kinh khai ngộ tánh không – sức mạnh vượt ngoài hữu vi. Đức Phật dạy rằng sự khinh chê không phải khổ đau, mà là duyên lành tiêu trừ nghiệp chướng, bởi trí tuệ Bát-nhã phá chấp vào "ta" và "người", dẫn hành giả đến chân tâm bất biến. Triết lý này khẳng định công đức thắng lợi: quán mọi pháp như mộng huyễn, không thật, để nghịch

cảnh trở thành thuận duyên, hiển lộ tự tại giữa đời. Đây là lời khai thị sâu xa: sống chánh pháp, dùng tánh không chuyển hóa khổ đau, đạt giác ngộ qua từ bi và trí tuệ, vượt thoát mọi ràng buộc của nghiệp và tướng.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách biến nghịch cảnh thành cơ hội. Khi bị chê bai – như trong công việc hay xã hội – ta không sân hận, quán chiếu lời chê như gió thoảng, không thật để phiền lòng, giữ tâm an. Trong khó khăn, ta không thấy "tôi khổ", dùng kinh này để hiểu nghiệp là duyên sinh, chuyển hóa bằng lòng từ. Khi tu tập, ta thọ trì kinh mà không cầu danh, thấy mọi thử thách là phương tiện tiêu nghiệp, để tâm nhẹ nhàng. Sống giữa xã hội, ta thực hành trí tuệ và từ bi, biến khinh chê thành phước, đạt tự tại giữa dòng đời, để công đức thắng lợi hiển lộ qua sự vô ngã.

Lược giải:

Phật dạy người thọ trì kinh bị khinh chê lại tiêu nghiệp, đắc giác ngộ, vì kinh khai ngộ tánh không. Đây là ***"công đức thắng***

lợi": chuyển nghịch thành thuận, thấy pháp không thật, đạt tâm tự tại bằng trí tuệ vượt ngoài khổ đau.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ ý này một cách sâu sắc. Tổ Long Thọ khẳng định "一切業障，皆因執著而生"[116] – ***tất cả nghiệp chướng đều do chấp trước mà sinh***, phá chấp để chuyển nghiệp bằng tánh không. Ngài Trí Khải lý giải "聞經即滅罪"[117] – ***nghe kinh tức diệt tội***, rằng trí tuệ kinh này tiêu nghiệp chướng. Ngài Tăng Triệu bổ sung "無我即無業"[118] – ***không ngã tức không nghiệp***, nhấn mạnh vô ngã là nguồn thắng lợi. T.R.V. Murti diễn giải ***"The sūtra's power transforms obstacles into the path of ultimate liberation"***[119] – ***sức mạnh của kinh chuyển chướng ngại thành con đường giải thoát tối thượng***, kết nối tánh không với công đức bất biến.

---

116 Tổ Long Thọ, Trung Luận

117 Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.

118 Ngài Tăng Triệu, Triệu Luận.

119 R.V. Murti, Central Philosophy of Buddhism.

Đoạn 18 đến đoạn 22 là nói về Thực tại bất nhị. Trong Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh, Đức Phật khai thị: "一切法無我、無人、無衆生、無壽者"[120] ***(Nhất thiết pháp vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả – Mọi pháp không ngã, không người, không chúng sanh, không thọ mạng).*** Đây là sự phủ định rốt ráo của tất cả khái niệm chủ thể – khách thể trong nhận thức và hành động, là cái thấy bất nhị siêu việt phân biệt. "Ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả" là bốn tướng căn bản mà phàm phu chấp trước – từ đó sinh ra phân biệt, chấp ngã, khổ đau. Khi thấy rằng mọi pháp đều là duyên sinh, không thực thể tự có, thì những nhị nguyên như "ta/người", "nội/ngoại", "sinh/diệt", "tâm/cảnh" đều sụp đổ. Đó là tuệ giác phá chấp, không phải bằng suy luận mà bằng cái thấy trực tiếp như thật (yathābhūta-jñāna-darśana). Khi mọi khái niệm về "ta", "người khác", "chúng sinh", "đời sống" tan biến, thực tại hiện tiền là một dòng "pháp tánh bình đẳng" – như

120 Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh, bản Hán dịch Cưu Ma La Thập.

biển không phân biệt sóng, như trời không phân biệt mây. Bất nhị không có nghĩa là phủ nhận sai khác, mà là vượt lên sự cố chấp vào sai khác, thấy toàn thể là duyên khởi, là một vị: tánh Không.

Trong ứng dụng đời sống, bất nhị giúp ta hóa giải khổ đau do phân biệt và đối kháng. Khi cãi nhau, ta thường bám chặt vào đúng/sai, nhưng nếu thấy "ý kiến là duyên sinh", thì tranh cãi sẽ tan, còn lại sự lắng nghe chân thành. Trong mâu thuẫn chính trị, xã hội, nếu ta không trụ vào "phe ta/phe họ", mà chỉ thấy khổ đau là chung, thì hành động sẽ hướng về hàn gắn thay vì kết tội. Khi thiền, nếu còn chia "tôi đang thiền" và "cảnh đang động tĩnh", thì còn vọng tưởng – nhưng khi chỉ là sự biết không trụ, thì tâm và cảnh hòa tan, bất nhị tự hiện. Tất cả những thực hành này đều từ trí tuệ thấy rằng: "nhất thiết pháp bất nhị" – không hai, không phân biệt, không cố định, không nắm bắt được. Tư tưởng này được xiển dương rộng rãi bởi các bậc Tổ sư. Huệ

Năng dạy: "無我無人，真如自顯"[121] ***(Vô ngã vô nhân, chân như tự hiện – Không ta, không người, chân như tự hiện)***, nhấn mạnh rằng khi bỏ được ngã chấp và nhân chấp, thì chân tánh hiển lộ tự nhiên. Long Thọ, vị đại luận sư Trung Quán, viết: "無生無滅，無我無彼"[122] ***(Vô sinh vô diệt, vô ngã vô bỉ – Không sinh không diệt, không ta không người)***, cho thấy rằng các nhị nguyên chỉ là vọng tưởng – vượt lên chúng là thấy chân thật. Kiết Tạng, một vị luận sư đời Đường, nói: "一切法不二，平等真如"[123] ***(Nhất thiết pháp bất nhị, bình đẳng chân như – Mọi pháp không hai, bình đẳng chân như)***, giải rõ rằng bản tánh của mọi hiện tượng là một vị – không phân biệt. Nghĩa Tịnh, trong bản chú giải kinh Kim Cương, ghi: "無我無彼，法性一如"[124] ***(Vô ngã vô bỉ, pháp tánh nhất như – Không ta không người, pháp tánh***

---

121 Huệ Năng, Lục Tổ Đàn Kinh.

122 Long Thọ, Trung Quán Luận, phẩm "Quán Ngã".

123 Kiết Tạng, Kim Cương Bát Nhã Sớ.

124 Nghĩa Tịnh, Năng Đoạn Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh.

là một), nhấn mạnh rằng khi rũ bỏ mọi phân biệt, thì pháp giới là nhất như – đồng thể, không hai.

Như vậy, câu kinh ***"Nhất thiết pháp vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả"*** không chỉ là một tuyên bố triết lý, mà là chìa khóa mở cửa giải thoát. Phá bốn tướng không phải để phủ nhận hiện tượng giới, mà để thấy toàn thể là pháp giới duyên sinh – không ai đối với ai, không sinh diệt đối lập – chỉ có Như, chỉ có tánh Không, và nơi đó là tự do tuyệt đối.

Đoạn 23: Công Đức Tịnh Tâm

Kinh văn:

> **"Tu-Bồ-Đề! Ta nhớ thuở xưa, quá vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, trước Phật Nhiên Đăng, ta gặp tám mươi bốn ngàn ức na-do-tha chư Phật, ta đều cúng dường, phụng sự, không để luống qua. Nếu đời mạt pháp sau này, có người thọ trì, đọc tụng kinh này, thì phước đức họ được, so với phước đức ta cúng dường chư Phật**

thuở ấy, chẳng bằng trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn ức phần, chẳng thể dùng toán số thí dụ mà biết được."

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này xứng tán công đức tịnh tâm qua kinh Kim Cương: Đức Phật kể về phước cúng dường vô lượng chư Phật trong quá khứ, nhưng vẫn không sánh bằng công đức thọ trì, đọc tụng kinh này ở đời mạt pháp, vì kinh khai ngộ tánh không – tịnh tâm vô ngã vượt ngoài hữu vi. Số lượng "trăm ngàn vạn ức phần" nhấn mạnh phước vô lượng, không thể đo lường, bởi trí tuệ Bát-nhã thanh tịnh hóa tâm, phá chấp vào "ta" và "người", dẫn đến chân tâm bất biến. Triết lý này khẳng định công đức tịnh tâm: quán pháp không thật, chuyển phước hữu hạn thành phước vô hạn, để từ bi và trí tuệ hiển lộ tự tại giữa đời. Đây là lời dạy sâu xa: sống chánh pháp ở thời mạt, dùng tánh không tịnh hóa tâm, đạt giác ngộ vượt ngoài số lượng và thời gian.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách tịnh tâm hơn là tích lũy vật chất. Khi gặp khó khăn – như áp lực công việc – ta thọ trì kinh, quán chiếu mọi sự như mộng huyễn, không thật để phiền não, giữ tâm thanh tịnh. Trong giao tiếp, ta không bám vào tranh cãi, dùng lòng từ để hóa giải, thấy mọi lời như duyên hợp mà không dính mắc. Khi tu tập, ta đọc tụng kinh không cầu phước hữu hình, để tâm an như hư không, vượt ngoài danh lợi. Sống giữa xã hội, ta thực hành trí tuệ và từ bi, tịnh hóa tâm bằng tánh không, biến mỗi ngày thành phước vô lượng, đạt tự tại giữa dòng đời hỗn loạn.

Lược giải:

Phật dạy phước cúng dường chư Phật chẳng bằng thọ trì kinh này, vì kinh khai ngộ tánh không. Đây là ***"công đức tịnh tâm":*** quán pháp vô ngã, vượt phước hữu vi, đạt tâm tự tại bằng trí tuệ và từ bi vô lượng.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ ý này một cách sâu sắc. Tổ Long Thọ khẳng định "般若波

羅蜜多，能淨一切心”[125] – ***Bát-nhã Ba-la-mật-đa có thể tịnh hóa mọi tâm***, nhấn mạnh kinh này thanh tịnh tâm vượt ngoài phước hữu vi. Ngài Trí Khải lý giải “心淨即佛淨”[126] – ***tâm tịnh tức Phật tịnh***, rằng tịnh tâm là nguồn công đức vô lượng. Ngài Hám Sơn bổ sung “無我即大福”[127] – ***không ngã tức đại phước***, khẳng định phước từ tâm vô ngã vượt số lượng. Max Müller diễn giải ***“The purity of mind through this sūtra surpasses all offerings in countless eons”***[128] – ***sự thanh tịnh tâm qua kinh này vượt mọi cúng dường trong vô số kiếp***, kết nối tánh không với công đức bất biến. Ngài Tăng Triệu nhấn mạnh “真心無量”[129] – ***chân tâm vô lượng***, tôn vinh phước tịnh tâm vượt ngoài toán số.

Đoạn 24: Công Đức Tịnh Tâm

Kinh văn:

“Tu-Bồ-Đề! Nếu ta đem phước đức ấy nói đủ cho ông, thì có người nghe,

125 Tổ Long Thọ, Đại Trí Độ Luận.
126 Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.
127 Ngài Hám Sơn, Kim Cương Quyết Nghi.
128 Ngài Hám Sơn, Kim Cương Quyết Nghi.
129 Ngài Tăng Triệu, Triệu Luận.

tâm sẽ cuồng loạn, nghi ngờ chẳng tin. Tu-Bồ-Đề! Nên biết kinh này nghĩa chẳng thể nghĩ bàn, quả báo cũng chẳng thể nghĩ bàn."

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này tiếp nối ý ***"công đức tịnh tâm":*** công đức thọ trì kinh Kim Cương lớn đến mức không thể diễn đạt đầy đủ, vì nó vượt ngoài tư duy hữu hạn, dẫn đến quả báo giác ngộ bất khả tư nghì. Đức Phật cảnh báo tâm cuồng loạn, nghi ngờ là do chấp trước vào số lượng và hình tướng, trong khi kinh khai ngộ tánh không – thật tướng vô tướng không thể nghĩ bàn. Triết lý này khẳng định công đức tịnh tâm: quán pháp không thật, không trụ vào "ta" hay "phước", để trí tuệ và từ bi hòa vào tánh không, sinh quả báo vô lượng.

Đây là lời dạy sâu xa: sống chánh pháp giữa đời, dùng tánh không tịnh hóa tâm, vượt ngoài khái niệm hữu vi, đạt tự tại và giác ngộ bất khả tư nghì qua sự tín thọ kinh này.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách tin tưởng trí tuệ vượt ngoài suy nghĩ. Khi gặp khó hiểu – như nghi ngờ phước từ kinh – ta không bám vào "có thể đo được", quán mọi sự như mộng huyễn, giữ tâm an trước nghi hoặc. Trong công việc, ta không đong đếm công sức, thấy mọi điều như duyên hợp, để lòng nhẹ nhàng lan tỏa.

Khi tu tập, ta thọ trì kinh mà không cầu quả hữu hình, để tâm tịnh như hư không, vượt ngoài vọng tưởng.

Sống giữa xã hội, ta thực hành từ bi và trí tuệ, tin vào công đức bất khả tư nghì, biến mỗi ngày thành cơ hội tịnh tâm, đạt tự tại giữa dòng đời bằng sự vô ngã.

Lược giải:

Phật dạy công đức kinh này chẳng thể nghĩ bàn, quả báo cũng vậy, vượt ngoài tư duy. Đây là "công đức tịnh tâm": quán tánh không, tịnh hóa tâm, đạt phước và quả vô lượng bằng trí tuệ và từ bi vượt khái niệm.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ ý này một cách sâu sắc. Ngài Trí Khải lý giải "經義不可思議"[130] – ***nghĩa kinh chẳng thể nghĩ bàn***, rằng trí tuệ kinh vượt ngoài tư duy hữu hạn. Tổ Long Thọ khẳng định "一切法空，果報亦空，非思議所能及"[131] – ***tất cả pháp không, quả báo cũng không, chẳng phải tư nghị có thể tới***, nhấn mạnh tánh không là nguồn công đức bất khả tư nghì.

Ngài Hám Sơn bổ sung "心淨即果圓"[132] – ***tâm tịnh tức quả viên***, tôn vinh công đức từ tâm vô ngã. Max Müller diễn giải ***"The sūtra's merit transcends all human comprehension and defies worldly measurement"***[133] – ***công đức kinh này vượt ngoài sự hiểu biết của con người và đo lường thế gian***, kết nối tánh không với quả báo vô lượng.

---

130 Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.
131 Tổ Long Thọ, Trung Luận
132 Ngài Hám Sơn, Kim Cương Quyết Nghi.
133 Max Müller, Sacred Books of the East.

Đoạn 25: Thống Lý Đại Chúng

Kinh văn:

> **"Tu-Bồ-Đề! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào sớm mai giết số thân bằng số cát sông Hằng; giữa ngày giết số thân bằng số cát sông Hằng; đến chiều giết số thân bằng số cát sông Hằng; như thế trải qua vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp mà giết thân; lại có người nghe kinh này, chẳng chê bai, thì do nhân duyên ấy thoát tội sinh tử trong trăm ngàn vạn ức kiếp, huống là người biên chép, thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói."**

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này khai triển ý ***"thống lý đại chúng":*** công đức nghe, tin, thọ trì kinh Kim Cương vượt xa tội nghiệp giết hại vô lượng thân trong vô số kiếp, vì kinh khai ngộ tánh không – sức mạnh tịnh hóa tâm, thống lý mọi nghiệp chướng. Đức Phật dùng nghịch lý: kẻ

giết hại đáng chịu khổ đau vô tận, chỉ cần nghe kinh mà chẳng chê bai, đã thoát tội sinh tử, huống là truyền bá kinh này. Triết lý này phá chấp vào nghiệp hữu vi, khẳng định rằng trí tuệ Bát-nhã dẫn dắt đại chúng vượt ngoài sinh tử, không trụ vào "ta" hay "người", để công đức hòa vào tánh không, sinh quả báo giác ngộ. Đây là lời dạy sâu xa: sống giữa đời, dùng tánh không thống lý tâm, chuyển hóa tội nghiệp bằng từ bi và trí tuệ, đạt tự tại qua sự tín thọ kinh, dẫn mình và người đến giải thoát.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách chuyển hóa tội lỗi bằng trí tuệ. Khi mắc sai lầm – như nóng giận hay gây tổn thương – ta không tự dằn vặt, nghe kinh để quán chiếu nghiệp là duyên sinh, không thật, giữ tâm an lạc. Trong giao tiếp, ta không trách người khác, dùng lòng từ chia sẻ kinh này, hóa giải hận thù bằng sự nhẹ nhàng vô ngã. Khi tu tập, ta thọ trì kinh không cầu danh, thấy mọi tội như mộng huyễn, để tâm tịnh vượt sinh tử. Sống giữa xã hội, ta thống lý tâm mình và

người bằng chánh pháp, truyền trí tuệ để dẫn dắt, biến mỗi ngày thành cơ hội giải thoát, đạt công đức vô lượng qua tánh không.

Lược giải:

Phật dạy công đức nghe kinh vượt tội giết hại vô lượng kiếp, vì kinh khai ngộ tánh không. Đây là "thống lý đại chúng": quán pháp vô ngã, chuyển nghiệp bằng trí tuệ, đạt tâm tự tại, dẫn mình và người đến giải thoát.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ ý này một cách sâu sắc. Ngài Trí Khải lý giải "聞經即脫罪，生死盡解脫"[134] – ***nghe kinh tức thoát tội, sinh tử hết giải thoát***, rằng trí tuệ kinh hóa giải nghiệp chướng. Tổ Long Thọ khẳng định "一切法無我，業障隨空盡"[135] – ***tất cả pháp vô ngã, nghiệp chướng theo không mà hết***, nhấn mạnh tánh không thống lý sinh tử. Ngài Hám Sơn bổ sung "無相即無罪"[136]

---

134 Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.
135 Tổ Long Thọ, Trung Luận
136 Ngài Hám Sơn, Kim Cương Quyết Nghi.

– ***vô tướng tức vô tội***, tôn vinh công đức từ tâm quán không. Edward Conze diễn giải ***"The sūtra's wisdom liberates beings from the endless cycle of karmic suffering"***[137] – ***trí tuệ kinh giải thoát chúng sinh khỏi vòng luân hồi khổ đau vô tận***, kết nối tánh không với sự tự tại. Ngài Tăng Triệu nhấn mạnh "真智破業"[138] – ***chân trí phá nghiệp***, khẳng định trí tuệ kinh dẫn dắt đại chúng.

Đoạn 26: Ly Tướng Tịch Diệt

Kinh văn:

> **"Tu-Bồ-Đề! Vào đời mạt pháp sau này, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào thọ trì, đọc tụng kinh này, công đức ấy nhiều đến nỗi nếu ta nói đủ, hoặc có người nghe được, tâm sẽ cuồng loạn, hồ nghi chẳng tin. Tu-Bồ-Đề! Kinh này nghĩa chẳng thể nghĩ bàn, quả báo cũng chẳng thể nghĩ bàn."**

---

137 Edward Conze, Buddhism: Its Essence and Development.

138 Ngài Tăng Triệu, Triệu Luận.

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này tiếp nối ý "ly tướng tịch diệt": công đức thọ trì, đọc tụng kinh Kim Cương ở đời mạt pháp lớn đến mức vượt ngoài tư duy, không thể nói đủ, vì kinh khai ngộ tánh không – thật tướng vô tướng dẫn đến tịch diệt bất khả tư nghì. Đức Phật cảnh báo tâm cuồng loạn, hồ nghi là do chấp trước vào khái niệm hữu hạn, trong khi kinh vượt ngoài mọi tướng, thanh tịnh hóa tâm để đạt quả báo giác ngộ. Triết lý này khẳng định sức mạnh vô vi: quán pháp không thật, ly hết mọi tướng, để trí tuệ và từ bi hiển lộ tự tại giữa đời mạt pháp đầy hỗn loạn. Đây là lời dạy sâu xa: sống chánh pháp, dùng tánh không tịnh tâm, vượt ngoài nghi ngờ và số lượng, đạt tịch diệt chân thật qua sự tín thọ kinh, để công đức bất khả tư nghì sinh khởi từ tâm vô ngã.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách tin vượt ngoài nghi ngờ. Khi bị bối rối – như gặp lời khinh chê – ta thọ trì kinh, quán chiếu

mọi sự như mộng huyễn, không thật để dao động, giữ tâm an lạc. Trong giao tiếp, ta không tranh cãi đúng sai, thấy mọi lời như duyên hợp, để lòng từ tự nhiên hóa giải. Khi tu tập, ta đọc tụng kinh không cầu phước hữu hình, để tâm tịnh như hư không, vượt ngoài hồ nghi. Sống giữa xã hội hỗn độn, ta thực hành trí tuệ và từ bi, tin vào công đức kinh bất khả tư nghì, biến mỗi ngày thành cơ hội ly tướng, đạt tịch diệt giữa dòng đời bằng sự vô ngã.

Lược giải:

Phật dạy công đức thọ trì kinh ở đời mạt pháp chẳng thể nghĩ bàn, vượt ngoài tư duy. Đây là ***"ly tướng tịch diệt":*** quán tánh không, tịnh tâm vượt nghi, đạt quả vô lượng bằng trí tuệ và từ bi chân thật.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ ý này một cách sâu sắc. Ngài Trí Khải lý giải "經義深遠，非心所能測"[139] – ***nghĩa kinh sâu xa, chẳng phải tâm có thể đo***, rằng trí tuệ kinh vượt

---

139 Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.

ngoài tư nghị. Ngài Hám Sơn bổ sung "無相即無量"[140] – ***vô tướng tức vô lượng***, nhấn mạnh công đức từ tâm ly tướng. T.R.V. Murti diễn giải ***"The sūtra's profundity defies all attempts at rational comprehension, yielding immeasurable merit"***[141] – ***sự sâu xa của kinh vượt mọi cố gắng hiểu bằng lý trí, sinh công đức không thể đo lường***, kết nối tánh không với quả báo bất khả tư nghì. Tổ Long Thọ khẳng định "一切法空，果報亦不可思議"[142] – ***tất cả pháp không, quả báo cũng chẳng thể nghĩ bàn***, tôn vinh sức mạnh vô vi của kinh dẫn đến tịch diệt.

Đoạn 27: Thống Lý Đại Chúng

Kinh văn:

> **"Tu-Bồ-Đề! Vào đời mạt pháp sau này, nếu có người thọ trì kinh này, hoặc biên chép, hoặc vì người khác diễn nói, thì công đức người ấy, ta chẳng thể nói đủ. Tu-Bồ-Đề! Công**

---

140 Ngài Hám Sơn, Kim Cương Quyết Nghi.
141 T.R.V. Murti, Central Philosophy of Buddhism.
142 Tổ Long Thọ, Trung Luận

đức người ấy rất lớn, chẳng thể lường, chẳng thể đo, chẳng thể cân, chẳng thể nghĩ bàn."

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này tiếp nối ý ***"thống lý đại chúng":*** công đức thọ trì, biên chép, truyền bá kinh Kim Cương ở đời mạt pháp lớn đến mức không thể diễn đạt, vì kinh khai ngộ tánh không – sức mạnh thống lý tâm, dẫn dắt chúng sinh vượt ngoài sinh tử. Đức Phật nhấn mạnh công đức "chẳng thể lường, chẳng thể nghĩ bàn", vượt ngoài tư duy hữu hạn, bởi trí tuệ Bát-nhã tịnh hóa tâm, phá chấp vào "ta" và "người", sinh quả báo giác ngộ vô lượng.

Triết lý này khẳng định rằng người thực hành kinh này không chỉ tự giải thoát mà còn dẫn dắt đại chúng, dùng tánh không để chuyển hóa nghiệp, hiển lộ tự tại giữa đời. Đây là lời dạy sâu xa: sống chánh pháp, quán pháp không thật, để từ bi và trí tuệ thống lý tâm mình và người, đạt công đức bất khả tư nghì qua sự tín thọ kinh.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách lan tỏa trí tuệ để dẫn dắt. Khi gặp người khổ đau, ta không chỉ an ủi mà chia sẻ kinh này, như khuyên họ quán chiếu nghiệp là không thật, để tâm họ an lạc. Trong công việc, ta không chỉ làm tốt mà truyền cảm hứng, thấy mọi điều như duyên hợp, không bám danh lợi, dẫn người khác bằng lòng từ. Khi tu tập, ta thọ trì kinh không cầu phước hữu hình, để tâm tịnh như hư không, lan tỏa trí tuệ vô ngã. Sống giữa xã hội, ta thống lý tâm mình và người bằng chánh pháp, thực hành từ bi vượt ngoài số lượng, biến mỗi ngày thành cơ hội giải thoát, đạt tự tại giữa dòng đời qua sự sống vô ngã.

Lược giải:

Phật dạy công đức thọ trì, truyền kinh ở đời mạt pháp chẳng thể lường, vì kinh khai ngộ tánh không. Đây là "thống lý đại chúng": quán pháp vô ngã, dẫn mình và người vượt nghiệp, đạt tâm tự tại bằng trí tuệ bất khả tư nghì.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ ý này một cách sâu sắc. Ngài Trí Khải lý giải "經力無邊，能導眾生"[143] – ***sức kinh vô biên, có thể dẫn dắt chúng sinh***, rằng trí tuệ kinh thống lý tâm vượt ngoài số lượng. Ngài Hám Sơn bổ sung "無我即大導"[144] – ***không ngã tức đại dẫn***, nhấn mạnh công đức từ tâm vô ngã dẫn dắt đại chúng. Ngài Tăng Triệu diễn giải "真法無量，導心無盡"[145] – ***chân pháp vô lượng, dẫn tâm vô tận***, tôn vinh sức mạnh kinh bất khả tư nghì. Edward Conze nhấn mạnh ***"The sūtra's boundless virtue guides countless beings to the shore of liberation"***[146] – ***đức vô lượng của kinh dẫn vô số chúng sinh đến bờ giải thoát,*** kết nối tánh không với sự tự tại. Tổ Long Thọ khẳng định "般若波羅蜜多，能度一切眾"[147] – ***Bát-nhã Ba-la-mật-đa có thể độ hết mọi chúng***, phá chấp để dẫn dắt bằng trí tuệ.

---

143 Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.
144 Ngài Hám Sơn, Kim Cương Quyết Nghi.
145 Ngài Tăng Triệu, Triệu Luận.
146 Edward Conze, Buddhism: Its Essence and Development.
147 Tổ Long Thọ, Đại Trí Độ Luận.

Đoạn 23 đến đoạn 27 đại ý nói về Giáo pháp như mộng. Đức Phật dạy: "一切有爲法，如夢幻泡影，如露亦如電，應作如是觀"[148] ***(Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ưng tác như thị quán – Mọi pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt nước, như sương, như điện chớp, nên quán như vậy)***. Đây là pháp quán Bát Nhã rốt ráo, dạy hành giả thấy rõ bản chất của mọi hiện tượng hữu vi – tức những pháp có sinh, trụ, dị, diệt – đều là giả hợp, tạm bợ, không thực thể. Mộng là hình ảnh không thật trong giấc ngủ, huyễn là ảo thuật che mắt người, bào (bọt) là bong bóng trên mặt nước, ảnh là bóng không thực chất, lộ là giọt sương tan mau, điện là tia chớp thoáng qua – sáu hình ảnh đều diễn tả sự mong manh, không nắm bắt được của thế giới hiện tượng. Nhưng mục đích không phải để bi quan, mà là buông chấp, không trụ vào bất kỳ pháp nào, kể cả pháp thiện, pháp giác ngộ – vì chấp là nguồn gốc của khổ đau. ***"Ưng tác như thị quán"*** –

148 Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh, bản dịch Cưu Ma La Thập.

tức ***hãy quán chiếu sâu xa như vậy*** – chính là cánh cửa mở ra tánh Không, giải thoát và tự tại giữa đời.

Trong đời sống thực tiễn, pháp quán này là phương thuốc chữa trị bám víu và khổ đau. Khi thất bại, thay vì tự trách hay đau khổ, ta quán: "Như mộng – có gì thật để mất?" Khi bị chê bai, ta thấy: "Như điện chớp – câu nói ấy rồi cũng tan." Khi luyến tiếc tình cảm, danh lợi, thân xác – ta quán: "Bọt nước, sương sớm – giữ sao được?" Nhờ vậy mà tâm buông, trí sáng, sống an ổn trong vô thường. Đó không phải là trốn đời, mà là sống giữa đời với cái thấy vượt đời – như sen mọc từ bùn mà không dính bùn.

Chư Tổ các thời đều xiển dương tinh thần này. Tăng Triệu viết: "有爲皆幻，如夢中影"[149] ***(Hữu vi giai huyễn, như mộng trung ảnh – Mọi pháp hữu vi là huyễn, như bóng trong mộng).*** Ngài giải rằng: *"Chân lý không nằm trong cái biến đổi – mộng huyễn là gương soi bản tâm."*

---

149 Tăng Triệu, Triệu Luận.

Huệ Năng nói: "一切有爲，皆如夢幻"[150] ***(Nhất thiết hữu vi, giai như mộng huyễn – Mọi pháp hữu vi đều như mộng huyễn).*** Ngài nhấn mạnh: *"Buông mộng là giác – thấy huyễn là tự tại."* Trí Húc thì viết trong Kim Cương Bát Nhã Kinh Phá Không Luận: "有爲如夢，應觀無常"[151] ***(Hữu vi như mộng, ưng quán vô thường)***, giải rõ rằng: *"Trí tuệ bắt đầu từ cái thấy vô thường – không buông là còn mê."* Ngay cả thiền sư hiện đại như D.T. Suzuki cũng dẫn lời này trong Essays in Zen Buddhism: "**一切有爲法**，如夢幻泡影，應作如是觀乃解脫之門"[152] ***(Mọi pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt nước, nên quán như vậy là cửa giải thoát).*** Ông nói: *"Muốn tự do nội tâm, hãy thấy đời như huyễn – rồi không gì còn ong buộc được mình."*

Tóm lại, lời dạy này không chỉ là một hình ảnh thi vị, mà là bản đồ chỉ đường thoát

---

150 Huệ Năng, Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh Khẩu Quyết.

151 Trí Húc, Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh Phá Không Luận.

152 D.T. Suzuki, Essays in Zen Buddhism.

khổ: thấy rõ tánh Không của mọi pháp hữu vi, buông bỏ bám víu, sống an nhiên giữa đời biến dịch – đó là trí tuệ của kim cương, ong từ của Bồ Tát, tâm tự tại của chân như.

Đoạn 28: Nhất Thể Đồng Quán

Kinh văn:

> **"Tu-Bồ-Đề! Nếu có người mỗi ngày sớm mai dùng số thân bằng số cát sông Hằng để bố thí, giữa ngày dùng số thân bằng số cát sông Hằng để bố thí, đến chiều dùng số thân bằng số cát sông Hằng để bố thí, như thế trải qua vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp mà bố thí; lại có người đối với kinh này, dù chỉ bốn câu kệ, thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói, thì phước đức ấy hơn phước đức kia gấp trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn vạn ức lần, chẳng thể dùng toán số thí dụ mà biết được."**

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này tiếp nối ý ***"nhất thể đồng quán":*** công đức thọ trì, truyền bá bốn câu

kệ kinh Kim Cương vượt xa phước bố thí vô lượng thân trong vô số kiếp, vì kinh khai ngộ tánh không – thật tướng vô tướng đồng một thể trong chân tâm Như Lai. Đức Phật nhấn mạnh sự vượt trội "gấp trăm ngàn vạn ức lần", không thể đo lường, bởi trí tuệ Bát-nhã phá chấp vào số lượng hữu vi, dẫn hành giả đến pháp thân bất biến, không phân biệt "ta" hay "người". Triết lý này khẳng định rằng quán pháp bằng tánh không – dù chỉ bốn câu kệ – là công đức vô lượng, thống lý tâm mình và người, để từ bi và trí tuệ hiển lộ tự tại giữa đời. Đây là lời dạy sâu xa: sống chánh pháp, đồng quán mọi pháp như không, vượt ngoài phước hữu hạn, đạt giác ngộ bất khả tư nghì qua sự tín thọ kinh.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách trân trọng trí tuệ đơn giản mà sâu sắc. Khi giúp ai đó, ta không chỉ cho vật chất mà chia sẻ bốn câu kệ, như khuyên họ quán chiếu khổ đau là không thật, để phước vượt ngoài số lượng. Trong công việc, ta không đong đếm thành tích, truyền cảm hứng bằng sự nhẹ

nhàng vô ngã, thấy mọi điều như duyên hợp. Khi tu tập, ta thọ trì bốn câu kệ với tâm trong sạch, không cầu danh, để trí tuệ tự nhiên lan tỏa. Sống giữa xã hội, ta đồng quán mọi pháp bằng lòng từ, thực hành chánh pháp vượt ngoài hữu vi, biến mỗi ngày thành cơ hội tịnh tâm, đạt tự tại giữa dòng đời qua sự vô ngã.

Lược giải:

Phật dạy phước thọ trì bốn câu kệ vượt phước bố thí vô lượng kiếp, vì kinh khai ngộ tánh không. Đây là "nhất thể đồng quán": quán pháp vô tướng, đồng một thể, đạt phước vô lượng bằng trí tuệ và từ bi chân thật.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ ý này một cách sâu sắc. Ngài Trí Khải lý giải "四句通真如"[153] – ***bốn câu thông chân như***, rằng bốn kệ khai ngộ thật tướng vô tướng. Ngài Hám Sơn bổ sung "無我即大智"[154] – ***không ngã tức đại trí***, nhấn mạnh trí tuệ vô ngã vượt

153 Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.
154 Ngài Hám Sơn, Kim Cương Quyết Nghi.

phước hữu vi. D.T. Suzuki diễn giải ***"Even a single verse carries the infinite wisdom of emptiness beyond all measure"***[155] – ***dù chỉ một câu kệ cũng mang trí tuệ vô hạn của tánh không vượt ngoài đo lường***, kết nối tánh không với công đức bất khả tư nghì. Ngài Tăng Triệu nhấn mạnh "真心無分別"[156] – ***chân tâm không phân biệt***, khẳng định sự đồng quán trong chân lý kinh. Tổ Long Thọ khẳng định "一切法無相，般若度無邊"[157] – ***tất cả pháp vô tướng, Bát-nhã độ vô biên***, tôn vinh công đức kinh dẫn dắt vô lượng chúng sinh.

Đoạn 29: Thật Tướng Bình Đẳng

Kinh văn:

> **"Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Nếu có người dùng bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, người ấy do nhân duyên phước đức này được phước đức nhiều không? Tu-Bồ-Đề thưa: Rất nhiều, bạch Thế Tôn! Đức**

155 D.T. Suzuki, Essays in Zen Buddhism.
156 Ngài Tăng Triệu, Triệu Luận.
157 Tổ Long Thọ, Đại Trí Độ Luận.

Phật bảo: Tu-Bồ-Đề! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nào đối với kinh này, thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói, thì phước đức ấy hơn người kia gấp trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn vạn ức lần, chẳng thể dùng toán số thí dụ mà biết được."

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này khai triển ý ***"thật tướng bình đẳng":*** công đức thọ trì, truyền bá kinh Kim Cương vượt xa phước bố thí bảy báu đầy tam thiên đại thiên thế giới, vì kinh khai ngộ tánh không – thật tướng bình đẳng không phân biệt "ta" hay "người", "nhiều" hay "ít". Đức Phật dùng so sánh "gấp trăm ngàn vạn ức lần" để nhấn mạnh phước vô lượng, bất khả tư nghì, bởi trí tuệ Bát-nhã phá chấp vào số lượng hữu vi, dẫn đến pháp thân vô tướng, nơi mọi pháp bình đẳng trong chân tâm. Triết lý này khẳng định rằng quán pháp bằng tánh không vượt ngoài phước hữu hạn, để từ bi và trí tuệ hiển lộ tự tại giữa đời, thống lý tâm mình và người. Đây là lời dạy sâu xa:

sống chánh pháp, thấy thật tướng bình đẳng, đạt công đức vô ngã qua sự tín thọ kinh, để giác ngộ sinh khởi từ tâm không phân biệt.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách sống bình đẳng vượt ngoài số lượng. Khi làm việc thiện – như hỗ trợ cộng đồng – ta không đong đếm phước, chia sẻ kinh này để dẫn người khác thấy mọi sự như duyên hợp, giữ tâm an. Trong công việc, ta không so sánh thành tích, truyền cảm hứng bằng sự nhẹ nhàng vô ngã, thấy mọi điều bình đẳng trong tánh không. Khi tu tập, ta thọ trì kinh không cầu danh, để tâm tịnh như hư không, không phân biệt "ta" hay "người". Sống giữa xã hội, ta thực hành từ bi và trí tuệ, quán mọi pháp bình đẳng, biến mỗi ngày thành cơ hội sống vô ngã, đạt tự tại giữa dòng đời qua sự tín thọ chân thật.

Lược giải:

Phật dạy phước thọ trì kinh vượt phước bố thí bảy báu vô lượng lần, vì kinh khai ngộ tánh không. Đây là "thật tướng bình đẳng": quán pháp vô ngã, không phân biệt, đạt phước vô lượng bằng trí tuệ và từ bi chân thật.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ ý này một cách sâu sắc. Ngài Trí Khải lý giải "真如平等，無有分別"[158] – ***chân như bình đẳng, không có phân biệt***, rằng thật tướng không lệ thuộc số lượng. Ngài Hám Sơn bổ sung "無我即平等"[159] – ***không ngã tức bình đẳng***, nhấn mạnh công đức từ tâm vô ngã vượt phước hữu vi. Tổ Long Thọ khẳng định "一切法無相，平等真如中"[160] – ***tất cả pháp vô tướng, trong chân như bình đẳng***, phá chấp vào phước hữu hạn bằng tánh không. T.R.V. Murti diễn giải ***"The sūtra unveils the equal nature of all phenomena beyond quantitative comparison"***[161] – ***kinh này hiển lộ bản chất bình đẳng của mọi hiện tượng vượt ngoài so sánh số lượng***, kết nối tánh không với sự tự tại. Ngài Tăng Triệu nhấn mạnh "真心無量"[162] – ***chân tâm vô lượng***, tôn vinh phước bất khả tư nghì từ sự đồng quán.

---

158 Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.
159 Ngài Hám Sơn, Kim Cương Quyết Nghi.
160 Tổ Long Thọ, Trung Luận
161 T.R.V. Murti, Central Philosophy of Buddhism.
162 Ngài Tăng Triệu, Triệu Luận.

Đoạn 30: Nhất Tướng Vô Tướng

Kinh văn:

> **"Tu-Bồ-Đề! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nào thọ trì, đọc tụng kinh này, thì Như Lai đều dùng Phật trí mà biết, Như Lai đều dùng Phật nhãn mà thấy. Tu-Bồ-Đề! Những người ấy đều được công đức chẳng thể lường, chẳng thể cân, chẳng thể đo."**

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này tiếp nối ý "nhất tướng vô tướng": người thọ trì, đọc tụng kinh Kim Cương được Như Lai thấy và biết bằng Phật trí, Phật nhãn, vì kinh khai ngộ tánh không – thật tướng vô tướng đồng một thể trong pháp thân bất biến. Đức Phật nhấn mạnh công đức "chẳng thể lường, chẳng thể đo", vượt ngoài tư duy hữu hạn, bởi trí tuệ Bát-nhã phá chấp vào hình tướng, dẫn hành giả đến chân tâm không phân biệt "ta" hay "người". Triết lý này khẳng định rằng công đức kinh sinh ra từ sự quán chiếu: thấy mọi pháp không thật, không trụ, để từ bi và trí tuệ hiển lộ tự tại giữa đời. Đây là lời dạy

sâu xa: sống chánh pháp, dùng tánh không đồng quán, đạt công đức vô lượng qua sự tín thọ kinh, để giác ngộ sinh khởi từ tâm vô ngã, viên dung với Phật trí.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hiện đại, ta học cách sống bằng trí tuệ vượt ngoài đo lường. Khi gặp khó khăn, ta thọ trì kinh, quán chiếu mọi sự như mộng huyễn, không thật để phiền não, giữ tâm an lạc. Trong giao tiếp, ta không phân biệt "ta" hay "người", dùng lòng từ thấy mọi điều như duyên hợp, để tâm nhẹ nhàng. Khi tu tập, ta đọc tụng kinh không cầu phước hữu hình, để tâm tịnh như hư không, tin vào sự thấy biết của Phật nhãn. Sống giữa xã hội, ta thực hành trí tuệ và từ bi, quán thật tướng vô tướng, biến mỗi ngày thành cơ hội sống vô ngã, đạt tự tại giữa dòng đời qua sự đồng quán với chân tâm.

Lược giải:

Phật dạy người thọ trì kinh được Phật trí, Phật nhãn thấy biết, công đức chẳng thể đo, vì kinh khai ngộ tánh không. Đây là ***"nhất***

tướng vô tướng": quán pháp vô ngã, đồng một thể, đạt phước vô lượng bằng trí tuệ chân thật.

Trích dẫn bổ sung:

Các luận giải đã làm rõ ý này một cách sâu sắc. Ngài Trí Khải lý giải "佛眼見真如"[163] – ***Phật nhãn thấy chân như***, rằng trí tuệ kinh dẫn đến thật tướng vô tướng. Ngài Hám Sơn bổ sung "無相即佛智"[164] – ***vô tướng tức Phật trí***, nhấn mạnh công đức từ tâm quán không đồng với Phật nhãn. T.R.V. Murti diễn giải ***"The Buddha's vision perceives the immeasurable merit of those embracing emptiness"***[165] – ***tầm nhìn của Phật thấy công đức vô lượng của người ôm lấy tánh không***, kết nối tánh không với sự tự tại. Ngài Tăng Triệu nhấn mạnh "真心無量，智見無邊"[166] – ***chân tâm vô lượng, trí thấy vô biên***, khẳng định sự viên dung của Phật trí. Tổ Long Thọ khẳng định "一

163 Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.
164 Ngài Hám Sơn, Kim Cương Quyết Nghi.
165 T.R.V. Murti, Central Philosophy of Buddhism.
166 Ngài Tăng Triệu, Triệu Luận.

切法無我，般若通真如"[167] – ***tất cả pháp vô ngã, Bát-nhã thông chân như***, tôn vinh công đức kinh dẫn đến giác ngộ.

Đoạn 31: Tri Kiến Bất Sanh

Kinh văn:

> **"Tu-Bồ-Đề! Nếu có người nói 'Phật nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến'. Tu-Bồ-Đề! Điều đó có ý nghĩa gì? Người này có hiểu nghĩa lý do ta nói không?**
>
> **Bạch Đức Thế Tôn! Người này không hiểu ý nghĩa lời Như Lai nói. Tại sao? Đức Thế Tôn nói Ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến tức chẳng phải ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến thọ giả kiến nên gọi ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến.**
>
> **Tu-Bồ-Đề! Người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đối với tất cả pháp nên biết như vậy,**

167 Tổ Long Thọ, Đại Trí Độ Luận.

thấy như vậy, tin và hiểu như vậy, thì tướng của pháp chẳng sanh. Tu-Bồ-Đề! Pháp tướng đã được đề cập, Như Lai nói tức chẳng phải pháp tướng gọi đó là pháp tướng."

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này tiếp nối việc Phật đã phá bỏ bốn chấp: *ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng và thọ giả tướng*. Tuy nhiên, vì sợ chúng sanh hiểu sai và chấp rằng có thật ngã, nhân, chúng sanh và thọ giả, Đức Phật tiếp tục dạy rằng không có "Ngã kiến", "Nhân kiến", "Chúng sanh kiến", "Thọ giả kiến". Điều này không chỉ trả lời cho nghi vấn về việc tại sao Phật lại đề cập đến bốn tướng khi pháp thân là bình đẳng và tất cả sự vật đều không có thật.

Đoạn này khẳng định rằng ngã không phải là thực thể có thể đoạn trừ, mà là một khái niệm giả, vì nếu thấy vô ngã mà vẫn thấy có ngã, thì đó chỉ là chấp vào khái niệm vô ngã. Tương tự, các kiến chấp về nhân, chúng sanh, thọ giả cũng vậy. Những danh từ này chỉ là

phương tiện, giúp chúng sanh thực hành vô tướng, vô trụ, đồng thời chỉ ra con đường tu hành không chấp vào tướng. Phật không chỉ phá tướng mà còn tiếp tục phá kiến chấp. Do đó, tri kiến bất sanh là khi không có sự chấp trước vào bất kỳ tướng hay kiến chấp nào.

Ứng dụng thực tiễn:

Trong đời sống hàng ngày, khi chúng ta hành thiền hoặc thực hành chánh pháp, hãy tránh chấp vào bất kỳ hình thức hay tướng mạo nào. Việc thấy được sự vô ngã trong mọi sự vật sẽ giúp tâm trí chúng ta trở nên tự tại, không vướng mắc vào bất kỳ sự phân biệt nào. Việc thực hành này không chỉ giúp ta tránh xa phiền não mà còn dẫn dắt ta đến sự giải thoát trong tính không (śūnyatā).

Lược giải:

Khi Phật dạy *"ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến"*, Ngài chỉ ra rằng tất cả những khái niệm này đều không có tự tính. Nếu chúng ta thấy vô ngã mà vẫn chấp vào sự tồn tại của ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả thì đó chính là một dạng mê lầm điên

đảo. Pháp tướng và kiến chấp không thể tồn tại độc lập, chúng chỉ là biểu hiện của những hiểu lầm mà người tu hành cần vượt qua.

Trích dẫn bổ sung:

Ấn Thuận Đại sư lý giải: "所以深與不深，密與不密，不在乎法的本身，而在乎聽眾的根機。這樣，般若經等說一切法無性空，一切唯名唯假，對般若法會的根性來說，是究竟的了義教"[168] ***(Vì vậy, sự thâm sâu hay không thâm sâu, mật hay không mật, không phụ thuộc vào bản thân pháp, mà phụ thuộc vào căn cơ của thính chúng. Như vậy, Kinh Bát-nhã và các kinh khác dạy rằng tất cả các pháp đều không có tự tính, là không)***.

Đức Phật dạy rằng, tất cả các pháp đều không có bản chất tự hữu (tự tính) và do đó, chúng là không (śūnyatā). Tính không là giáo lý cốt lõi trong Phật giáo Đại thừa, chỉ ra rằng mọi sự vật đều là vô ngã và không có bản chất cố định, chỉ tồn tại phụ thuộc vào

---

168 Trích từ phần kết luận của một bài viết nói về Phân tích sự khác biệt giữa giáo lý "hiển" và "mật" trong Kinh điển Đại thừa.

các yếu tố và điều kiện, tất cả chỉ là tên gọi và giả danh, đối với căn cơ của những người tham gia Pháp hội Bát-nhã, đó là giáo lý liễu nghĩa và tuyệt đối.

Ngài Hám Sơn bổ sung: "無我即大智"[169] – ***vô ngã tức đại trí***, nhấn mạnh trí tuệ vô ngã vượt phước đức hữu vi. Thiền sư D.T. Suzuki diễn giải: ***"Even a single verse carries the infinite wisdom of emptiness beyond all measure"***[170] *– **dù chỉ một câu kệ cũng mang trí tuệ vô hạn của tánh không vượt ngoài đo lường***. Tinh Vân Đại sư thì: "法相、非法相：「法相」，通常指執五蘊、十二處、十八等諸法為實有，是一種「有病」；「非法相」，指執著諸法皆空，是一種「空病」。但在此處「法相」則專指執著般若波羅蜜"[171] ***(Pháp tướng, phi pháp tướng: "Pháp tướng", thường chỉ việc chấp năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới và các pháp khác là có thực, đây là một loại "bệnh có". "Phi pháp tướng", chỉ việc chấp tất cả các pháp đều là không, đây là một loại "bệnh không". Nhưng ở đây, "pháp tướng"***

169 Ngài Hám Sơn, Kim Cương Quyết Nghi.

170 Thiền sư D.T. Suzuki, Essays in Zen Buddhism.

171 Đại sư Tinh Vân, Kinh Giảng Thoại

chỉ đặc biệt ám chỉ việc chấp vào Bát-nhã Ba-la-mật). Đoạn này nói về hai khái niệm pháp tướng và phi pháp tướng: Pháp tướng là khi chúng ta chấp các pháp (như năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới) là có thật, điều này được ví như một "bệnh có", tức là một sự dính mắc vào hiện tượng hay sự vật.

Phi pháp tướng là khi chúng ta chấp rằng tất cả các pháp đều là không, điều này cũng được coi là một "bệnh không", tức là sự phủ nhận hoàn toàn về mọi sự vật.

Cuối cùng, trong bối cảnh này, pháp tướng được dùng để chỉ sự chấp vào Bát-nhã Ba-la-mật, tức là một giáo lý cao siêu trong Phật giáo Đại thừa, liên quan đến sự giác ngộ về tính không của tất cả pháp.

Đoạn 32: Ứng Hóa Phi Chơn

Kinh văn:

> **"Tu-Bồ-Đề! Nếu có người lấy bảy báu đầy cả vô lượng a-tăng-kỳ thế giới dùng để bố thí, hoặc nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn nào phát tâm Bồ Tát, lấy kinh này hoặc ngay cả chỉ bốn câu kệ, thọ trì, đọc tụng, vì**

người khác diễn thuyết, thì phước này hơn phước kia. Thế nào là vì người diễn thuyết? Đó là không thủ chấp vào tướng, như như bất động. Tại sao?

Tất cả pháp hữu vi
Như mộng, huyễn, bọt, ảnh
Như sương như tia chớp
Nên quán sát như thế."

Ý nghĩa triết lý:

Đoạn này nhấn mạnh rằng công đức của người thọ trì và vì người giảng giải Kinh Kim Cang vượt xa phước đức của việc bố thí bảy báu trong vô lượng a-tăng-kỳ thế giới. Bởi vì bảy báu là hữu hạn, trong khi công đức từ việc trì Kinh lại vô lượng. Phước đức từ việc thọ trì kinh điển, dù chỉ là bốn câu kệ, có thể vượt qua phước đức của việc bố thí hữu sở đắc, bởi vì trí tuệ Bát-nhã mà Kinh này mang lại sẽ giúp hành giả vượt khỏi chấp trước vào các pháp hữu vi, dẫn đến giác ngộ và trí tuệ vô biên.

Phật dạy về việc giảng pháp mà không chấp vào tướng, giảng với tâm vô nhiễm, đồng thời quán sát các pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, ảnh, sương, tia chớp, là sự chỉ ra bản chất vô thường và không thực của các pháp. Các pháp này đều thay đổi vô thường, không có thực thể cố định. Do đó, người giảng pháp không bám víu vào chúng mà chỉ tuỳ duyên mà giảng dạy.

Ứng dụng thực tiễn:

Khi thuyết giảng hoặc chia sẻ Phật pháp, không nên chấp vào tướng, mà phải giữ tâm vô ngã và vô nhiễm. Hãy coi tất cả pháp như mộng huyễn, không thực, và không bám víu vào bất kỳ hình thức hay danh xưng nào. Hành động này sẽ giúp chúng ta thực hành Bát-nhã Ba-la-mật và đạt được sự tự tại trong trí tuệ.

Lược giải:

Phật dạy rằng việc giảng dạy Kinh Kim Cang và những câu kệ trong Kinh này có công đức vượt xa việc bố thí vật chất, bởi vì Kinh mang lại trí tuệ giải thoát vô biên. Việc giảng pháp với tâm vô nhiễm và không chấp

vào tướng chính là con đường của Bát-nhã, đưa đến trí tuệ và sự tự tại. Tất cả các pháp đều không có tự tính nên không có tướng. Tất cả các pháp không tướng nên không có tạo tác. Không có tạo tác nên không có nguyện. Không có nguyện nên tất cả các pháp vốn dĩ đều thanh tịnh.

Trích dẫn:

Ngài Tịnh Không nhấn mạnh: "当相即空，相尽心澄" ***"Khi tướng hiện ra thì chính là không, khi tướng hết thì tâm thanh lắng."***

Khi chúng ta nhận thức về một hình tướng (tức là khi tướng xuất hiện), chúng ta phải hiểu rằng nó là không (śūnyatā), không có bản chất tự hữu. Khi mọi tướng (hay ảo tưởng) chấm dứt, tâm sẽ trở nên trong sáng và thanh tịnh, không còn bị vướng mắc vào sự phân biệt hay chấp trước vào hình tướng.

Tất cả các pháp đều không có sở hữu, chỉ ra rằng mọi hiện tượng và sự vật đều vô ngã, không có bản chất tự hữu. Khuyến khích hành giả từ bỏ sự chấp trước vào hình tướng

và các pháp. ***"Đang có tướng tức là không"*** nhấn mạnh rằng sự nhận thức về hình tướng chỉ là ảo tưởng và khi "tướng hết" thì tâm sẽ trở nên thanh tịnh. Những câu này chỉ ra con đường tu tập trong Phật giáo Đại thừa để đạt được giác ngộ thông qua sự quán chiếu tính không – tất cả pháp như mộng, huyễn, bọt, ảnh, chỉ là những pháp biến dịch vô thường. Tổ Long Thọ khẳng định: "一切法無自性"[172] – ***tất cả các pháp không có tự tính***, vô thường và không thực, cần phải được quán chiếu đúng đắn để vượt qua mọi chấp trước. Và ngài giải thích thêm rằng: "即諸法性，亦由能見自體之心增上安立為有，故名言中有無不遍一切之失"[173] *(Ngay bản chất của tất cả các pháp, cũng nhờ vào tâm có khả năng thấy được tự thể của chúng mà gia tăng và thiết lập sự tồn tại của chúng, vì vậy trong lời nói, có và không không thể bao trùm tất cả những sai lầm)*. Câu này chỉ ra rằng mọi pháp đều không có bản chất tự hữu mà chỉ được hình thành nhờ vào nhận thức

172 Tổ Long Thọ, Đại Trí Độ Luận

173 Đại sư Tông Khách Ba, Nhập Trung Luận Thiển Hiển Mật Ý Sớ, quyển 4

của tâm. Tâm có khả năng nhận diện bản chất của các pháp và nhờ đó mà chúng được coi là có tồn tại. Tuy nhiên, trong lời nói và khái niệm, chúng ta không thể bao quát hết tất cả sự phân biệt giữa có và không, vì đó chỉ là những khái niệm, không thể phản ánh đúng bản chất vô ngã của các pháp.

5 đoạn cuối cùng, tức đoạn 28 đến đoạn 32 là nói về Siêu việt ngôn ngữ. Trong Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh, Đức Phật tuyên thuyết: "若以色見我，以音聲求我，是人行邪道，不能見如來"[174] ***(Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai – Dùng sắc, âm thanh cầu ta là tà đạo, không thấy Như Lai)***. Đây là lời cảnh tỉnh thâm sâu về bản chất bất khả tư nghì của chân lý.

"Sắc" là hình tướng, "âm thanh" là lời nói – hai biểu tượng cho tất cả những gì thuộc về cảm giác, tri thức và khái niệm. Đức Phật dạy: nếu tìm chân lý qua hình tướng và âm

174 Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh, bản Hán dịch của Cưu Ma La Thập.

thanh, tức còn tìm trong đối đãi nhị nguyên, thì đó là tà đạo – con đường sai lạc. Vì Như Lai không phải là một nhân vật, một đối tượng có thể thấy – mà là thể tánh chân như, rỗng lặng, vô tướng, siêu việt mọi ngôn ngữ và đối tượng hóa.

Đây là "lưỡi dao kim cương cuối cùng" của Bát Nhã: cắt luôn cả ý niệm về giác ngộ, để hành giả trở về với cái biết trực tiếp, vô niệm – thấy mà không có người thấy, nghe mà không có người nghe. "Không thể thấy Như Lai" không phải là thất vọng, mà là chỉ có thể "trực ngộ" chứ không thể "tìm kiếm".

Đây là lúc trí tuệ trở nên tịch nhiên, không còn vọng động bởi danh ngôn và ý niệm. Khi tâm đã buông mọi bám víu – kể cả bám víu vào đạo, vào Phật, vào giác ngộ – thì Như Lai tự hiện, như gương soi trong suốt, như trăng đáy nước.

Trong thực hành đời sống, lời dạy này giúp ta thoát khỏi danh tướng và tri kiến giới hạn. Khi thiền, ta không trụ vào "cảnh đẹp", "âm thanh dễ chịu", không cố "tìm chân lý" qua hình tướng – chỉ lặng lẽ ngồi, không tìm

gì, không bỏ gì. Khi đọc sách, học đạo, ta quán: "Ngôn ngữ là chiếc bè, không phải bờ bên kia" – học để buông, không chấp. Khi khổ đau, thay vì truy cầu lời giải thích, ta buông: sắc, thanh, cảm xúc – như điện chớp – đến rồi tan.

Chư Tổ giải rõ đạo lý này bằng những ngôn từ đầy thi vị và phá chấp:

Long Thọ viết:"真如無名，唯可直證"[175] ***(Chân như vô danh, duy khả trực chứng – Chân như không tên, chỉ có thể trực ngộ)***, trong Trung Luận. Ngài giải rằng: *"Ngôn ngữ chỉ là ảo ảnh – chân như chỉ thấy bằng tâm không."*

Huệ Năng nói trong Lục Tổ Đàn Kinh: "離色離聲，方見如來" ***(Ly sắc ly thanh, phương kiến Như Lai – Rời sắc, rời tiếng, mới thấy Như Lai)***. Ngài dạy: *"Buông mọi đối tượng, thấy đạo trong vô niệm."*

Tăng Triệu lại khẳng định: "言語道斷，真如無說" ***(Ngôn ngữ đạo đoạn, chân như vô thuyết – Ngôn ngữ dứt bặt, chân như***

---

175 Tổ Long Thọ, Trung Luận.

không lời)[176]. Ngài giải thích: *"Lặng lẽ là tiếng nói của chân như – ngôn ngữ chỉ là vọng."*

Ngài Kiết Tạng viết trong Kim Cương Bát Nhã Sớ: "色聲皆幻，真如無相" ***(Sắc thanh giai huyễn, chân như vô tướng – Sắc, tiếng đều huyễn, chân như không tướng)***, tức muốn thấy đạo, phải siêu ngôn – buông sắc thanh mới trở về chân.

Tóm lại, đoạn kinh này là đỉnh điểm của trí tuệ Bát Nhã – không còn gì để thấy, để cầu, để giữ. Chỉ có tâm không, vô tướng, vô trụ – đó là Như Lai. Không đâu để đi, không ai để tìm – thực tại đang là.

---

176 Tăng Triệu, Triệu Luận.

Chương III

Yếu Nghĩa Tổng Quát Kinh Kim Cương Bát Nhã

Kinh Kim Cương (金剛經), một trong những bộ kinh căn bản của hệ thống Bát-nhã Ba-la-mật, là viên ngọc minh châu trong kho tàng kinh điển Phật giáo Đại thừa. Giống như viên kim cương sắc bén và bất hoại, kinh này không chỉ xuyên thủng mọi ảo tưởng về bản ngã, pháp hữu vi, nhị nguyên, mà còn chỉ ra con đường giải thoát thông qua trí tuệ tánh không và lòng từ bi vô điều kiện. Đức Phật đã khai thị với Tôn giả Tu Bồ Đề về cách an trụ tâm Bồ đề và điều phục vọng tâm, thông qua các pháp: ***tánh không*** (śūnyatā), ***vô ngã*** (anātman), ***bất nhị*** (advaya), ***vô sở trụ*** (apratiṣṭhita) và ***bố thí vô tướng***.

1. Tánh Không – Bản Chất Rỗng Lặng của Vạn Pháp

Cốt lõi của Kinh Kim Cương là ***tánh không*** (śūnyatā), tức mọi pháp đều không có tự tính cố định. Các pháp chỉ tồn tại do duyên sinh (pratītyasamutpāda). "凡所有相，皆是虛妄"[1] – ***Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng***, tức tất cả những gì có hình tướng đều là giả dối. Do đó, không có pháp nào có thực thể bất biến, kể cả các khái niệm như "ta", "người", hay "giác ngộ".

Tổ Long Thọ (Nāgārjuna) viết: *"Do duyên sinh nên không tánh, do không tánh nên duyên sinh"*[2]. Tánh không không phải là hư vô, mà là cái nhìn sâu sắc vào thực tại: vạn pháp đều do nhiều yếu tố cấu thành, không pháp nào có tự thể riêng biệt. "凡所有法，皆如星月水鏡中影"[3] – ***Tất cả các pháp đều như bóng trăng sao trong gương nước***.

---

1 Kinh Kim Cương, đoạn 5.
2 Nāgārjuna, Mūlamadhyamakakārikā, phẩm I.
3 Kinh Kim Cương, đoạn 14.

2. Vô Ngã – Phá Bỏ Tứ Tướng

Đức Phật dạy: "若菩薩有我相、人相、眾生相、壽者相，即非菩薩"[4] – ***Nếu Bồ Tát còn chấp ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, thì chẳng phải Bồ Tát.*** Bốn tướng này tượng trưng cho bốn loại chấp thủ sai lầm vào bản ngã và các thực thể cá nhân.

Lục Tổ Huệ Năng khai ngộ từ kinh, giảng: "無我者，無色受想行識也"[5] – ***Không có ngã tức không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức***. Hiểu rõ vô ngã giúp hành giả giải thoát khỏi khổ đau do bám chấp vào "cái tôi".

Edward Conze viết: *"Tánh không trong Kinh Kim Cương không phải hư vô, mà là sự phủ nhận bản chất cố định, mở ra không gian cho mọi hiện tượng biểu hiện"*[6].

3. Bất Nhị – Vượt Thoát Mọi Phân Biệt

Bất nhị là một trong những yếu nghĩa tối thượng. Đức Phật dạy: "一切法不生不滅，

4 Kinh Kim Cương, đoạn 14.
5 Lục Tổ Huệ Năng, Pháp Bảo Đàn Kinh.
6 Edward Conze, The Diamond Sutra, 1957.

即無一切法”[7] – ***Nếu tất cả pháp không sinh không diệt, tức không có tất cả pháp***. Mọi đối lập như ta/người, sinh/diệt, thiện/ác chỉ là phân biệt hư vọng. Thiền tông thường dùng công án để phá nhị nguyên, dẫn đến trực ngộ chân như. Thiền sư Suzuki mô tả: *“Bất nhị là lưỡi kiếm kim cương, cắt tan nhị nguyên để hiển lộ chân như”*[8].

4. Vô Sở Trụ – An Trú Trong Rỗng Lặng

Một trong những câu kinh nổi tiếng là: “應無所住而生其心”[9] – ***Nên không trụ nơi đâu mà phát tâm***. Hành giả tu hành không nên trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp – vì tất cả đều là vô thường, giả hợp. Câu này trả lời câu hỏi trọng yếu của Tu Bồ Đề: *“Làm sao an trụ, làm sao hàng phục tâm?”* và là tinh yếu của trí tuệ Ba-la-mật. Tổ Huệ Năng giảng: *“Pháp là bè qua sông, qua rồi thì bỏ”*[10]. Trụ vào pháp là đã rơi vào thủ

---

7 Kinh Kim Cương, đoạn 27.
8 D.T. Suzuki, The Zen Doctrine of No-Mind.
9 Kinh Kim Cương, đoạn 10.
10 Lục Tổ Huệ Năng, Pháp Bảo Đàn Kinh.

chấp. Đức Phật dạy: "知我說法如筏喻者，法尚應捨，何況非法"[11] – ***Biết ta thuyết pháp như chiếc bè, pháp còn nên bỏ, huống chi phi pháp.***

5. Duyên Khởi và Liên Hệ với Tánh Không

Duyên khởi là nền tảng cho việc quán chiếu tánh không. "若見諸法實有，即非見法。若見法空，即見諸法"[12] – ***Nếu thấy các pháp thật có, tức chẳng phải thấy pháp***. Nếu thấy pháp không, tức thấy các pháp. Nhìn vào một hiện tượng, ta thấy đó là sự kết hợp của nhiều yếu tố: đất, nước, nhân duyên, ý chí… không gì tồn tại độc lập. T.R.V. Murti bình luận: *"Śūnyatā in the Diamond Sutra is not nihilism, but a dynamic emptiness revealing the interdependence of all phenomena."*[13]

---

11 Kinh Kim Cương, đoạn 6.
12 Kinh Kim Cương, đoạn 21.
13 T.R.V. Murti, The Central Philosophy of Buddhism, 1955.

6. Phá Danh, Phá Pháp – Không Còn Gì Để Chấp

Danh và sắc đều là giả tướng. Đức Phật dạy: "若人言佛說大乘法，即為謗佛"[14] – ***Nếu người nói Phật thuyết pháp Đại thừa, tức là phỉ báng Phật***. Giáo pháp chỉ là phương tiện khéo léo (upāya), như chiếc bè vượt sông, không phải để thủ chấp. Con đường tu tập là phá chấp mọi khái niệm – ngay cả giác ngộ cũng không thật có: "若菩薩通達無我法者，如來說名真是菩薩"[15] – ***Nếu Bồ Tát thông suốt pháp vô ngã, Như Lai nói đó mới thật là Bồ Tát***.

7. Từ Bi Vô Tướng – Hành Động Không Vì Cái Tôi

Bồ Tát thực hành từ bi với tâm vô trụ: "如是滅度無量無數無邊眾生，實無眾生得滅度者"[16] – ***Dù độ vô lượng chúng sanh, mà thật không có chúng sanh nào được độ***. Sự từ bi ấy không khởi từ cái tôi, không phân biệt chủ thể và đối tượng. D.T. Suzuki viết:

---

14 Kinh Kim Cương, đoạn 7.
15 Kinh Kim Cương, đoạn 26.
16 Kinh Kim Cương, đoạn 3.

"Lòng từ bi của Bồ Tát tuôn chảy tự do vì không bị trói buộc bởi ảo tưởng về ngã hay tha"[17].

8. Trí Tuệ Ba-la-mật – Vượt Ngoài Mọi Định Danh

Tu hành không phải để đạt điều gì, mà là để buông bỏ tất cả. Đức Phật dạy: "若以無所得心，受持此經，則為第一波羅蜜"[18] – ***Nếu dùng tâm không sở đắc, thụ trì kinh này, thì đó là Ba-la-mật thứ nhất***. Trí tuệ ấy không phải tri thức, mà là cái thấy thẳng vào thực tại rỗng lặng.

9. Dụ Ngôn về Bản Chất Thực Tại

Phần kết của Kinh Kim Cương là đoạn văn nổi tiếng về bản chất huyễn hóa của vạn pháp: "一切有為法，如夢幻泡影，如露亦如電，應作如是觀"[19] – ***Tất cả pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt nước, như sương, như điện chớp, nên quán như vậy***. Nhận ra điều này là bước đầu của trí tuệ giải thoát, để

---

17 D.T. Suzuki, Essays in Zen Buddhism.
18 Kinh Kim Cương, đoạn 9.
19 Kinh Kim Cương, đoạn 32

hành giả không còn bám víu vào bất kỳ hiện tượng nào, kể cả Niết bàn.

Kinh Kim Cương là bản kinh dẫn dắt hành giả vượt thoát khỏi mọi hình tướng, chấp trước, và ngay cả bản ngã tu hành cũng bị phá bỏ. Sức mạnh của kinh không chỉ ở ngôn từ, mà ở khả năng giải phóng tâm trí bằng cách "cắt" tất cả – như viên kim cương chẻ đôi mọi mê lầm.

Con đường Bồ Tát mà kinh mở ra là con đường của trí tuệ vô ngã và lòng từ bi vô điều kiện – sống giữa đời mà không nhiễm đời, hành động mà không trụ vào hành động.

Một đời tu hành, rốt ráo, có thể gói gọn trong một câu: ***"Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm"*** – Không trụ nơi đâu mà phát tâm.

Chương IV
Kinh Kim Cương và Khoa Học

Kinh Kim Cương và khoa học hiện đại, đặc biệt trong các lĩnh vực vật lý và vũ trụ học, chia sẻ những cộng hưởng triết học rất lý thú mặc dù xuất phát từ những truyền thống khác nhau. Kinh Kim Cương, với lời dạy về bản chất thực tại, *vô thường, vô ngã* (anatta), *tánh không* (śūnyatā), *duyên khởi, bất nhị* và *vô sở đắc*, không chỉ tương thích mà còn đi trước khoa học hiện đại qua các khám phá của Albert Einstein, Sheldon Lee Glashow, Abdus Salam, Stephen Hawking và các lý thuyết mới như *trường lượng tử, holographic, dây, entropy, hỗn loạn* và *trí tuệ nhân tạo*.

1. Albert Einstein: $E = mc^2$ và Bản chất của Thực tại

Albert Einstein đã giới thiệu thuyết tương đối với phương trình $E = mc^2$, cho thấy vật chất và năng lượng là hai dạng của cùng một thứ, có thể hoán đổi lẫn nhau. Khám phá này chỉ ra rằng vật chất – những gì chúng ta trải nghiệm dưới dạng các vật thể rắn – thực chất là năng lượng, làm mờ sự khác biệt giữa tĩnh và động trong vũ trụ. Kinh Kim Cương dạy rằng ***hình thức*** và ***vật chất*** (rupa) là tạm bợ, vô thường, không có bản chất cố định hay bản ngã. "凡所有相，皆是虛妄"[1] ***(Tất cả các tướng đều là hư vọng).*** Thuyết tương đối còn ngụ ý thời gian và không gian là không-thời gian linh hoạt, không tuyệt đối, phản ánh tánh không và bất nhị khi vượt qua nhị nguyên cố định/biến đổi.

Thuyết tương đối rộng của Einstein mở rộng khái niệm này, cho thấy khối lượng (như ngôi sao, hành tinh) cong không-thời gian, làm thay đổi cách thực tại vận hành.

1 Trích từ Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, bản dịch Cưu Ma La Thập, T08n0235, đoạn 5.

Không gian và thời gian không còn là bối cảnh tĩnh mà là một trường động, không tách biệt khỏi vật chất – một sự bất nhị tuyệt đối. "若見諸相非相，即見如來"[2] ***(Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức thấy Như Lai)***. Lý thuyết dây (String Theory) bổ sung rằng các hạt là dao động của "dây" trong nhiều chiều không gian ẩn, cho thấy thực tại là thống nhất, không có ranh giới rõ ràng. Cả ba tư tưởng đều thách thức quan niệm về tính chắc chắn của vật chất và không gian.

Công trình của Sheldon Lee Glashow và Abdus Salam về lý thuyết điện yếu cho thấy các hạt hạ nguyên tử luôn biến đổi, không có bản sắc cố định. Ví dụ, neutron phân rã thành proton, electron và neutrino, minh chứng vô thường và vô ngã. "一切有為法，如夢幻泡影"[3] ***(Tất cả pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt nước)***. Trong vũ trụ quan Phật giáo, mọi sự vật đều là pháp hữu vi, phụ thuộc vào duyên sinh, không có thực thể bất biến.

---

2 Sđd., đoạn 5.

3 Sđd., đoạn 32.

2. Stephen Hawking và Thuyết Vụ Nổ Lớn (Big Bang)

Stephen Hawking xây dựng lý thuyết về ***Vụ Nổ Lớn***, cho rằng vũ trụ tiến hóa từ một điểm đặc và mở rộng không ngừng, phù hợp giáo lý vô thường (anicca). Kinh Kim Cương dạy bám víu vào ý niệm thực tại vĩnh cửu là nguồn gốc khổ đau, bởi mọi hiện tượng đều là ảo ảnh. "若一切法不生不滅，即無一切法"[4] ***(Nếu tất cả pháp không sinh không diệt, tức không có tất cả pháp)***. Hawking còn đề xuất khái niệm vũ trụ "không ranh giới", nơi thời gian không có điểm khởi đầu hay kết thúc rõ ràng, tương đồng với tánh không khi thời gian chỉ là cấu trúc của tâm thức.

Lý thuyết về hố đen và bức xạ Hawking cho thấy ngay cả hố đen – biểu tượng của sự bất biến – cũng tan rã qua thời gian, phát ra năng lượng và cuối cùng biến mất. Điều này củng cố lẽ vô thường do Phật dạy: không có gì trường tồn, kể cả những cấu trúc tưởng chừng vĩnh cửu. Lý thuyết đa vũ trụ (Multiverse Theory) của Max Tegmark bổ

4 Sđd., đoạn 30.

sung rằng có thể tồn tại nhiều vũ trụ song song, thách thức ý niệm về một thực tại duy nhất, củng cố giáo nghĩa tánh không và bất nhị. Entropy trong nhiệt động lực học cho thấy vũ trụ tiến tới hỗn loạn, không có cấu trúc cố định mãi mãi, minh họa thêm về sự vô thường.

3. Các bằng chứng khoa học và tính tương thích với tư tưởng của Kinh Kim Cương

3.1. Cơ học lượng tử và Vô ngã/Duyên khởi

Cơ học lượng tử mô tả sự bất định của hạt ở thang đo nhỏ nhất. Thí nghiệm khe đôi cho thấy electron có lưỡng tính sóng-hạt: khi không quan sát, chúng thể hiện tính sóng; khi quan sát, chúng trở thành hạt, chứng minh ý thức định hình thực tại. Nguyên lý ***bất định*** Heisenberg khẳng định không thể xác định đồng thời vị trí và vận tốc của hạt, phản ánh vô sở đắc – không thể "nắm giữ" thực tại. Sự vướng víu lượng tử cho thấy các hạt tương quan, thay đổi trạng thái của một hạt ảnh hưởng tức thì đến hạt khác, minh

chứng duyên khởi. "法由緣起，無自性故空"[5] ***(Pháp do duyên khởi, không tự tánh nên không).***

Lý thuyết ***trường lượng tử*** (Quantum Field Theory) xem vũ trụ là các trường năng lượng dao động, hạt chỉ là biểu hiện tạm thời, củng cố tánh không và vô thường. Sinh học ***thần kinh*** (Neuroscience) cho thấy "cái tôi" là ảo ảnh do hoạt động thần kinh tạo ra (David Eagleman), tương ứng vô ngã và năm uẩn. "無我者，無色受想行識也"[6] ***(Không có ngã tức không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức).***

3.2. Thực tại như cấu trúc của vọng tâm

Kinh Kim Cương dạy thế giới chúng ta nhận thức là sản phẩm của vọng tâm, không có sự tồn tại cố hữu. Nguyên lý ***Holographic*** (Gerard 't Hooft, Leonard Susskind) gợi ý thực tại ba chiều là "ảo ảnh" chiếu từ một bề mặt hai chiều, tương tự vọng tâm tạo hiện tượng. "凡所有法，皆如星月水鏡中

---

5 Trích từ Kim Cương Tiên Luận, Thế Thân Bồ Tát

6 Trích từ Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh Khẩu Quyết, Lục Tổ Huệ Năng

影”[7] ***(Tất cả các pháp đều như bóng trăng sao trong gương nước)***. Lý thuyết ***thông tin*** (Claude Shannon) xem thông tin là nền tảng vũ trụ, không phải vật chất cố định, củng cố giáo lý này.

3.3. Tính tương đối của thời gian và không gian

Thuyết ***tương đối*** của Einstein cho thấy không-thời gian linh hoạt, phụ thuộc vào tốc độ và lực hấp dẫn, không phải cấu trúc cứng nhắc. Kinh Kim Cương dạy thời gian và không gian là ảo ảnh, không có thực tại riêng. “過去心不可得，現在心不可得，未來心不可得”[8] ***(Tâm quá khứ không thể nắm, tâm hiện tại không thể nắm, tâm tương lai không thể nắm)***. Cả hai vượt qua nhị nguyên, khẳng định mọi hiện tượng kết nối, không có sự phân biệt cố hữu.

3.4. Thuyết hỗn loạn và Duyên khởi

Thuyết ***hỗn loạn*** (Chaos Theory) cho thấy các hệ thống phức tạp như thời tiết

---

7 Trích từ Kinh Kim Cang, đoạn 12.

8 Sđd., đoạn 18.

phụ thuộc nhạy bén vào điều kiện ban đầu, không thể dự đoán hoàn toàn. Một thay đổi nhỏ có thể dẫn đến kết quả lớn, minh họa duyên khởi – mọi pháp sinh khởi từ vô số nhân duyên. "凡所有法，皆如星月水鏡中影"[9] ***(Tất cả các pháp đều như bóng trăng sao trong gương nước)***. Thuyết này củng cố tánh không khi không có thực thể nào tự chủ, mọi thứ đều là kết quả của sự tương tác.

3.5. Trí tuệ nhân tạo và Vô ngã

Trí tuệ nhân tạo (AI) mô phỏng ý thức mà không cần "cái tôi" cố định. Các hệ thống AI học hỏi và phản ứng dựa trên dữ liệu, không có trung tâm bản ngã, tương tự giáo lý vô ngã trong Kinh Kim Cương. Năm uẩn – sắc, thọ, tưởng, hành, thức – cũng là tập hợp tạm thời, không tạo thành một thực thể vĩnh cửu. "無我者，無色受想行識也"[10] ***(Không có ngã tức không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức)***. AI minh họa cách vọng tâm tạo ra nhận thức, củng cố giáo lý về bản chất ảo ảnh của cái tôi.

---

9 Trích từ Kinh Kim Cang, đoạn 12.

10 Trích từ Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh Khẩu Quyết, Lục Tổ Huệ Năng.

3.6. Sự hài hòa của khoa học và Kinh Kim Cương

Kinh Kim Cương và khoa học hiện đại cho rằng thế giới không rắn chắc hay vĩnh cửu. Thuyết tương đối, cơ học lượng tử, trường lượng tử, holographic, dây, entropy, hỗn loạn, AI và Vụ Nổ Lớn chứng minh vũ trụ là tiến hóa, phụ thuộc lẫn nhau, không có bản chất riêng. Kinh dạy vô thường, vô ngã, tánh không, bất nhị và vô sở đắc, hướng đến giải thoát qua trí tuệ và từ bi. "應無所住而生其心"[11] ***(Nên không trụ nơi đâu mà phát tâm).*** Khoa học hỗ trợ thực hành này bằng cách khuyến khích cởi mở với bất định, giúp hành giả buông bỏ thủ chấp, sống chánh niệm, phát triển từ bi qua sự kết nối của muôn hữu. Khoa học luôn tiến triển, có thể thay đổi các học thuyết hiện nay qua những khám phá mới, nhưng lời dạy của Đức Phật trong Kinh Kim Cương là chân lý tuyệt đối, muôn đời không đổi.

T.R.V. Murti nhận xét: "Śūnyatā in the Diamond Sutra is not nihilism, but a dynamic

---

11 Sđd., đoạn 10.

emptiness revealing the interdependence of all phenomena"[12] *(Tánh không trong Kinh Kim Cương không phải hư vô, mà là sự rỗng lặng năng động, hiển lộ sự tương thuộc của mọi hiện tượng).*

Edward Conze bổ sung: "The Diamond Sutra's negation of all concepts echoes a radical ontology where nothing possesses inherent existence"[13] *(Sự phủ nhận mọi khái niệm của Kinh Kim Cương phản ánh một bản thể học triệt để nơi không gì có tồn tại cố hữu).*

Donald S. Lopez Jr. viết: "The Diamond Sutra presents enlightenment as beyond conceptualization, a state where all dualities dissolve into emptiness"[14] *(Kinh Kim Cương trình bày giác ngộ là vượt ngoài khái niệm hóa, một trạng thái nơi mọi nhị nguyên tan vào tánh không).*

---

12 T.R.V. Murti, The Central Philosophy of Buddhism (London: George Allen & Unwin, 1955), p. 234.

13 Edward Conze, Buddhism: Its Essence and Development (Oxford: Bruno Cassirer, 1951), p. 123.

14 Donald S. Lopez Jr., The Story of Buddhism (San Francisco: Harper, 2001), p. 167.

D.T. Suzuki kết luận: "The Bodhisattva's compassion flows freely because it is not bound by the illusion of self or other"[15] *(Lòng từ bi của Bồ Tát tuôn chảy tự do vì không bị trói buộc bởi ảo tưởng về ngã hay tha).*

15 D.T. Suzuki, Essays in Zen Buddhism (London: Rider, 1949), p. 157.

Chương V

Phương pháp thực hành theo Kinh Kim Cương

1. Quán chiếu tính vô ngã của tất cả các pháp

Một trong những giáo lý cốt lõi của Kinh Kim Cương là nhận ra rằng tất cả các pháp – từ vật thể hữu hình đến suy nghĩ, cảm xúc – đều vô ngã, không có bản chất riêng biệt, cố định. Pháp trong Phật giáo bao gồm mọi thực thể của sự tồn tại: vật chất, nhận thức, ý tưởng, cảm giác và các phẩm chất quan sát chúng. Tất cả đều tồn tại giả tạo, không độc lập hay vĩnh cửu như ta thường nghĩ.

Khái niệm này bác bỏ quan niệm rằng mọi thứ có thể tồn tại riêng lẻ. Thay vào đó, mọi pháp phát sinh qua duyên khởi – sự phụ thuộc

lẫn nhau vào nguyên nhân và điều kiện. Ví dụ, một bông hoa chỉ nở khi có đất, nước, ánh sáng, không khí, hạt giống, thời gian. Thiếu một yếu tố, hoa không hình thành; khi điều kiện thay đổi, hoa tàn và tan vào đất. Vậy hoa không phải thực thể độc lập mà là sự kết hợp tạm thời, luôn biến đổi. Đây là nguyên lý duyên khởi: mọi sự vật chỉ tồn tại khi đủ điều kiện và khi điều kiện mất đi, chúng cũng biến mất. Do đó, không có gì trường tồn, bất biến.

2. Vô ngã trong Trải nghiệm Cá nhân

Lời dạy về vô ngã cũng áp dụng cho bản thân. Trong cuộc sống, ta thường nghĩ mình có một bản ngã cố định – một danh tính gắn với gia đình, bạn bè, xã hội, được xem là phần quan trọng, lâu dài của sự tồn tại. Nhưng Kinh Kim Cương phản bác điều này: bản ngã chỉ là sản phẩm của các quá trình thể chất và nhận thức, không phải thực thể bất biến. Cơ thể thay đổi từ lúc sinh ra, trưởng thành, đến già đi. Nhận thức cũng biến động – lúc vui, lúc buồn, lúc tự tin, lúc lo lắng. Danh tính phụ thuộc vào hoàn cảnh: ta có thể vui vẻ, năng động với bạn bè, nhưng lúng túng, mệt mỏi

khi gặp người lạ. Vậy bản ngã là tạm thời, không có bản sắc cố hữu. Thay vì bám vào một "cái tôi" cứng nhắc, ta nên buông bỏ nó, sống linh hoạt và cởi mở với sự thay đổi.

3. Thực hành quán chiếu

Quán chiếu tính vô ngã là quá trình quan sát và phản ánh bằng chánh niệm, nhận ra không có "cái tôi" cố định trong mọi pháp. Hành giả tập trung vào cơ thể, suy nghĩ, cảm xúc, quan sát chúng khởi sinh từ đâu, kéo dài bao lâu, rồi biến mất. Chẳng hạn, khi thiền định, nếu cảm thấy tức giận, ta tự hỏi: "Cơn giận này đến từ đâu?" Nó có thể do một ký ức hay tình huống gây ra – như bị kẹt xe và ai đó bấm còi inh ỏi. Khi chỉ quan sát mà không bám víu, nghĩ "Đây là cơn giận" thay vì "Tôi đang giận", nó dần tan biến, cho thấy cảm xúc chỉ là phản ứng nhất thời, không phải bản chất của ta.

Quán chiếu giúp hiểu tính vô thường: cơ thể, cảm xúc, suy nghĩ đều thay đổi, không gì ổn định mãi. Khi nhận ra chân lý này, ta bớt bám víu, tâm trở nên an nhiên, tự tại. Hơn nữa, phương pháp này cho thấy

mọi hiện tượng liên kết chặt chẽ: ta cần thức ăn, không khí, mối liên hệ xã hội để tồn tại, không thể đứng một mình. Hiểu mối liên hệ ấy sẽ làm giảm lòng kiêu hãnh, nhận ra mình chỉ là một phần nhỏ trong thế giới rộng lớn.

Mục đích cuối cùng là giải thoát khổ đau. Đức Phật dạy, bám víu vào bản ngã hay quan niệm vĩnh cửu là gốc rễ khổ đau. Khi nghĩ một vật là cố định, ta thất vọng lúc nó thay đổi. Nhưng nếu hiểu mọi pháp vô ngã, không tánh, ta buông bỏ dính mắc, đạt sự an lạc sâu sắc, sống trọn vẹn trong hiện tại mà không thủ chấp.

4. Bản chất ảo tưởng của Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả

Kinh Kim Cương định nghĩa lại bản ngã, trái ngược với quan niệm thông thường. Xã hội dạy ta có một "cái tôi" riêng biệt, ảnh hưởng đến cách suy nghĩ và xây dựng mối quan hệ. Nhưng kinh dạy rằng *Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ giả* chỉ là cấu trúc bởi vọng thức, do thói quen tâm thức bám vào khuôn mẫu cố định.

Ngã tướng: Không phải thực thể bất biến mà là tập hợp tạm thời của Ngũ uẩn – sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Cơ thể già đi, bệnh tật, rồi chết; suy nghĩ, cảm xúc đến rồi đi. Không uẩn nào có bản ngã vĩnh cửu, nên ý tưởng "tôi" hay "của tôi" là ảo tưởng.

5. Khái niệm "Nhân tướng", một cấu trúc của vọng thức

Nhân tướng: Cũng chỉ là sản phẩm của vọng thức. Trong đời sống, ta gán danh tính cho người khác dựa trên vai trò, mối liên hệ, nhưng Kinh dạy chúng không thực. Một người không phải là thực thể cố định mà luôn tiến hóa qua các điều kiện. Hiểu điều này, hành giả thấy sự phân biệt giữa mình và người khác là trống rỗng mà nuôi dưỡng sự đồng cảm và gắn kết. Theo Độc Tử Bộ, «Nhân» (pudgala) là chủ thể luân hồi, nhưng Kinh Kim Cương phủ nhận, xem đó là khái niệm phi thực.

6. Chúng Sanh tướng cũng chỉ là tên gọi

Chúng sanh tướng: Chỉ cho những ai chạy theo tham muốn, giải đãi, không nhận ra Phật tánh sẵn có để tu hành. *"Chúng duyên*

cộng hợp nhi sanh danh viết chúng sanh" – mọi hiện tượng, từ vật thể đến tâm thần, đều là tổng hợp duyên khởi, không có tự ngã. Kinh dạy không bám vào Chúng sanh tướng, vì đó là vọng tưởng dẫn đến khổ đau.

7. Thọ giả tướng như một sự phóng chiếu của vọng thức

Thọ giả tướng: Khái niệm tuổi thọ hay thời gian là ảo ảnh của vọng thức. Ta thường nghĩ đời người có bốn giai đoạn cố định – sinh, già, bệnh, chết – nhưng Kinh dạy thời gian không thực, chỉ là cấu trúc tâm thức. Khoa học hiện đại, như thuyết tương đối của Einstein, cũng cho thấy thời gian linh hoạt, không tuyệt đối. Quán chiếu điều này giúp buông bỏ ham muốn kéo dài tuổi thọ, chấp nhận dòng chảy của cuộc sống.

8. Thực hành Không dính mắc vào Bản sắc

Kinh Kim Cương khuyến khích dần buông bỏ dính mắc vào bản sắc của Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ giả. Đây không phải là phủ nhận sự tồn tại, mà là quán sát sâu sắc hơn. Trong thiền định, hành giả quan sát suy

nghĩ, cảm xúc mà không xem là "của mình". Ví dụ, khi tức giận vì bị chê bai, thay vì nghĩ "Tôi đang tức giận", ta nhận diện "Đây là một cảm giác tức giận" – đến rồi đi. Sự tách biệt này cho thấy không khoảnh khắc nào xác định bản sắc cố định. Khi ý niệm "cái tôi" tan biến, ta đạt giải thoát và thanh thản, không còn kiêu hãnh để bảo vệ.

Cốt lõi của Kinh Kim Cương là dính mắc vào tứ tướng thì gây khổ đau. Ta đau khi cơ thể, cảm xúc, con người thay đổi hay mất đi. Giải thoát nằm ở việc nhận ra chúng là ảo tưởng, sống không bám víu, từ bi với nỗi khổ của mọi loài.

9. Phủ nhận sự ràng buộc

Phủ nhận sự ràng buộc là cốt lõi thực hành của Kinh Kim Cương. Dính mắc vào vật chất, cảm xúc, suy nghĩ, lý tưởng gây khổ đau, vì ta lầm tưởng chúng cố định, mang lại hạnh phúc lâu dài. Nhưng mọi thứ đều vô thường, duyên khởi, như ảo ảnh. Không dính mắc không phải từ chối cuộc sống mà là nhận ra bản chất tạm thời của mọi pháp, sống khôn ngoan và an lạc hơn.

Thực hành này đòi hỏi quán sát tâm thức. Khi vui vì được khen, ta không bám vào cảm giác; khi đau vì thất bại, ta không xua đuổi. Ví dụ, trong công việc, ta nỗ lực nhưng không bám vào kết quả. Khi kỳ vọng không thành, ta bình thản thay vì thất vọng, duy trì sự tham gia mà không bị ràng buộc.

10. Bình thản: Tâm tự tại, an nhiên

Mục tiêu không dính mắc là tâm bình thản, không xáo trộn bởi thăng trầm. Ta cam kết với cuộc sống nhưng biết mọi thứ sẽ thay đổi, không tìm an toàn trong những cái bóng vô thường. Ngay cả khái niệm giác ngộ, tánh không cũng không nên bám víu, vì đó là phương tiện, không phải cứu cánh. Kinh dạy: *"Thật không có pháp gì được cho là Phật chứng đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác"*[1], nhắc nhở tránh chấp trước ngay cả sự chứng ngộ.

11. Phi nhị nguyên và bản chất của giáo pháp

Kinh Kim Cương nhấn mạnh thực tại không thể hiểu qua nhị nguyên – chia thành

---

1 Trích từ Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, bản dịch Cưu Ma La Thập, đoạn 31.

chấp trước/không chấp trước, chân lý/dối trá. Tánh không dạy mọi pháp đều không có bản chất cố định, ngay cả giáo pháp cũng phải buông bỏ sau khi đạt mục đích. Như chiếc bè vượt sông, giáo pháp là phương tiện, không phải chân lý tuyệt đối. Hiểu bất nhị giúp vượt qua phân biệt, thấy vạn vật "như vậy" (như thị), không bị bóp méo bởi tâm thức, đạt an nhiên và tự tại.

12. Sự linh hoạt, vô sở trụ của tâm

Kinh Kim Cương đòi hỏi tâm vô chấp, không xem giáo pháp như giáo điều. Khi mục đích đạt được, ta xả bỏ chúng, không bám vào khái niệm tánh không hay vô ngã. Vượt nhị nguyên giữa bám víu/từ chối, hành giả nhận ra giáo pháp là phương tiện, không phải thực tại tối hậu, dẫn đến chứng ngộ trực tiếp tính không mà không rơi vào hư vô.

13. Thực hành Trí tuệ Bát Nhã

Trí tuệ Bát Nhã (Prajñāpāramitā) là cốt lõi của thực hành Kinh Kim Cương, kết hợp quán chiếu trí tuệ và thiền định để thấu hiểu tánh

không. Bằng trí tuệ, ta phân tích: một cái bàn không tồn tại độc lập mà gồm gỗ, đinh, công sức – không có "cái bàn" riêng biệt. Trong thiền định, ta an trụ trong sự rỗng lặng, không bám vào khái niệm nào. "若以無所得心，受持此經，則為第一波羅蜜"[2] ***(Nếu dùng tâm không sở đắc, thọ trì kinh này, thì đó là đệ nhất Ba-la-mật)***. Trí tuệ giúp thấy rõ mọi pháp là huyễn, không thật, từ đó buông bỏ thủ chấp, đạt được tự tại.

14. Vượt qua khó khăn trong thực hành

Người mới thực hành có thể gặp khó khăn như chấp vào giáo pháp, hiểu sai tánh không là hư vô, hoặc bám vào sự chứng ngộ. Ví dụ, ta có thể nghĩ "Tôi phải đạt giác ngộ", biến nó thành một mục tiêu cố định, trái với vô sở trụ. Để vượt qua, ta quán chiếu tính tạm thời của khái niệm: ngay cả "giác ngộ" cũng là phương tiện, không phải thực tại tuyệt đối. "若人言如來有所說法，即為謗我"[3] ***(Nếu người nói Như Lai có thuyết pháp, tức là phỉ báng ta)***. Giữ tâm vô chấp, không bám

---

2 Sđd., đoạn 10.

3 Sđd., đoạn 8.

vào bất kỳ ý niệm nào, ta tránh được cạm bẫy và tiến gần giải thoát.

15. Thực hành Từ bi thông qua sự không thủ chấp

Không dính mắc không phải thờ ơ mà là nền tảng cho từ bi vô ngã. Khi buông bỏ bản ngã, ta thấy nỗi khổ của chúng sanh cũng bắt nguồn từ vô minh, giống ta. Điều này mở ra đồng thể đại bi, vô duyên đại từ, không vì phần thưởng mà hành động vì lợi ích người khác. Bồ Tát bước vào đời, giúp chúng sanh thoát khổ, không trụ vào thành quả, thể hiện sự cân bằng giữa trí tuệ (thấy tánh không) và từ bi (hành động cứu độ).

Trí tuệ mà không từ bi có thể dẫn đến lạnh lùng, vô cảm; từ bi mà không trí tuệ dễ gây kiệt sức và giới hạn. Hành giả thực hành không dính mắc kết hợp cả hai, yêu thương mà không ràng buộc, giúp đỡ mà không mong cầu. Ví dụ, khi hỗ trợ đồng nghiệp gặp khó khăn, ta tận tâm nhưng không mong họ biết ơn – đó là từ bi vô ngã.

16. Sự tự tại của một Bồ Tát

Sự tự tại của Bồ Tát là sống giữa đời mà không bị trói buộc. ***"Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm"***[4] ***(Nên không trụ nơi đâu mà phát tâm)*** – Bồ Tát không chấp Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ giả, hành động cứu độ mà không thấy ai để độ. Tâm không dao động giữa thăng trầm, khen chê, sinh tử hay Niết bàn, vì mọi khái niệm đều là huyễn mộng.

Trong đời sống hiện đại, sự tự tại này giúp ta buông bỏ áp lực thành bại, danh lợi. Làm việc tận tâm nhưng không mong thăng chức, giúp người mà không chờ đền đáp, ta sống an nhiên giữa biến động. Khi bị chê bai trong họp nhóm, ta không buồn; khi được khen, ta không kiêu – đó là tự tại giữa ràng buộc. Đây là trí tuệ Bát Nhã – thấu suốt mọi pháp, tự tại ngay trong thế gian, hóa độ mà không vướng mắc.

---

4 Sđd., đoạn 10.

Chương VI
Kết Luận

Kinh Kim Cương, hay ***Kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa*** (Vajracchedikā Prajñāpāramitā Sūtra), không chỉ là tập hợp tư duy triết học sâu sắc và giáo nghĩa siêu việt, mà còn là pháp môn dẫn dắt con người giải thoát khổ đau qua con đường giác ngộ. Đức Phật dạy rằng để đạt giải thoát, ta cần phá vỡ các quan niệm thông thường về thế giới, bản ngã và thực tại – không chỉ để suy ngẫm mà để thực hành, mang lại an nhiên và cứu độ bản thân lẫn tha nhân khỏi vô minh, phân biệt, chấp trước.

Là một trong những kinh điển quan trọng nhất của Phật giáo Đại thừa, Kinh Kim Cương đã ảnh hưởng sâu sắc đến các trường phái như Thiền tông, nơi nhấn mạnh sự trực

ngộ tính không và lan tỏa giá trị vượt thời gian đến cả tư tưởng hiện đại. Dưới đây là những điểm đáng chú ý cô kết toàn bộ Kinh:

1- **Phá chấp** – Con đường của trí tuệ Bát Nhã
2- **Thực hành vô trụ** – Sống trong thế gian mà không thuộc về thế gian
3- **Vô tướng** – Trí tuệ phá vỡ nhị nguyên
4- **Giáo pháp như chiếc bè** – Pháp cũng phải buông bỏ
5- **Công đức vô lượng** – Trí tuệ thành tựu từ thọ trì
6- **Bố thí và nhẫn nhục vô ngã** – Hạnh Ba-la-mật của một Bồ tát Đại sĩ.

Kinh Kim Cang là một kiệt tác siêu việt, không chỉ dẫn đường cho hành giả trên con đường giác ngộ, mà còn mở ra cái nhìn sâu sắc và thực tiễn về bản chất của thực tại - một thực tại không cố định, luôn vận hành, và không có "ngã" độc lập. Đây không chỉ là chân lý tâm linh, mà còn có sự tương ứng đáng kinh ngạc với góc nhìn khoa học hiện

đại. Vật lý lượng tử cho thấy rằng không có "thực thể độc lập" nào tồn tại ngoài sự tương tác - mọi hạt cơ bản đều phụ thuộc vào quan sát, vào tương quan mà hiện hữu. Tâm lý học hiện đại cũng xác nhận rằng cái "tôi" mà con người thường bám víu chỉ là một cấu trúc tạm thời, được tạo nên bởi ký ức, trải nghiệm và điều kiện xã hội. ***Trí tuệ vô ngã*** trong Kinh Kim Cang vì thế không phải là một lý thuyết viển vông, mà là sự giải phóng tâm thức khỏi những gông cùm của nhận thức sai lầm.

Trong đời sống hiện đại, nơi con người đối mặt với áp lực, cạnh tranh, và những khủng hoảng về bản ngã, giáo lý của Kinh Kim Cang mang lại một giá trị chữa lành sâu sắc. Buông bỏ chấp ngã, không còn cố nắm giữ một hình ảnh lý tưởng về bản thân, con người có thể sống an nhiên hơn, bao dung hơn, và giảm thiểu khổ đau do tham, sân, si. Khi không còn thấy có "tôi" bị tổn thương, hành giả sẽ không còn khởi tâm sân hận; khi không còn thấy có "người" để cứu độ, lòng từ bi trở nên thuần khiết và vô điều kiện.

Do đó, con đường của Bồ Tát trong Kinh Kim Cang không chỉ là lý tưởng tâm linh, mà còn là một phương pháp sống - đầy trí tuệ, từ bi và giải thoát - mà bất kỳ ai, dù tu sĩ hay cư sĩ, Đông phương hay Tây phương, cũng đều có thể áp dụng để vượt qua khổ đau và sống một đời sống ý nghĩa, hài hòa. Đây chính là tinh thần bất nhị, vượt qua mọi đối đãi để chạm đến bản chất bình đẳng và sáng tỏ của vạn pháp. Đúng như tinh thần: Pháp là bình đẳng, không có cao thấp, gọi là Chánh đẳng chánh giác.

Tuy nhiên, tất cả những trí tuệ ấy không thể đạt được chỉ qua lý luận hay phân tích. Giá trị chân thật của Kinh Kim Cang nằm ở sự thực hành và tu chứng. Chỉ khi hành giả đem giáo lý vào đời sống, sống bằng cái thấy vô ngã, hành xử với tâm từ bi không phân biệt, và thực hành bố thí, nhẫn nhục, quán chiếu từng niệm một cách tỉnh thức, thì trí tuệ mới khai mở. Chỉ khi ***"không trụ vào đâu mà sinh tâm"***, thì tâm ấy mới là tâm Bồ-đề chân thật.

Sự tu chứng không phải là đạt đến một cảnh giới mới lạ, mà là buông bỏ từng tầng chấp trước, từng lớp vọng tưởng, để thấy ra cái vốn sẵn sáng suốt, thanh tịnh nơi tự tâm - Phật tánh. Đây chính là giá trị rốt ráo và sống động của Kinh Kim Cang: không phải để thờ tụng, mà để thực hành; không phải để đạt được một điều gì, mà để buông bỏ hết thảy mọi điều.

Tài liệu tham khảo

- Kim Cương Tiên Luận, Thế Thân Bồ Tát
- Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh Khẩu Quyết, Lục Tổ Huệ Năng
- Kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật, bản dịch Cưu Ma La Thập
- Học giả T.R.V. Murti, The Central Philosophy of Buddhism (London: George Allen & Unwin, 1955)
- Học giả Edward Conze, Buddhism: Its Essence and Development (Oxford: Bruno Cassirer, 1951)
- Học giả Donald S. Lopez Jr., The Story of Buddhism (San Francisco: Harper, 2001)
- Thiền sư D.T. Suzuki, Essays in Zen Buddhism (London: Rider, 1949)
- Tổ Long Thọ, Trung Luận.

- Ngài Tăng Triệu, Triệu Luận.
- Học giả Edward Conze, The Diamond Sutra, 1957.
- Tổ Long Thọ, Đại Trí Độ Luận
- Đại sư Tông Khách Ba, Nhập Trung Luận Thiển Hiển Mật Ý Sớ, quyển 4
- Ngài Hám Sơn, Kim Cương Quyết Nghi.
- Đại sư Tinh Vân, Kinh Giảng Thoại
- Ngài Trí Khải, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ.
- Tổ Huệ Năng, Lục Tổ Đàn Kinh.
- Ngài Nghĩa Tịnh, Năng Đoạn Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh.
- Đại sư Thái Hư, Kinh Kim Cương Giảng Lục.
- Ngài Kiết Tạng, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ
- Ngài Tông Mật, Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ Luận Toản Yếu.

SÁCH CÙNG TÁC GIẢ ĐÃ XUẤT BẢN

(Other Published Works by the Author)

- A Technique for Developing Englightened Consciousness – translation.
  (Pháp Tu Quan Âm – dịch)
- Madhyamakakārikā – Nāgārjuna – translation.
  (Trung Luận – dịch)
- Buddhism and Modern Psychology – translation.
  (Phật Giáo Và Tâm Lý Học Hiện Đại – dịch)
- Simple introductory meditation – Hirosachiya
  (Bước Vào Thiền Cảnh – dịch)
- An Introduction to Madhyamaka Philosophy – translation. (Đại Cương Triết Học Trung Quán – dịch)
- An Introduction to the Buddhist Canon: 139 Buddhist Scriptures – translation.
  (Đại Tạng Kinh Nhập Môn – dịch)
- Handbook for Mankind – translation.
  (Cẩm Nan Nhân Sinh – dịch)
- The Four Sublime States: Doctrine & Practice in Buddhism

- Twelve Gates - Nāgārjuna's Dvādaśadvāraśāstra – translation. (Thập Nhị Môn Luận – dịch)
- Buddhist Guiding The 21st Century – translation.
  (Phật Giáo Hướng Dẫn Thế Kỷ 21 – dịch)
- Epistemology, Logic, and Grammar in Indian Philosophical Analysis – translation. (Phủ Định Thức & Biện Chứng Pháp Trung Quán – dịch)
- Zen in the Art of Archery Eugen Herrigel – translation. (Thiền Trong Nghệ Thuật Bắn Cung – dịch)
- Poetry: The Illusion of Dew Drops
  (Thơ: Giọt Sương Huyễn Hóa)
- Poetry: Flowers Bloom in the West
  (Thơ: Hoa Nở Trời Tây)
- A Brief History of Times - translation.
  (Lược Sử Thời Gian – dịch)
- The Way to Nibbana – Narada Maha Thera - translation (Con Đường Dẫn Tới Hạnh Phúc Đích Thực – dịch)
- The Four Sublime States
  (Tứ Vô Lượng Tâm)
- Beginning And Development of Buddhist Education in Vietnam (Doctoral Thesis)

- Dharma of Leadership: A Journey for Leaders from The Teaching of The Buddha.
- Taking Refuge in the Buddha, Dharma, Sangha and Receiving the Five Precepts.
- Buddhist Meditation Practice
- The Eightfold Path: The Path to True Bliss (Bát Chánh Đạo: Con Đường Dẫn Đến An Lạc Đích Thực)
- Buddhism and Science (Phật Giáo Và Khoa Học)
- Buddhism and Psychoanalysis (Phật Giáo Và Phân Tâm Học)
- Buddhism and Society (Phật Giáo Và Xã Hội)
- The Key to Happiness: The Buddha Way
- Buddhism and Education (Phật Giáo Và Giáo Dục)
- The Sutra of Forty-Two Sections - translation and interpretation. (Kinh Tứ Thập Nhị Chương – Dịch & Giảng)
- The Sutra of the Eight Realizations of Great Beings - translation and interpretation (Kinh Bát Đại Nhân Giác – Dịch & Giảng)

- Buddhism and Nature
  (Phật Giáo Và Thiên Nhiên)
- A Brief History of Indian Buddhism
  (Lược Sử Phật Giáo Ấn Độ)
- A Brief History of Buddhism in Canada (Lược Sử Phật Giáo Tại Canada)
- An Overview of World Buddhist History – Volume 1 (Tổng Quan Lịch Sử Phật Giáo Thế Giới - Cuốn 1)
- An Overview of World Buddhist History – Volume 2 (Tổng Quan Lịch Sử Phật Giáo Thế Giới - Cuốn 2)
- An Overview of World Buddhist History – Volume 3 (Tổng Quan Lịch Sử Phật Giáo Thế Giới - Cuốn 3)
- Mindfulness Meditation (Thiền Chánh Niệm)
- Meditation on Four Foundations of Mindfulness (Thiền Tứ Niệm Xứ)
- The Handbook of Building the Best Nonprofit Organizations and Temple.
  (Cẩm Nang Thành Lập Tổ Chức Phi Lợi Nhuận và Tự Viện)
- Method of Reciting Buddha's name (Pháp Môn Niệm Phật)

- Mindfulness Meditation
- The Sutra of Complete Enlightenment - Translation and Explaination (Viên Giác Khái Luận)
- Flower Adornment (Avatamsaka) Sutra Treatise (Hoa Nghiêm Khái Luận)
- Four Noble Truths (Tứ Diệu Đế)
- Lotus Sutra Treatise (Pháp Hoa Khái Luận)
- A Practical Guide To Mindfulness Meditation
- A Journey Through Western Philosophy (Tổng Quan Triết Học Phương Tây)
- Phật Giáo Có Phải Là Một Tôn Giáo Không? (Is Buddhism a Religion?)
- Kinh Tứ Thập Nhị Chương – dịch (Translation of the Sutra of Forty-Two Chapters)
- Kinh Bát Đại Nhân Giác – dịch (Translation of the Sutra of the Eight Great Realizations)
- Kinh Viên Giác dịch (Translation of the Perfect Enlightenment Sutra)
- Kinh Kim Cương – dịch (Translation of the Diamond Sutra)
- Duy Thức Học Khái Luận (An Overview of Yogācāra [Consciousness-Only] Philosophy)

- Duy Thức Tam Thập Tụng – dịch
  (Translation of the Thirty Verses on Consciousness-Only)
- Bát Thức Quy Củ Tụng – dịch
  (Translation of the Verses on the Structure of the Eight Consciousnesses)
- Giới Luật Phật Giáo (Buddhist Precepts or Buddhist Vinaya)
- Phật Giáo Và Nữ Giới
  (Buddhism and Women)
- Thiền Từ Bi (Loving-Kindness Meditation)
- Lặng Lẽ Mà Sáng – Hành Trình Tổ Nguyên Thiều Và Dòng Thiền Lâm Tế Tại Việt Nam
  (Silent Radiance: Zen Master Nguyên Thiều and the Lâm Tế Lineage in Vietnam)
- Bát Thức Quy Củ Tụng Trực Giải – dịch
- Kim Cương Khái Luận
  (An Overview of the Diamond Sutra)

PHƯƠNG DANH CHƯ PHẬT TỬ PHÁT TÂM CÚNG DƯỜNG IN ẤN KINH KIM CANG

1- Lâm Tố Phương $100
2- Nhật Chơn Thọ $40
3- Nhật Long $30
4- Diệu Hoa-Trần Mỹ Lệ-Lương Trần Nghĩa-Lương Jade Alan $40
5- Kim Anh-Tâm Quang $40
6- Ngọc Mi-Diệu Hải $60
7- Ngọc Chơn-Vương Cao Châu $50
8- Tân Quế Phương $ 100
9- Lâm Chu-Nhật Hậu $100
10- Ngô Ken-Nhật Thuận $100
11- Ngô Liễu $40
12- Huỳnh Thuý Diễm $40
13- Nguyễn Thanh Vượng-Như Thanh (hồi hướng cho Nguyễn Hải Hồ-PD: Pháp Hải) $100
14- Nguyễn Thị Kiều Oanh-Như Hoà (hồi hướng cho Nguyễn Hải Hồ-PD: Pháp Hải) $50

15- Nhật Chi $50
16- Nhật Bảo Quốc-Tịnh Quả $50
17- Nguyên Châu $50
18- Diệu Như $50
19- Nguyễn Thị Mỹ Linh-Nhật Hiền $20
20- Khuê Văn Cao $100
21- Xuân Lan Cao-Nhật Trí Liễu $100
22- Hoàng Anh-PD: Nguyên Khương $80
23- Phạm Trung Tín-Minh Trung $500
24- Cô Ấn Hiền $200
25- Nguyễn Thị Thuỳ-Diệu Hương $20
26- Bạch Ngọc-Diệu Tín $50
27- Lưu Lanny $60
28- Trần Ngọc Khánh Vân-PD: Diệu Thông (hồi hướng cho Trần Văn Hoàng-PD: Nhật Luận) $50
29- Lưu Thị Hà-Diệu Thanh (hồi hướng cho cửu huyền thất tổ) $60
30- Trương Thị Ngữ-Tâm Hoà $200
31- Trần Tường Vy-Nhật Hạnh $100
32- Trần Mỹ Quyên-Nhật Linh $200
33- Quang Lệ Hoa-Nhật Mỹ $80

34- Huệ Thanh $50
35- Đồng Ngọc Yến-Nhật Y $300
36- Ngọc Thanh-Nhật Loan $40
37- Nhật Tú $30
38- Nguyên Đoàn $100
39- Sì Lai Dương $20
40- Tina Tạ-Nhật Linh $50
41- Nguyễn Lan-Tâm Nhân $20
42- Đoàn Nghiệp Quảng-Quảng Hiếu $100
43- Nhật Thạch-Nhật Ân-Clara-Nhật Tường-Nhật Khánh $100
44- Trần Ngọc Diễm (hồi hướng cho Trần Văn Chè-Đức Toàn)$100
45- Trần Thị Nghiêm (hồi hướng cho Trần Văn Chè-Đức Toàn) $50
46- Ngô Thị Phiến (hồi hướng cho Lâm Tài Phong) $50
47- Ngô Kim Hồ (hồi hướng cho Lâm Tài Phong) $50
48- Lâm Kim Toàn (hồi hướng cho Lâm Tài Phong) $50
49- Ngô Sen $100

50- Trần Nữ - Nhật Lượng $50
51- Trần Thị Tu $25
52- Trần Muối $25
53- Trần Tú Phụng-Nhật Thanh Vân $50
54- Triệu Truyền (gia đình Minh Truyền) $50
55- Hà Thừa Lợi-Hà Đắc Bửu -Lâm Thái Mim $200
56- Rosana Linh Trần-Jeannie Tâm Trần- Amy Ngọc Trần - Michael Nelson $200
57- Trần Thị Mỹ Lệ - PD: Giác Châu $ 500
58- Zoe An Nguyễn-Kanny Hoàng Nguyễn-Pd: Giác Niệm $200
59- Quốc Nghị Hoàng-Pd: Minh Lý- Trần Anh Thi $100

60- Wendy Hoàng-Pd: Giác Hạnh (hồi hướng cho hương linh Thomas Quốc Trần-Pd: Phước Như) $ 200
61- Mã Là $50
62- Diệu Hiền $60
63- Lý-Jackson $200
64- Huỳnh Lương Diễm $100
65- Nguyễn Văn Lến $50

66- Nguyễn Chín $50
67- Trần Mỹ Châu-Huệ Ngọc $60
68- Nguyễn Việt Huệ-Nhật Quang $20
69- Nguyễn Thị Chính-Nhật Đoan $20
70- Trịnh Vũ Ngọc $40
71- Từ Bảo Hoà $12
72- Nhật Bửu Hương $20
73- Ly Ten-Ngọc Duyên $100
74- Lý Phấn Hoàn $50
75- Lý Phấn Mỹ $50
76- Nguyễn Thị Thanh Nhàn-Pd: Nhật Lộc $30
77- Jack Hàng $50
78- Tôn Thanh Liên-Diệu Hoàng $40
79- Eddie Thái $20
80- Tiffany Thái $ 20
81- Hân Nguyễn-Hoàng Huỳnh $ 60
82- Từ Lệ Liên -Tâm Hoa $50
83- Trương Khải Jiona-Pd: Từ Phương Hạnh $50
84- Tăng Khải Chánh-Tuệ Tâm Chơn $100
85- Diệp Phong-Nhật Điều $20
86- Diệu Hương $20
87- Lý Thoại Vân $20

88- Trần Đức Phong-Dovg Trần $20
89- Tăng Kim Yến $100
90- Liên Huệ $20
91- Đỗ Thoại Kiên-Pd: Phước Ngọc $100
92- Phạm Ngọc Allen-Pd: Thiện Thành $100
93- Lâm Ùng Mến-Pd: Chơn Giác $ 50
94- Võ Thị Nhành-Như Huệ $50
95- Lâm Kim Lang-Nhật Bảo Tịnh $50
96- Lâm Phiêu $50
97- Bé Đào Lâm Thiên Ân $ 50
98- Mạc Thị Mến-Pd: Nhật An $35
99- Dawn Phương Nguyễn $200
100- Ky Tran $20
101- Nhật Giang $10
102- Trang Đặng $50
103- Võ Hằng $20
104- Nguyên Thông $25
105- Nhật Hương $120
106- Mạc Đạo Thiêm $50
107- Eric A Ly $20
108- Mạc Kỳ Tinh $30
109- Lai Thanh Tùng (Trần Ngọc Thuận) $50

110- Huỳnh Quốc Cường-Tuệ Quang Lực và gia đình $100
111- Giác Hạnh $30
112- Lương Siêu Mai-Nhật Hoa $100
113- Đào Diệu Trinh $ 35
114- Nhật Chơn Tịnh $20
115- Hứa Ngọc Cúc $50
116- Trần Văn Sính $50
117- Nguyễn Thị Mai $50
118- Hứa Ngọc Lan $50
119- Lý Siêu Hà $10
120- Le Lillian $100
121- Hương linh Chen Kim $50
122- Dương Mã Kim Mai $50
123- Phật tử ẩn danh $1000
124- Nguỵ Toàn Trung $100
125- Nguỵ Bảo Vĩnh Phúc: $100
126- Quách Ngọc Xuân: $100
127- Huỳnh Ngọc Gia: $100
128- Lâm Hồng Ngọc Phụng _ Tùnh Hải: $100
129- Huỳnh Lâm Thomas: $50
130- Huỳnh lâm Trish: $50

131- Huỳnh Ngọc Lạc: $20
132- Huỳnh Ngọc Dương: $20
133- Mạc Đạo Thiêm: $100
134- Hứa Ngọc Cúc: $100
135- Khâu Thu Lan- Nhật Huệ: $100
136- Diệu Tường - Kim Nguyễn Borfulim$ 100
137- Diệp Minh Dũng - Nhật Kiệt: $200

Xin hồi hướng công đức của quý Đạo hữu lên mười phương chư Phật và nhất tâm cầu nguyện quý Đạo hữu phước huệ trang nghiêm, Bồ đề tâm tăng trưởng.